

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHAN THỊ HOÀI DUNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ
TRONG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN Á CHÂU (ACB), CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

2013 | PDF | 109 Pages
buihuuhanh@gmail.com

Đà Nẵng - Năm 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHAN THỊ HOÀI DUNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ
TRONG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN Á CHÂU (ACB), CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Tài chính ngân hàng
Mã số : 60.34.20**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS VÕ THỊ THÚY ANH

**2013 | PDF | 109 Pages
buihuuhan@gmail.com**

Đà Nẵng - Năm 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

*Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được
ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

Tác giả

Phan Thị Hoài Dung

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Bố cục đề tài	3
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu	3
CHƯƠNG 1 . CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG CHO VAY TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	7
1.1. DỰ ÁN ĐẦU TƯ (DADT)	7
1.1.1. Khái niệm dự án đầu tư	7
1.1.2. Phân loại dự án đầu tư	7
1.1.3. Chu trình hình thành và phát triển một dự án đầu tư	8
1.2. THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	11
1.2.1 Khái niệm thẩm định tài chính dự án đầu tư	11
1.2.2 Sự cần thiết và mục tiêu thẩm định tài chính dự án đầu tư trong cho vay của ngân hàng thương mại	11
1.2.3 Nội dung công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại các ngân hàng thương mại	14
1.2.4. Tiêu chí đánh giá kết quả của công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại các ngân hàng thương mại	29
1.2.5. Nhân tố ảnh hưởng tới công tác thẩm định dự án đầu tư	31

CHƯƠNG 2. TRẠNG CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG.....	37
2.1. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG	37
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	37
2.1.2 Cơ cấu tổ chức	38
2.1.3 Chức năng nhiệm vụ và thị trường mục tiêu	39
2.1.4. Tình hình hoạt động của ngân hàng trong thời gian gần đây	40
2.2. THỰC TRẠNG THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG	42
2.2.1 Căn cứ thẩm định dự án đầu tư tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng.....	42
2.2.2 Tổ chức thẩm định dự án đầu tư tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng.....	43
2.2.3 Quy trình thẩm định dự án đầu tư.....	45
2.2.4. Nội dung công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại ACB-Đà Nẵng.....	48
2.2.5 Đánh giá kết quả công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng.....	62
2.3 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG	65
2.3.1 Kết quả đạt được	65
2.3.2 Hạn chế và nguyên nhân	67

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH	
TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG	
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU - ĐÀ NẴNG	76
3.1 CĂN CỨ ĐƯA RA GIẢI PHÁP	76
3.1.1 Định hướng hoạt động cho vay tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng trong thời gian tới.	76
3.1.2 Định hướng cho công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong cho vay trong thời gian tới.	77
3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH	
DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	
CỔ PHẦN Á CHÂU CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG	79
3.2.1. Cải tiến công tác tổ chức điều hành công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại chi nhánh.	79
3.2.2. Hoàn thiện phương pháp phân tích	82
3.2.3. Nâng cao tính chính xác trong các nội dung thẩm định tài chính....	84
3.2.4 Tăng cường công tác thu thập xử lý thông tin	85
3.2.5 Các biện pháp hỗ trợ.....	86
3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	90
3.3.1. Kiến nghị với ACB.....	90
3.3.2.Với nhà nước và các Bộ, Ngành có liên quan.....	90
KẾT LUẬN	93
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (Bản sao)	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ACB	:	Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu
CBTD	:	Cán bộ phẩm định
CP	:	Chi phí
DA	:	Dự án
DAĐT	:	Dự án đầu tư
ĐN	:	Đà Nẵng
LN	:	Lợi nhuận
MMTB	:	Máy móc thiết bị
NHTM	:	Ngân hàng thương mại
QHKh	:	Quan hệ khách hàng
TC	:	Tài chính
TCTD	:	Tổ chức tín dụng
TĐ	:	Thẩm định
TN	:	Thu nhập
SCĐ	:	Tài sản cố định

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1	Tình hình huy động vốn, cho vay, thu nhập tại ACB – Đà Nẵng trong 3 năm 2010 – 2012	40
2.2	Số lượng và quy mô dự án được thẩm định và cho vay trong 3 năm 2010 – 2012	62
2.3	Tình hình cho vay dự án đầu tư của chi nhánh qua 3 năm 2010 – 2012	63
2.4	Tình hình tỷ lệ dự án không thu hồi được nợ đúng hạn qua 3 năm 2010 – 2012	64
2.5	Cơ cấu nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng qua 3 năm 2010 – 2012	64

DANH MỤC CÁC HÌNH

Số hiệu hình	Tên bảng	Trang
2.1	Cơ cấu tổ chức của ACB - Đà Nẵng	38
2.2	Quy trình thẩm định dự án vay vốn tại ACB Đà Nẵng	45

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nền kinh tế Việt Nam đang bước vào thời kỳ phát triển mạnh mẽ, các nguồn lực xã hội đang được tận dụng ở mức tối đa, các dự án đầu tư (DAĐT) đang tăng nhanh cả về số lượng lẫn quy mô. Trong bối cảnh đó với tư cách là một kênh dẫn vốn quan trọng trong nền kinh tế, các ngân hàng thương mại (NHTM) đã và đang đóng góp tích cực vào sự thành công của các dự án đầu tư, đặc biệt với nhiều dự án lớn, có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của đất nước.

Đối với ngân hàng, tài trợ dự án là hoạt động chủ yếu và quan trọng vì nó thường mang lại lợi nhuận cao song cũng chứa đựng nhiều rủi ro, gây thiệt thời gian dài...). Do đó, trước khi quyết định cho vay thì các dự án đầu tư được lập và thẩm định rất kỹ càng để giảm thiểu rủi ro. Thẩm định tài dự án đầu tư có vai trò vô cùng quan trọng, nó quyết định xem dự án ấy có được đầu tư hay không và nó quyết định đến hoạt động kinh doanh của cả hệ thống ngân hàng. Vì vậy, công tác thẩm định dự án đầu tư luôn được chú trọng nâng cao chất lượng và ngày một hoàn thiện tại hệ thống ngân hàng thương mại nói chung và ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Đà Nẵng nói riêng .

Là một trong những ngân hàng TMCP có uy tín trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, ngân hàng Á Châu đã cung ứng một lượng vốn lớn cho đầu tư phát triển tại địa phương thông qua việc tài trợ vốn cho các DAĐT. Tuy nhiên hoạt động tín dụng tại chi nhánh vẫn bộc lộ không ít những hạn chế còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, dư nợ quá hạn vẫn còn ở mức khá cao. Một trong những nguyên nhân chính là do công tác thẩm định dự án chưa thực sự hiệu quả. Do đó để đảm bảo an toàn trong hoạt động, hạn chế rủi ro và hướng tới mục tiêu sinh lời, ngân hàng đã ngày càng chú trọng nâng cao hiệu quả công tác thẩm định dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của mình. Từ lí do trên tôi chọn đề *tài*

"Hoàn thiện công tác thẩm định dự án đầu tư trong cho vay tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB) chi nhánh Đà Nẵng" làm mục tiêu nghiên cứu với hi vọng có đóng góp nhất định vào việc hạn chế rủi ro, nâng cao chất lượng tín dụng tại chi nhánh.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa lý luận về công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong cho vay tại ngân hàng thương mại.
- Phân tích và đánh giá thực trạng công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong cho vay tại NHTM cổ phần Á Châu (ACB) chi nhánh Đà Nẵng.
- Đề xuất những giải pháp công tác thẩm định tài chính DAĐT trong cho vay tại ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) chi nhánh Đà Nẵng, góp phần xây dựng phương pháp thẩm định tài chính dự án chính xác và hiệu quả làm cơ sở vững chắc cho công tác tín dụng tại chi nhánh. Qua đó, Chi nhánh tối đa hóa lợi nhuận, giảm thiểu rủi ro và phục vụ một cách linh hoạt, đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác thẩm định tài chính DAĐT trong cho vay tại chi nhánh.
- Phạm vi nghiên cứu:
 - + Về nội dung: Thẩm định DAĐT bao gồm nhiều khía cạnh với nội dung đa dạng như thẩm định về mặt pháp lý dự án, thẩm định kinh tế dự án, thẩm định kỹ thuật dự án, thẩm định tài chính dự án nhưng đề tài chỉ giới hạn trong nội dung công tác thẩm định tài chính DAĐT trong cho vay tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng còn những nội dung khác đề tài không đề cập đến.
 - + Về không gian: Tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng.

+ Về thời gian: Nội dung phân tích của đề tài chỉ căn cứ vào dữ liệu từ năm 2010 đến 2012.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn đi từ nền tảng lí luận về công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong cho vay và kế thừa các đề tài nghiên cứu khác và vận dụng vào đánh giá thực trạng công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng. Ngoài ra luận văn còn sử dụng phương pháp thống kê, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp so sánh, đối chiếu, phương pháp logic và một số phương pháp khác. Các số liệu sử dụng trong luận văn là các số liệu công bố trong báo cáo và đề tài nghiên cứu đã công bố chính thức tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng.

5. Bộ cục đề tài

Luận văn ngoài phần mở đầu, phần kết luận, tài liệu tham khảo và mục lục, gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong cho vay tại ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong cho vay tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB) chi nhánh Đà Nẵng.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong cho vay tại NHTM cổ phần Á Châu (ACB) chi nhánh Đà Nẵng

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Hiện nay đã có một số đề tài nghiên cứu về nội dung “Hoàn thiện công tác thẩm định tài chính DAĐT trong cho vay” tại các chi nhánh Ngân hàng TMCP cũng như là tại các tổ chức tín dụng trong nước nói chung và trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng. Chẳng hạn như luận văn thạc sĩ của tác giả

Nguyễn Văn Lành với đề tài “ Hoàn thiện công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại công ty cổ phần dầu khí Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng” năm 2012. Nội dung của đề tài này tác giả đã hệ thống hóa, phân tích và tổng hợp khung lý luận về các vấn đề liên quan đến hoàn thiện công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của tổ chức tín . Căn cứ vào các chỉ tiêu phản ánh công tác thẩm định tài chính DAĐT, phân tích, đánh giá thực trạng công tác thẩm định tài chính dự án trong hoạt động của công ty cổ phần dầu khí Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng và từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác thẩm định tài chính DAĐT tại công ty cổ phần dầu khí Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng. Đề tài này chủ yếu quán triệt phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đối với từng nội dung nghiên cứu cụ thể, tác giả sử dụng phương pháp so sánh, phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp và nghiên cứu tình huống. Đề tài này đã góp phần hệ thống hóa các lý luận khoa học về thẩm định tài chính dự án trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, đặc biệt là các mối quan hệ biện chứng giữa thẩm định tài chính dự án và các khâu thẩm định khác, giữa thẩm định DAĐT, năng lực tài chính của chủ đầu tư và môi trường kinh tế tài chính trong vòng đời dự án. Tuy nhiên nhược điểm đề tài này là chưa nêu bật được công tác thẩm định tài chính DAĐT được thực hiện như thế nào và các giải pháp đưa ra chưa mang tính tổng thể.

Luận văn của tác giả Trần Thị Như Lai với đề tài “ Hoàn thiện công tác thẩm định tài chính trong hoạt động cho vay tại ngân hàng Ngoại thương Quảng Nam” năm 2008. Đề tài này chủ yếu làm rõ vấn đề thẩm định tài chính trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại, đánh giá về thực trạng công tác thẩm định tài chính trong hoạt động cho vay của ngân hàng Ngoại thương Quảng Nam, qua đó chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế trong công tác thẩm định tài chính và nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trên. Sau đó đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác

thẩm định tài chính trong hoạt động cho vay tại chi nhánh. Các phương pháp sử dụng trong quá trình thực hiện đề tài này là: Phương pháp thống kê, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp so sánh, đối chiếu và một số phương pháp khác để làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu. Tuy nhiên, nội dung phân tích của luận văn chủ yếu thiên về phân tích báo cáo tài chính của dự án và chủ đầu tư để từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện. Chính vì vậy các giải pháp mà tác giả đưa ra chưa bao quát và đầy đủ đồng thời các phương pháp phân tích được sử dụng còn thông thường, đơn giản, chưa có phương pháp cụ thể đối với từng nội dung.

Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh của tác giả Hồ Thân Ái Vân với đề tài “Hoàn thiện công tác thẩm định tài chính dự án cho vay của ngân hàng VP bank - Đà Nẵng” năm 2012. Đề tài dựa trên việc hệ thống hóa cơ sở lý luận về TĐTC dự án đầu tư và chủ yếu khảo sát số liệu để đưa ra các giải pháp chính. Luận văn sử dụng tổng hợp các phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, phương pháp logic và nghiên cứu so sánh. Tuy nhiên nội dung phân tích của đề tài còn đơn giản, các phương pháp sử dụng chưa cụ thể, rõ ràng và các giải pháp đưa ra chưa mang tính ứng dụng lâu dài.

Nghiên cứu đề tài Hoàn thiện công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong cho vay tại ngân hàng Á Châu chi nhánh Đà Nẵng luận văn sẽ kế thừa các mặt đạt được như:

- Nội dung cơ sở lý luận về công tác thẩm định DAĐT trong cho vay tại các ngân hàng thương mại.
- Một số phương pháp thẩm định tài chính của các đề tài trước như: phương pháp phân tích, so sánh, đối chiếu.

Bên cạnh những mặt kế thừa luận văn sẽ nêu thêm các nội dung của công tác thẩm định tài chính đồng thời bổ sung các phương pháp phân tích, đánh giá các nội dung đó. Dựa trên thực trạng công tác thẩm định tài chính

các DAĐT trong cho vay tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng trong thời gian gần đây để tìm hiểu những mặt đạt được, hạn chế và nguyên nhân của công tác đó và đi sâu phân tích mặt đạt được, hạn chế và nguyên nhân trên để đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác TĐTC dự án đầu tư trong cho vay tại NHTM cổ phần Á Châu - Đà Nẵng. Và đây là phương pháp nghiên cứu mới mẻ ở luận văn này.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG CHO VAY TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. DỰ ÁN ĐẦU TƯ (DAĐT)

1.1.1. Khái niệm dự án đầu tư

Dự án đầu tư là một tập hợp những đề xuất có liên quan đến việc bỏ vốn để tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo những cơ sở vật chất nhất định, nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng hoặc duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ trong khoảng thời gian xác định.

Xét về mặt hình thức thì DAĐT là một tập hồ sơ tài liệu trình bày một cách chi tiết và có hệ thống kế hoạch các hoạt động và chi phí tương ứng để đạt được những mục tiêu nhất định trong tương lai.

1.1.2. Phân loại dự án đầu tư

Có nhiều cách để phân loại dự án đầu tư, tùy theo từng tiêu thức khác nhau mà ta có cách phân loại khác nhau. Sau đây là một số cách phân loại dự án đầu tư.

Nếu phân loại theo tính chất của đối tượng DT, DAĐT được chia thành:

- + Các dự án về sản xuất kinh doanh dịch vụ có khả năng hoàn vốn.
- + Các dự án thuộc lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng, văn hóa, xã hội.
- + Các DAĐT tổng hợp phát triển kinh tế vùng.

Nếu phân loại theo mức độ chi tiết của dự án, DAĐT được chia thành:

+ Dự án tiền khả thi: Đối với các dự án có quy mô lớn, vốn đầu tư lớn, giải pháp đầu tư phức tạp, thời gian đầu tư dài, không phải một lúc mà đạt được tính khả thi mà cần phải trải qua một bước nghiên cứu sơ bộ, đánh giá bước đầu, đó là dự án tiền khả thi.

+ Dự án khả thi: Còn được gọi là luận chứng kinh tế kỹ thuật, báo cáo khả

thi, giải trình kinh tế kỹ thuật. Là dự án đã được nghiên cứu một cách chi tiết trên tất cả các mặt bao gồm cả thị trường, chi phí tài chính, mức độ rủi ro... để làm cơ sở cho quyết định có đầu tư hay không.

Nếu căn cứ vào mối quan hệ giữa các DAĐT, các DAĐT được chia thành:

- + DAĐT độc lập: Là dự án khi triển khai có thể tự tồn tại và phát triển, không phụ thuộc vào bất cứ các dự án nào khác để hỗ trợ cho nó.
- + DAĐT phụ thuộc: Sự tồn tại và hoạt động của dự án này phụ thuộc vào sự tồn tại và hoạt động của dự án khác.
- + DAĐT xung khắc (loại trừ nhau): Chọn dự án A thì phải loại dự án B và ngược lại.

Căn cứ theo phương diện quản lý Nhà nước, các DAĐT được chia thành

- + Nhóm các dự án từ đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước.
- + Nhóm các dự án từ đầu tư từ nguồn vốn khác.

Nếu phân loại theo quy mô và tầm quan trọng của dự án khác theo quy định quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước. Căn cứ vào tính chất và quy mô, DAĐT được chia thành 3 nhóm: A, B, C.

1.1.3. Chu trình hình thành và phát triển một dự án đầu tư

Chu trình hình thành và phát triển một DAĐT trải qua 3 thời kỳ: Thời kỳ chuẩn bị dự án, thời kỳ thực hiện dự án, thời kỳ kết thúc dự án. Nội dung các bước công việc ở mỗi thời kỳ của các dự án không giống nhau, tùy thuộc vào lĩnh vực đầu tư, vào tính chất sản xuất và thời gian đầu tư ...

a. Thời kỳ chuẩn bị dự án: Thời kỳ này trải qua 3 giai đoạn mỗi giai đoạn thực hiện một nhiệm vụ cụ thể.

Giai đoạn nghiên cứu cơ hội đầu tư: Nghiên cứu cơ hội đầu tư là tìm kiếm những điều kiện để đầu tư một cách thuận lợi, phù hợp với khả năng mong muốn đầu tư của nhà đầu tư.

Công việc đầu tiên của giai đoạn này là nghiên cứu, phát hiện cơ hội đầu tư tức là phát hiện được nhu cầu về một loại sản phẩm hoặc dịch vụ thích hợp cho đầu tư. Chẳng hạn như: Loại sản phẩm hoặc dịch vụ mới hoặc loại sản phẩm hoặc dịch vụ đã có nhưng được tổ chức đáp ứng nhu cầu tốt hơn.

Cơ sở nghiên cứu cơ hội đầu tư là phải dựa trên các điều kiện thực tế. Đó là các điều kiện về kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của vùng, của quốc gia, chiến lược phát triển của ngành; tình hình thị trường và nhu cầu của thị trường trong nước, khu vực thế giới về mặt hàng, dịch vụ nào đó.

Tuy nhiên khi phát hiện cơ hội đầu tư cần phải xem xét đến các yếu tố liên quan đến sự phát triển và tính khả thi của dự án như: Lợi thế so sánh của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ dự kiến đầu tư và thị trường có thể chiếm lĩnh, tiềm năng tài nguyên, lao động có thể khai thác để chiếm lĩnh thị trường, những kết quả về tài chính và kinh tế - xã hội sẽ đạt được nếu thực hiện đầu tư, khả năng của chủ đầu tư về vốn, kỹ thuật... và năng lực quản lý.

Giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi : Là bước nghiên cứu tiếp theo của các cơ hội đầu tư có nhiều triển vọng đã được sơ bộ lựa chọn như có quy mô đầu tư lớn, phức tạp về mặt kỹ thuật, thời gian thu hồi vốn dài. Mục đích nghiên cứu tiền khả thi là có để có được những ước tính phản ánh đúng (có định lượng) của các biến số để chứng tỏ rằng dự án có đủ hấp dẫn để tiến hành nghiên cứu sâu hơn (bước nghiên cứu tiền khả thi).

Yêu cầu đối với giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi là cần làm rõ xem cơ hội đầu tư có đáp ứng được các yêu cầu cơ bản cho việc đầu tư hay không và cơ hội đầu tư đã hội đủ các điều kiện cần thiết để tiếp tục nghiên cứu bước tiếp theo hay chưa thỏa mãn các điều kiện phải loại bỏ. Tuy nhiên giai đoạn này chủ yếu nghiên cứu những nét lớn của các vấn đề, chưa xem xét chi tiết dự án và độ chính xác chưa cao.

Giai đoạn nghiên cứu khả thi: Là bước cuối cùng trong việc soạn thảo DAĐT, phải nghiên cứu toàn diện, sâu sắc các mặt của DA nhằm đi đến kết luận cơ hội đầu tư là khả thi hay không khả thi. Chính vì vậy số liệu thông tin phải trung thực, chính xác. Và việc nghiên cứu, tính toán phải chi tiết, chính xác, có tính đến những yếu tố bất thường có thể xảy ra trong từng nội dung nghiên cứu.

Cuối thời kỳ này ta đưa ra quyết định chấp nhận hay không chấp nhận việc thực hiện dự án.

b. Thời kì thực hiện dự án: Thời kỳ này trải qua 2 giai đoạn. Đây là những giai đoạn rất quan trọng nhằm đưa cơ hội đầu tư vào thực hiện.

Giai đoạn xây dựng dự án: Các công việc của giai đoạn này bao gồm rất nhiều khâu thực hiện và đòi hỏi phải được tiến hành một cách trình tự và khoa học. Trước khi tiến hành thi công dự án phải thực hiện các công việc cần thiết như: Xin giấy phép chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất, chuẩn bị mặt bằng xây dựng, chọn thầu tư vấn thiết kế, thẩm định thiết kế, đấu thầu mua sắm thiết bị, thi công xây lắp, xin giấy phép xây dựng, ký các hợp đồng thực hiện dự án. Sau khi hoàn thành các công việc trên mới đáp ứng đủ các điều kiện cần thiết để tiến hành thi công công trình và lắp đặt thiết bị. Công trình hoàn thành phải tiến hành tổng nghiệm thu công trình.

Giai đoạn vận hành khai thác dự án: Đây là giai đoạn cuối của thời kì này. Sau khi xây dựng xong công trình sẽ tiến hành bàn giao công trình, tiến hành vận hành dự án, đưa công trình vào sản xuất kinh doanh và bảo hành công trình.

c. Thời kỳ kết thúc dự án: Đây là thời kỳ cuối cùng của quá trình hình thành và phát triển một DAĐT. Sau khi dự án được vận hành và đưa vào sử dụng, dự án sẽ được đánh giá hiệu quả hay không và kết thúc dự án sẽ tiến hành thanh lý đồng thời nghiên cứu, phát triển dự án mới.

1.2. THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1 Khái niệm thẩm định tài chính dự án đầu tư

Đầu tư là hoạt động sử dụng vốn nên quyết định ĐT trước hết là quyết định tài chính. Trên thực tế hoạt động ĐT, như xây dựng, mua sắm MMTB, xây dựng công trình...luôn được cân nhắc, xem xét từ khía cạnh tài chính. Nếu DA khả thi ở một số phương diện nhưng không khả thi ở phương diện tài chính thì sẽ không thể thực hiện được trong thực tế. Điều này khẳng định được tầm quan trọng của công tác TD, đánh giá về phương diện tài chính DA.

Đứng trên góc độ là chủ đầu tư: TD tài chính DAĐT gồm các hoạt động xem xét, đánh giá, dự toán các luồng CP tài chính, lợi ích tài chính của DA. Từ đó xác định giá trị ròng của các luồng tài chính này trong điều kiện giá trị đồng tiền thay đổi theo thời gian. Cuối cùng đánh giá, xem xét giá trị tài chính ròng đó so với CP ban đầu có thỏa đáng không. □

Đứng trên góc độ người tài trợ, các ngân hàng, các tổ chức tài chính thì thẩm định tài chính DAĐT là đánh giá dự án chủ yếu trên phương diện khả thi, hiệu quả tài chính, dòng tiền và xem xét khả năng thu nợ của ngân hàng. Có thể đưa ra khái niệm về thẩm định tài chính DAĐT như sau: Thẩm định DAĐT là quá trình xem xét, phân tích, đánh giá dự án một cách khách quan, khoa học và toàn diện trên các nội dung tài chính nhằm mục đích lựa chọn dự án để quyết định tài trợ hoặc cho vay vốn.

1.2.2 Sự cần thiết và mục tiêu thẩm định tài chính dự án đầu tư trong cho vay của ngân hàng thương mại

a. Sự cần thiết thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại

Về phía chủ đầu tư: Việc thẩm định DAĐT giúp chủ đầu tư lựa chọn được phương án ĐT tối ưu, có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện, khả

năng tự có cũng như khả năng huy động các nguồn vốn, giảm chi phí chuẩn bị cũng như tiến hành hoạt động ĐT đem lại lợi nhuận cao trong tương lai để quyết định ĐT.

Về phía các NHTM: Việc TD sẽ giúp họ đánh giá, xem xét lại các chi phí và hiệu quả của DA, các luồng dịch chuyển về giá trị và dòng tiền DA trên cơ sở đó xem xét các kế hoạch trả nợ và đưa ra quyết định tài trợ đúng đắn. Điều này giúp cho các nhà tài trợ hỗ trợ chủ DA sử dụng đồng vốn có hiệu quả đồng thời bảo đảm sự an toàn tài chính cho chính các NH.

TĐTC dự án đã tạo ra cơ sở vững chắc cho hoạt động đầu tư có hiệu quả. Ngân hàng thu lợi chủ yếu nhờ hoạt động cho vay, mỗi một khoản tín dụng được cấp ra nhất thiết phải mang lại lợi ích cho ngân hàng, điều đó đồng nghĩa với việc đảm bảo cho hoạt động của ngân hàng được an toàn và hiệu quả. Vì vậy, điều mà ngân hàng quan tâm nhất là khả năng hoàn trả khoản vay cả gốc lẫn lãi đúng thời hạn. Mặt khác, khi lập dự án do mong muốn được vay vốn nên chu đầu tư có thể đã thổi phồng lợi ích dẫn đến ước lượng quá lạc quan về hiệu quả kinh tế của DA. Do đó, việc ngân hàng phải tiến hành thẩm định DAĐT trên mọi phương diện kỹ thuật, thị trường, tổ chức quản lý, tài chính... là rất quan trọng, trong đó thẩm định tài chính dự án đầu tư có thể nói là đóng vai trò quan trọng nhất.

Một dự án đầu tư như đã đề cập thường đòi hỏi một lượng vốn rất lớn, trong một thời gian dài, phần lớn vượt quá khả năng tài chính, khả năng tự tài trợ của các doanh nghiệp. Do vậy họ phải huy động nguồn tài trợ từ các NHTM. Về phía NHTM, cho vay theo DAĐT là một nghiệp vụ kinh doanh truyền thống, có khả năng sinh lời cao nhưng cũng chứa đựng nhiều rủi ro. Và để giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra, các NHTM không có cách nào khác là phải tiến hành thẩm định các DAĐT mà công việc quan trọng nhất ở đây là TĐTC dự án. Vai trò quan trọng của TĐTC dự án thể hiện ở chỗ nó chính là căn cứ

chính yếu nhất để NHTM đưa ra quyết định tài trợ của mình. Bên cạnh đó, thông qua việc TD một cách chi tiết, NH sẽ phát hiện ra những thiếu sót, bất hợp lý trong các luận cứ và tính toán của DA, từ đó cùng với chủ đầu tư tìm ra biện pháp khắc phục, nâng cao tính khả thi của DA.

Có thể nói thẩm định tài chính dự án là nội dung quan trọng nhất và phức tạp nhất trong quá trình thẩm định dự án. Bởi vì nó đòi hỏi sự tổng hợp của tất cả các biến số tài chính, kỹ thuật, thị trường...đã được lượng hoá trong các nội dung thẩm định trước nhằm phân tích, tạo ra những bảng dự trù tài chính, những chỉ tiêu tài chính phù hợp và có ý nghĩa. Và những chỉ tiêu này, sẽ là những thước đo quan trọng hàng đầu giúp NHTM đưa ra quyết định cuối cùng: chấp thuận tài trợ hay không?

Như vậy, công tác thẩm định tài chính DADT có vai trò rất quan trọng. Chính vì vậy, các NHTM luôn tìm mọi biện pháp nhằm hoàn thiện công tác thẩm định DADT cũng như hoàn thiện công tác TD tài chính DADT để góp phần đảm bảo an toàn và hiệu quả cho đồng vốn đầu tư của NH.

b. Mục tiêu thẩm định tài chính dự án đầu tư trong cho vay của ngân hàng thương mại

Thẩm định tài chính DADT mang tầm quan trọng lớn đối với NHTM. Mục tiêu của ngân hàng khi tiến hành thẩm định tài chính dự án nhằm:

- Đánh giá được mức độ tin cậy của dự án đầu tư mà khách hàng đã lập và nộp cho ngân hàng khi khách hàng vay vốn.
- Đánh giá được quy mô và nguồn tài trợ của dự án đầu tư.
- Phân tích đánh giá được hiệu quả tài chính của dự án thông qua các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả như: NPV, IRR, BPB, IP...
- Phân tích đánh giá rủi ro DADT thông qua việc phân tích tình huống, phân tích độ nhạy và phân tích mô phỏng. Từ đó làm cơ sở cho việc tham gia góp ý, tư vấn cho chủ đầu tư, tạo tiền đề đảm bảo hiệu quả cho vay, thu được

cả gốc và lãi đúng hạn, hạn chế và phòng ngừa rủi ro.

- Giúp cho cán bộ ngân hàng ra quyết định cho vay tránh tình trạng mắc phải sai lầm trong quyết định cho vay.

Nói tóm lại, mục tiêu của TĐTC dự án đầu tư là nhằm đánh giá một cách trung thực hiệu quả tài chính của DAĐT để ngân hàng làm căn cứ quyết định cho vay, phát hiện ngăn chặn những dự án xấu, không bỏ sót các dự án tốt trong quy luật ngày càng khan hiếm các nguồn lực.

1.2.3 Nội dung công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại các ngân hàng thương mại

a. Nội dung thẩm định tài chính tại các ngân hàng thương mại

Thẩm định tài chính dự án đầu tư là một nội dung thẩm định quan trọng trong quá trình thẩm định dự án của các ngân hàng thương mại. Đồng thời kết quả thẩm định tài chính DAĐT là căn cứ quan trọng để ngân hàng đưa ra quyết định cho vay vốn. Chính vì vậy nội dung thẩm định tài chính phải đầy đủ các khía cạnh và thể hiện được một cách chính xác và trung thực hiệu quả tài chính, và khả năng trả nợ của dự án. Các nội dung chính khi thẩm định cần tiến hành phân tích, đánh giá bao gồm:

Thẩm định tổng mức vốn đầu tư và nguồn tài trợ của DAĐT

- Thẩm định tổng mức vốn đầu tư.

Tổng mức vốn đầu tư là số tiền dự tính phải chi ra để ĐT vào TSCĐ và tài sản lưu động đảm bảo cho DA được xây dựng hoàn thành và vận hành ổn định và tạo ra sản phẩm theo đúng kế hoạch thiết kế. Tổng mức vốn đầu tư được chia thành 3 giai đoạn: Vốn cho chuẩn bị ĐT, vốn thực hiện ĐT và vốn ở giai đoạn kết thúc ĐT.

Vốn cho chuẩn bị đầu tư bao gồm: Các khoản chi phí như điều tra, khảo sát, nghiên cứu phục vụ cho lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi; lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi

(kế cả tư vấn) hoặc báo cáo đầu tư; chi phí đo đạc, khảo sát đính giá hiện trạng khi lập dự án đầu tư cải tạo sửa chữa; phí và lệ phí thẩm định...

Vốn thực hiện đầu tư dùng để trang trải các chi phí sau:

+ Chi phí thiết bị: chi phí mua sắm thiết bị công nghệ, các trang thiết bị khác phục vụ sản xuất, làm việc, sinh hoạt của công trình; chi phí vận chuyển từ cảng hoặc nơi mua đến công trình, chi phí lưu kho, lưu bãi, chi phí bảo quản, bảo dưỡng tại kho bãi ở hiện trường.

+ Chi phí xây dựng và lắp đặt thiết bị: chi phí san lấp mặt bằng xây dựng; chi phí xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công, nhà tạm tại hiện trường để ở và thi công (nếu có); chi phí xây dựng các hạng mục công trình; chi phí lắp đặt thiết bị (đối với thiết bị cần lắp đặt).

+ Các chi phí khác: chi phí đền bù và tổ chức thực hiện trong quá trình đền bù, tiền thuê đất hoặc tiền chuyên quyền sử dụng đất; chi phí khảo sát xây dựng, thiết kế công trình, chi phí cho việc phân tích, đánh giá kết quả đấu thầu xây lắp, mua sắm thiết bị; chi phí giám sát thi công xây dựng và lắp và các chi phí tư vấn khác...

Vốn đầu tư ở giai đoạn kết thúc ĐT, đưa DA vào khai thác sử dụng bao gồm các chi phí như chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư; chi phí tháo dỡ công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công, nhà tạm.

Căn cứ vào các thành phần chi phí cấu thành nên tổng mức vốn đầu tư trong từng giai đoạn, kiểm tra sự đầy đủ và hợp lý của các loại chi phí này trong tổng mức vốn đầu tư. Đặc biệt chú ý đến các yếu tố có thể tác động làm tăng tổng mức vốn đầu tư so với dự toán như: Lạm phát, tỷ giá hoặc phát sinh thêm các khối lượng so với tính toán ban đầu. CBTD có thể tham khảo các DA mang tính chất tương tự như cùng ngành, cùng quy mô, cùng áp dụng các loại kỹ thuật, công nghệ thi công hoặc cùng điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội để so sánh và ước lượng CP trước những vấn đề phát sinh trong quá trình

triển khai ảnh hưởng tới tổng mức vốn đầu tư. Nếu phát hiện sự khác biệt nào giữa các dự án trên phải phân tích tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

- Thẩm định nguồn tài trợ DA: Trên cơ sở tổng vốn đầu tư cho dự án, ngân hàng tiến hành xem xét các nguồn tài trợ cho dự án, trong đó phải tìm hiểu về khả năng đảm bảo vốn từ mỗi nguồn về quy mô và tiến độ. Các nguồn tài trợ cho dự án có thể do chính phủ tài trợ, vốn tự có của chủ đầu tư, ngân hàng cho vay, vốn huy động từ các nguồn khác. □

Để đảm bảo tiến độ thực hiện đầu tư của dự án, vừa để tránh ú đọng vốn, nên các nguồn tài trợ được xem xét không chỉ về mặt số lượng mà phải theo dõi cả về thời điểm nhận được tài trợ.

Tiếp đó phải so sánh nhu cầu về vốn với khả năng đảm bảo vốn cho dự án từ các nguồn về số lượng và tiến độ. Khả năng lớn hơn hoặc bằng nhu cầu thì dự án được chấp nhận. Sau khi xem xét các nguồn tài trợ cho dự án cần xem xét cơ cấu nguồn vốn của dự án. Có nghĩa là xem xét tỷ lệ của từng nguồn chiếm trong tổng mức vốn đầu tư dự kiến.

Vậy qua nghiên cứu bước này ngân hàng có thể có được quyết định phù hợp nếu cho vay thì phải giải ngân như thế nào để đảm bảo dự án được tiến hành một cách thuận lợi.

Thẩm định doanh thu, chi phí của dự án

Thẩm định doanh thu, chi phí và xác định dòng tiền hằng năm của dự án là một nội dung không thể thiếu trong TĐTC dự án vì thông qua đó ngân hàng có thể đánh giá được khả năng trả nợ của dự án, đồng thời xác định thời hạn tín dụng, hình thức tín dụng thích hợp nhất cho khoản tài trợ.^[4]

- Thẩm định doanh thu của DA:

Doanh thu của DA được dự tính cho từng năm hoạt động và bao gồm: doanh thu từ sản phẩm chính, doanh thu từ sản phẩm phụ, doanh thu từ dịch

vụ cung cấp cho bên ngoài và các khoản khác như: Tiền lãi của các khoản tiền nhàn rỗi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, thu nhập từ thanh lý tài sản...

Trong quá trình TĐTC dự án, để đảm bảo tính hợp lý của doanh thu, cần kiểm tra 2 yếu tố: giá bán và sản lượng sản xuất hằng năm. Giá bán phải dựa trên cơ sở chi phí thực tế, phù hợp với giá của các sản phẩm cùng loại trên thị trường. Sản lượng cung ứng chủ yếu dựa vào phân tích, dự báo cung cầu sản phẩm trong tương lai và việc xác định công suất thực tế của MMTB.^[4]

- **Thẩm định chi phí của DA:**

Xem xét lại và tính toán đầy đủ các yếu tố chi phí cần thiết để tiến hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Chi phí dự án được tính cho từng năm trong suốt cả vòng đời của dự án, các chi phí này cũng được xác định dựa trên công suất thực tế của dự án như: công suất máy móc, thiết bị; định mức tiêu hao năng lượng, nguyên vật liệu, sử dụng lao động; đơn giá các loại chi phí như lao động, nguyên vật liệu, nhiên liệu, lao động; phương pháp khấu hao, tỷ lệ khấu hao. Căn cứ vào kế hoạch SXKD của từng năm, kế hoạch khấu hao, kế hoạch trả nợ, chi phí hoạt động bao gồm CP cố định và CP biến đổi.^[5]

- **Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh:**

Trên cơ sở doanh thu, chi phí hoạt động và thuế để xác định kết quả sản xuất, kinh doanh hằng năm (lợi nhuận sau thuế) của DA. Phải xem xét sự chuẩn xác trong tính toán thu nhập, chi phí của tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác, các khoản thuế phải nộp, chế độ miễn giảm thuế. Sau khi xác định sự đúng đắn của các yếu tố trên lập bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thẩm định tỷ suất chiết khấu

Tỷ suất chiết khấu là tỷ suất sinh lời cần thiết mà nhà đầu tư yêu cầu đối với một dự án, là cơ sở chiết khấu các dòng tiền trong việc xác định giá trị

hiện tại ròng của dự án. Xác định đúng tỷ suất chiết khấu có ý nghĩa rất quan trọng. Thông thường lãi suất chiết khấu được xác định như sau:

+ Đối với chủ đầu tư: Tỷ suất chiết khấu có thể được lựa chọn là tỷ suất sinh lời kỳ vọng của nhà đầu tư về dự án bằng lãi suất phi rủi ro cộng với phần bù rủi ro của nhà đầu tư.

+ Đối với ngân hàng: Tỷ suất chiết khấu có thể bằng với chi phí sử dụng vốn trung bình của DAĐT.

Thẩm định dòng tiền của dự án đầu tư

Để đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính của DA ta phải xem xét những thay đổi về dòng tiền của doanh nghiệp. Bước đầu tiên và quan trọng là nhất là xem xét liệu dòng tiền tính toán có phù hợp hay không. Một dòng tiền phù hợp là một sự thay đổi trong tổng dòng tiền tương lai của DN được coi là hậu quả trực tiếp của việc thực hiện dự án hay còn gọi là dòng tiền chênh lệch.

Xuất phát từ khái niệm về dòng tiền phù hợp, dòng tiền của dự án bao gồm 3 bộ phận: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh dự án, chi tiêu vốn và thay đổi vốn lưu động ròng. Như vậy dòng tiền được xác định như sau:

$$\text{Dòng tiền ròng} = \frac{\text{Dòng tiền từ}}{\text{hoạt động kinh}} + \frac{\text{Thay đổi}}{\text{VLD ròng}} - \frac{\text{Chi tiêu}}{\text{vốn của}} \\ \text{của dự án} \quad \text{doanh của dự án} \quad \text{VLD ròng} \quad \text{dự án}$$

Trong đó:

$$\text{Dòng tiền từ hoạt động} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{sau thuế}} + \frac{\text{Khấu}}{\text{hao}} + \frac{\text{Lãi}}{\text{vay}}$$

$$\text{kinh doanh của dự án}$$

Khấu hao: Khấu hao là chi phí khi tính lợi nhuận chịu thuế và thu nhập ròng của dự án, nhưng khấu hao không phải là chi phí bằng tiền nên được coi là một nguồn thu của dự án và là một phần của dòng tiền.

Khấu hao là một chi tiêu tài chính rất nhạy cảm và có ảnh hưởng lớn đến tình trạng tài chính của dự án. Khấu hao là một nguồn chủ yếu để trả nợ. Do

đó việc xác định phương pháp khấu hao hợp lý có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đảm bảo hoạt động và khả năng trả nợ của dự án. Khi hết khấu hao giá trị thanh lý của tài sản được bổ sung vào dòng thu của dòng tiền.

Vốn lưu động ròng: Ngay khi triển khai dự án, doanh nghiệp cần có một lượng vốn lưu động nhất định. Lượng vốn này có thể được bổ sung và thu hồi tùy theo nhu cầu về vốn lưu động của dự án trong từng thời điểm, đến khi kết thúc dự án thì lượng vốn lưu động sẽ được thu hồi. Chênh lệch vốn lưu động hằng năm được tính vào dòng tiền, chênh lệch tăng được tính vào dòng tiền ra, chênh lệch giảm được tính vào dòng tiền vào của dự án.

Chi tiêu vốn: Là khoản đầu tư tăng thêm để thay thế, bổ sung TSCĐ tính vào dòng tiền ra của dự án. Trong trường hợp này dòng thu khi đó cũng sẽ tăng thêm giá trị khấu hao phần tài sản đầu tư bổ sung tương ứng.

Đồng thời khi xác định dòng tiền cần chú ý đến cách xử lý các biến số dòng tiền như: Chi phí cơ hội, chi phí chìm, chi phí lịch sử, vốn lưu động, thuế thu nhập công ty, các chi phí gián tiếp...

+ **Chi phí cơ hội:** Là những khoản thu nhập mà công ty phải mất đi do sử dụng nguồn lực của công ty vào dự án. Chi phí cơ hội không phải là khoản thực chi nhưng vẫn được tính vào dòng tiền vì đó là một khoản thu nhập mà công ty phải mất đi khi thực hiện dự án.^[5]

+ **Chi phí chìm:** Là những chi phí đã phát sinh trước khi có quyết định thực hiện dự án. Vì vậy dù dự án có được thực hiện hay không thì chi phí này cũng đã xảy ra rồi. Do đó chi phí chìm không được tính vào dòng tiền DA.^[5]

+ **Chi phí lịch sử:** Là chi phí cho những tài sản sẵn có của công ty, được sử dụng cho dự án. Chi phí này có được tính vào dòng tiền của dự án hay không là tùy theo chi phí cơ hội của tài sản bằng không thì không tính, nhưng nếu tài sản có chi phí cơ hội thì được tính vào dòng tiền của dự án.^[5]

+ Thuế thu nhập công ty: là một dòng tiền ra của DA được xác định dựa vào báo cáo kết quả kinh doanh của DA. Thuế thu nhập công ty chịu tác động bởi phương pháp tính khấu hao và chính sách vay nợ của DA. Khấu hao và lãi vay sẽ tạo ra cho DA một lá chắn thuế và làm giảm thuế phải nộp. [5]

+ Các chi phí gián tiếp: Khi dự án được thực hiện có thể làm tăng chi phí gián tiếp, vì vậy chi phí gián tiếp tăng thêm này cũng phải được xác định để đưa vào dòng tiền của dự án. [5]

Thẩm định hiệu quả tài chính DAĐT

Phương pháp phân tích tài chính thông dụng nhất ở Việt Nam hiện nay là phương pháp chiết khấu dòng tiền (discounted cash flow method). Phương pháp này thực hiện qua trình tự: Dự báo dòng tiền, lựa chọn tỷ lệ chiết khấu, tính toán, phân tích các chỉ tiêu hiệu quả tài chính để đánh giá hiệu quả tài chính của dự án.

Một DA được đánh giá là rất tốt khi dự án đó phải tạo ra được mức lợi nhuận tuyệt đối lớn nhất; có tỷ suất sinh lời cao - ít nhất phải cao hơn tỷ suất lãi vay hoặc suất sinh lời mong muốn hoặc suất chiết khấu bình quân ngành hoặc thị trường; khối lượng và doanh thu hoà vốn thấp và dự án phải nhanh chóng thu hồi vốn. Để đánh giá hiệu quả tài chính DA có 2 nhóm chỉ tiêu sau:

- Nhóm các chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lời của dự án

+ Chỉ tiêu giá trị hiện tại ròng (NPV-Net Present Value)

NPV là chỉ tiêu cơ bản dùng để đánh giá hiệu quả của một dự án đầu tư vì nó thể hiện giá trị tăng thêm mà dự án đem lại cho công ty. Giá trị hiện tại ròng (NPV) là tổng hiện giá dòng tiền ròng của dự án với suất chiết khấu thích hợp. [5] Công thức tính toán giá trị hiện tại ròng (NPV) như sau:

$$NPV = \sum_{t=0}^n \frac{NCF_t}{(1+r)^t}$$

Trong đó: NPV là giá trị hiện tại ròng
 NCF_t là dòng tiền ròng năm t.
 r là suất chiết khấu của dự án đầu tư.
 n là tuổi thọ dự án đầu tư.

DA chỉ đáng đầu tư khi nào có $NPV \geq 0$ vì chỉ khi ấy thu nhập từ DA mới đủ trang trải chi phí và mang lại lợi nhuận tăng thêm cho nhà đầu tư.^[5]

Ngân hàng khi cho vay thường chỉ quan tâm đến vấn đề an toàn về vốn. Một dự án có NPV càng nhỏ thì khả năng xảy ra rủi ro trong việc hoàn trả gốc và lãi của doanh nghiệp càng lớn. Chính vì vậy NH thường có xu hướng lựa chọn những DA có NPV đủ lớn nhằm giảm thiểu rủi ro cho khoản tín dụng này. Tuy nhiên, khi thẩm định dự án, doanh nghiệp thường đưa ra tỷ lệ chiết khấu thấp để $NPV > 0$. Vì vậy, để thẩm định NPV ngân hàng cần thẩm định việc dự tính tỷ lệ chiết khấu của doanh nghiệp là hợp lý hay không. Và với tỷ lệ chiết khấu hợp lý đó thì $NPV > 0$ sẽ giúp cho ngân hàng khẳng định việc cho vay là có hiệu quả.

+ Chỉ tiêu suất sinh lời nội bộ (IRR) : Suất sinh lời nội bộ là suất chiết khấu để giá trị hiện tại ròng của dự án bằng 0.^[5] Tức giá trị hiện tại của dòng thu nhập tính theo tỷ lệ chiết khấu đó cân bằng với hiện giá của vốn đầu tư. Hay nói cách khác, nó chính là tỷ lệ sinh lợi tối thiểu của dự án.

Mỗi phương án đầu tư đem ra phân tích đánh giá cần được tính IRR. Phương án được chọn là phương án có IRR lớn hơn chi phí vốn (tỷ lệ chiết khấu). IRR là lãi suất cần tìm sao cho $NPV = 0$. Để xác định được suất sinh lời nội bộ chúng ta thiết lập phương trình sau:

$$NPV = \sum_{t=0}^n \frac{NCF_t}{(1+r)^t} = 0$$

Hoặc ta có thể xác định IRR bằng phương pháp nội suy như sau: Chọn tìm 2 lãi suất r_1 và r_2 sao cho tương ứng với r_1 ta có $NPV_1 > 0$, ứng với r_2 ta

có $NPV_2 < 0$. IRR cần tìm ứng với $NPV = 0$ sẽ nằm giữa 2 tỷ suất chiết khấu r_1 và r_2 . Áp dụng phương pháp này ta được kết quả của IRR theo công thức:

$$IRR = r_1 + \frac{NPV_1(r_2 - r_1)}{|NPV_1| - |NPV_2|}$$

Trong đó $r_2 > r_1$, $NPV_1 > 0$ gần 0, $NPV_2 < 0$ gần 0. Qua cách tính trên cho thấy IRR là suất sinh lời thực tế của DAĐT. Vì vậy một dự án được chấp nhận khi dự án có IRR lớn hơn hoặc bằng tỷ suất chiết khấu. Khi IRR lớn hơn tỷ suất chiết khấu đồng nghĩa với việc NPV của dự án sẽ lớn hơn 0 tức là thu nhập của dự án đủ để trang trải chi phí và mang lại lợi ích cho chủ đầu tư. Chính vì vậy dự án có IRR càng lớn hơn tỷ suất sinh lời thì thu nhập của dự án càng cao và càng làm giảm thiểu được khả năng rủi ro của dự án góp phần đảm bảo được an toàn vốn cho ngân hàng.

+ Chi số khả năng sinh lợi (PI): Chỉ tiêu là tỷ lệ giữa giá trị hiện tại của các luồng tiền DA mang lại và giá trị của đầu tư ban đầu. Chỉ tiêu này phản ánh 1 đơn vị đầu tư sẽ mang lại bao nhiêu đơn vị giá trị. Nếu PI lớn hơn 1 có nghĩa là, DA mang lại giá trị cao hơn chi phí và khi đó DA có thể chấp nhận được. Chỉ tiêu PI càng lớn thì khả năng đảm bảo hoàn trả vốn gốc và lãi đúng hạn càng cao, giảm thiểu khả năng rủi ro cho vốn đầu tư của ngân hàng.

$$\text{Công thức xác định như sau: } PI = \frac{PV}{P}$$

Trong đó: PV là thu nhập ròng hiện tại, P là vốn đầu tư ban đầu. Với $PV = NPV + P$

Các chỉ tiêu đánh giá khả năng trả nợ của dự án

- Chỉ tiêu điểm hòa vốn trả nợ: Là điểm được xác định khi dự án có đủ tiền trả nợ vốn vay và đóng thuế thu nhập.

$$+ \text{Sản lượng tại điểm hòa vốn} = \frac{f - D}{p - v}$$

$$+ \text{Doanh thu tại điểm hòa vốn} = \frac{(f - D + N + T)p}{p - v}$$

Trong đó: p là giá bán 1 sản phẩm, v là biến phí tính cho 1 đơn vị sản phẩm và f là tổng định phí, D là khấu hao của năm tính toán, N là nợ gốc phải trả, T là thuế phải nộp của năm.

Điểm hòa vốn càng nhỏ thì độ an toàn dự án càng cao, thời gian thu hồi vốn càng ngắn.

- Chỉ tiêu Thời gian hoàn vốn (PBP): Thời gian hoàn vốn của một DAĐT là thời gian để dòng tiền tạo ra từ DA đủ bù đắp CP đầu tư ban đầu.^[5] Cho nên, thời gian thu hồi vốn của một DA càng ngắn càng tốt để tránh được những biến động, rủi ro bất định mà có thể ảnh hưởng xấu đến khả năng thu hồi vốn của ngân hàng. Công thức tính:

$$PBP = n + \frac{\sum_{t=0}^n |NCF_t|}{NCF_{n+1}}$$

Trong đó: PBP là thời gian hoàn vốn của DAĐT, n là số năm để dòng tiền tích lũy của dự án < 0, nhưng dòng tiền dương đến năm n+1, NCF_t là dòng tiền ròng năm t.

- Các chỉ tiêu hoàn vốn vay

Trong cơ cấu vốn đầu tư của DA nếu có sử dụng vốn vay, phải tính toán thêm chỉ tiêu thời gian hoàn vốn vay tương ứng với số vốn vay để đầu tư DA. Để tránh rủi ro không thu hồi được nợ đúng hạn, Ngân hàng quan tâm nhiều tới thời gian hoàn vốn vay. Trong số những dự án có thời gian hoàn vốn đầu tư hợp lý, ngân hàng sẽ lựa chọn tài trợ dự án có thời gian hoàn vốn vay ngắn nhất nhưng tối đa bằng thời gian vay vốn dự kiến. Để so sánh giữa các DA, CBTĐ lập thêm bảng cân đối trả nợ để xác định khả năng trả nợ vay trong thời gian vay dự kiến của chủ đầu tư.

- Chỉ tiêu hệ số khả năng trả nợ

$$\boxed{\text{KNTN} = \frac{\text{Tổng nguồn trả nợ}}{\text{Tổng nợ phải trả (gốc và lãi, phí)}}}$$

KNTN ≥ 1 thì dự án có khả năng hoàn trả vốn vay.

Tóm lại: Mỗi chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính dự án đều có những ưu nhược điểm nhất định. Vậy để có thể đưa ra được một kết quả thẩm định chính xác và hiệu quả thì cần kết hợp tất cả các chỉ tiêu trên vì chúng bổ sung hỗ trợ cho nhau giúp người thẩm định đưa ra được kết luận khách quan và chính xác nhất.

Phân tích rủi ro dự án

Trên lý thuyết và thực tế có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến dòng tiền dự án vì phần lớn các biến số dùng để lập dự toán là không chắc chắn. Chẳng hạn ta không thể xác định một cách chắc chắn giá cả, sản lượng...tại một thời điểm trong tương lai. Việc thay đổi giá trị các biến số giúp chúng ta có cái nhìn bao quát hơn về tác động của sự biến động các biến số đến dòng tiền và hiệu quả dự án, đặc biệt có 3 biến số cần kiểm tra đó là doanh thu bán hàng, chi phí cho sản phẩm bán ra và chi phí đầu tư. Phân tích rủi ro giúp CBTĐ tìm ra các phương án lạc quan và xác định được sự lựa chọn các yếu tố đầu vào sát với thực tế. Có nhiều phương pháp phân tích rủi ro, tuy nhiên hiện nay các ngân hàng sử dụng phổ biến 3 phương pháp sau :

Phân tích tình huống: Khi phân tích DA, chúng ta tính NPV căn cứ vào các dòng tiền đã dự tính. Để nhận biết khả năng xảy ra sai lệch các biến đầu vào làm sai lệch kết quả, ta thay đổi một số giả thiết về các dự tính trong tương lai. Cách phổ biến của phương pháp này là đặt ra các mức thay đổi cao hơn hoặc thấp hơn các mức cơ sở.

Phân tích độ nhạy: Là việc khảo sát ảnh hưởng của sự thay đổi một nhân tố hay hai nhân tố đồng thời đến hiệu quả tài chính và khả năng trả nợ của

DA. Có nhiều nhân tố ảnh hưởng với mức độ trọng yếu khác nhau, tuy nhiên phân tích độ nhạy là tìm ra một số nhân tố trọng yếu nhất và đánh giá độ rủi ro của DA dựa vào các nhân tố này. Xác định các yếu tố dễ bị thay đổi do ảnh hưởng của các nhân tố bên ngoài. Các nhân tố thường được khảo sát:

- Nhóm nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu: Sản lượng tiêu thụ, đơn giá bán, công suất thực hiện...
- Nhóm nhân tố ảnh hưởng đến chi phí sản xuất: Chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công...
- Các nhân tố khác: Tỷ giá ngoại hối, lãi suất vốn vay...

Phân tích mô phỏng: Là phương pháp phân tích sự tác động của nhiều yếu tố lên các chi tiêu hiệu quả thông qua nhiều tình huống qua đó xác định các xác suất DA có hiệu quả. Phương pháp này loại bỏ được các nhược điểm của phân tích tình huống và phân tích độ nhạy nhưng tính toán rất phức tạp.

Đánh giá về các yếu tố rủi ro của dự án: Việc đánh giá, phân tích, dự đoán các rủi ro là rất quan trọng nhằm tăng tính khả thi của phương án tính toán dự kiến cũng như chủ động có biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu.

b. Công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong cho vay tại các ngân hàng thương mại.

Hoạt động TD tài chính dự án diễn ra theo một quy trình thống nhất với các bước cụ thể. Thông thường, TD tài chính DA được tiến hành như sau:

Thu thập dữ liệu: Xác định dữ liệu các yếu tố đầu vào, đầu ra của dự án.

Yếu tố đầu vào là các loại nguyên, vật liệu, máy móc thiết bị, nhân công nhằm phục vụ cho quá trình xây dựng và vận hành DADT. Yếu tố đầu vào cần phải được xác định một cách phù hợp với DAĐT nhằm mục đích cuối cùng là xác định chính xác dòng tiền vào và để đạt được điều này cần thu thập các dữ liệu liên quan đến yếu tố đầu vào như chất lượng, số lượng, giá cả và

nguồn cung cấp các yếu tố đầu vào nhằm mục đích xem xét các dữ liệu này có hợp lý và khả thi hay không.

Yếu tố đầu ra là sản phẩm của dự án bao gồm sản phẩm chính, sản phẩm phụ và các phụ kiện thanh lý khác. Đối với yếu tố này phải đáp ứng được tính hợp lý, nhằm xác định dòng tiền ra hợp lý của DA. Để đạt được điều này đòi hỏi sản phẩm đầu ra phải phù hợp với nhu cầu thị trường và đáp ứng được yêu cầu về lợi ích của công ty. Chính vì vậy đối với loại yếu tố này cần phải thu thập các dữ liệu như : Số lượng, chất lượng , giá cả của sản phẩm của dự án và các sản phẩm cạnh tranh trên thị trường cũng như là nhu cầu của thị trường đối với loại sản phẩm này ở thời điểm hiện tại và trong tương lai.

Các yếu tố khác: Tình hình tài chính của chủ đầu tư, nguồn vốn của dự án, uy tín của chủ đầu tư, đối thủ cạnh tranh, thị trường tiêu thụ...các yếu tố này ảnh hưởng rất lớn tới tính khả thi của DA. Đối với các yếu tố này cần phải thu thập dữ liệu từ bên trong (hệ thống lưu trữ thông tin của ngân hàng) và bên ngoài (kiểm toán, thuế, các cơ quan Nhà nước, các TCTD khác, thông tin truyền thông, thị trường...) và kết hợp với dữ liệu từ hồ sơ của chủ dự án gửi đến cho ngân hàng.

Nói tóm lại, CBTĐ cần xác định mô hình đầu vào, đầu ra phù hợp theo đặc điểm và quy mô dự án, nhằm đảm bảo khi tính toán phải phản ánh trung thực, chính xác hiệu quả và khả năng trả nợ của dự án. Dữ liệu của DA có 2 loại: Dữ liệu quá khứ và dữ liệu tương lai. Dữ liệu quá khứ là dữ liệu đã xuất hiện rồi chẳng hạn kết quả hoạt động SXKD của DN trong những năm vừa qua, tình hình nguồn vốn hiện tại của DN, uy tín của doanh nghiệp trên thị trường...Dữ liệu tương lai là những dữ liệu liên quan đến DA, những dữ liệu này chưa xuất hiện và việc thu thập dữ liệu này chủ yếu dựa trên hồ sơ DA của DN và sự khảo sát thị trường của ngân hàng. Đó là sự tính toán, ước lượng của DN và ngân hàng về DA trong tương lai. Dữ liệu của DA được lấy

chủ yếu từ hồ sơ DA bao gồm: Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án, Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, Quyết định phê duyệt tổng mức đầu tư, kết quả đấu thầu, hợp đồng thi công xây lắp và cung cấp thiết bị...

Xử lý dữ liệu và thẩm định tài chính dự án

Khi xác định được mô hình đầu vào, đầu ra của DA cần phải phân tích và xử lý các dữ liệu phục vụ cho công tác tính toán hiệu quả DA.

Xác định các giả định để tính toán phương án cơ sở. Phương án cơ sở là phương án mà việc tính toán hiệu quả TC và khả năng trả nợ của phương án đó sử dụng các giả định ở mức sát với thực tế dự báo sẽ xảy ra nhất. Bên cạnh đó cũng cần xây dựng các tình huống khác ngoài trường hợp cơ sở.

Lập bảng thông số cho trường hợp cơ sở: Bảng thông số là bảng dữ liệu nguồn cho mọi bảng tính khi tính toán. Các chi tiêu cần thiết của bảng thông số tùy thuộc vào từng DA. Các thông số của DA nên được phân nhóm để dễ kiểm soát. Các bảng tính được tính toán thông qua liên kết công thức với bảng thông số vì vậy khi chuyển hướng phân tích hay thay đổi các giả định, có thể kiểm soát trên bảng thông số mà không bị sai sót. Bảng thông số cũng là bước chuẩn bị cho bước phân tích độ nhạy cho dự án. Bảng thông số cần được lập trước khi bắt đầu tính toán. Các thông số phát sinh được bổ sung trong quá trình tính toán cho đến khi hoàn chỉnh bảng thông số.

Lập các bảng tính trung gian: Trước khi lập bảng tính hiệu quả dự án, cần phải lập các bảng tính trung gian. Các bảng tính trung gian này thuyết minh rõ hơn các giả định được áp dụng và là các thông số tổng hợp đầu vào cho bảng tính hiệu quả dự án, bảng dòng tiền của dự án và bảng cân đối kế hoạch trả nợ sau này. Tùy mức độ phức tạp, đặc điểm của từng dự án mà số lượng, nội dung các bảng tính trung gian khác nhau. Thông thường với một dự án sản xuất, bảng tính trung gian mà CBTĐ cần lập bao gồm: Bảng tính

sản lượng và doanh thu, bảng tính chi phí nguyên vật liệu, bảng tính chi phí quản lý bán hàng, bảng tính thuế VAT đầu vào, bảng lập khâu bao...

Tiến hành thẩm định các nội dung tài chính và lập báo cáo hiệu quả DA, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bảng dòng tiền DA, bảng cân đối kế hoạch trả nợ. Bảng cân đối khả năng trả nợ dựa trên bảng báo cáo kết quả kinh doanh và bảng tính khâu hao.

Phân tích độ nhạy: Khi một dự án gặp rủi ro thì các chỉ tiêu tài chính của dự án có thể không như dự tính ban đầu do đó CBTĐ sử dụng phương pháp phân tích độ nhạy để do lường sự biến động trên. Bước đầu tiên của phân tích độ nhạy là xác định các biến đầu vào và đầu ra cần phân tích độ nhạy. Sau đó xác định các chỉ số đánh giá hiệu quả dự án (NPV, IRR..) và lập bảng phân tích độ nhạy.

Trên cơ sở phân tích độ nhạy của dự án, CBTĐ đưa ra đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các biến số tới các chỉ tiêu hiệu quả tài chính đồng thời đưa ra các giả định của phương án lạc quan và phương án xấu.

Sử dụng kết quả thẩm định

Sau khi hoàn thành các bước thẩm định trên CBTĐ sẽ đưa ra kết luận cho vay hay không cho vay. Nếu cho vay thì với tổng số vốn cho vay là bao nhiêu và phương thức trả nợ và lãi như thế nào. Cho vay kèm theo những điều kiện cụ thể nào, đồng thời điều chỉnh lại kế hoạch trả vốn vay ngân hàng để phù hợp với dòng tiền dự án.

Trên cơ sở hồ sơ thẩm định trình lãnh đạo, cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định xem xét và có ý kiến: Đồng ý toàn bộ hoặc đồng ý một phần hoặc không đồng ý với tờ trình thẩm định.

Sau khi lãnh đạo phụ trách thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định, đơn vị thẩm định sẽ nhận kết quả phê duyệt và trình lãnh đạo cấp có thẩm quyền phê duyệt tín dụng, đầu tư.

Kiểm soát, đánh giá kết quả thẩm định

Kiểm soát kết quả thẩm định là một khâu quan trọng trong quá trình thẩm định DAĐT của ngân hàng và được thực hiện bởi Ban kiểm soát. Hoạt động kiểm soát nhằm kiểm tra, rà soát đảm bảo hoạt động thẩm định DAĐT được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật và quy trình thẩm định của ngân hàng. Hoạt động thẩm định sẽ được kiểm soát về cả hai mặt: Nội dung thẩm định và cách thức thực hiện thẩm định.

+ Về mặt nội dung thẩm định, Ban kiểm soát sẽ kiểm tra, rà soát sự đầy đủ, chi tiết của các nội dung thẩm định, nhằm đảm bảo tất cả các nội dung tài chính của DAĐT đã được thẩm định một cách đầy đủ theo đúng trình tự quy định.

+ Về cách thức thực hiện, Ban kiểm soát sẽ dựa vào quy trình thẩm định và hướng dẫn thẩm định của ngân hàng để kiểm tra trong từng khâu thẩm định. Kiểm soát cách thức thẩm định nhằm đảm bảo quá trình thẩm định được diễn ra có trình tự, đúng quy cách, phân công nhiệm vụ rõ ràng và làm cơ sở cho việc xác định trách nhiệm khi có rủi ro xảy ra.

Đánh giá kết quả thẩm định tài chính là đánh giá mức độ chính xác của kết luận về mặt tài chính DAĐT mà CBTĐ đưa ra. Công việc đánh giá này không chỉ dừng lại ở đánh giá kết luận cuối cùng mà còn đánh giá cụ thể chi tiết ở từng nội dung thẩm định, xem xét từng nội dung thẩm định tài chính DAĐT đã được thẩm định chính xác chưa và những nhận xét mà CBTĐ đưa ra có đáng tin cậy hay không? Công việc đánh giá kết quả thẩm định được tiến hành sau khi quá trình thẩm định kết thúc và được tổng kết, đánh giá lại khi kết thúc DAĐT.

1.2.4. Tiêu chí đánh giá kết quả của công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại các ngân hàng thương mại

a. Tốc độ tăng trưởng số DAĐT được thẩm định và cho vay qua các năm

Tốc độ tăng trưởng số DAĐT được thẩm định và cho vay qua các năm tăng cho thấy khả năng mở rộng hoạt động cho vay dự án đầu tư của ngân

hàng đang ở trong tình trạng tốt. Điều này có nghĩa là ngân hàng thu hút được nhiều khách hàng xin vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư, chứng tỏ ngân hàng đó có uy tín trong việc cung cấp các khoản tín dụng dự án đầu tư có chất lượng. Đội ngũ khách hàng đông đảo, làm ăn có uy tín thì đó là một trong những dấu hiệu tốt của công tác cho vay của ngân hàng mà trong đó có sự đóng góp rất lớn của công tác thẩm định tài chính dự án. Chất lượng cho vay các dự án đầu tư của một ngân hàng chắc chắn phụ thuộc trước hết vào công tác thẩm định của ngân hàng đó. Khi tốc độ số DAĐT được thẩm định và cho vay ngày càng tăng chứng tỏ việc cấp tín dụng dự án đầu tư trước đó đạt hiệu quả như vậy đồng nghĩa với việc công tác TD dự án tại ngân hàng là tốt.

b. Tăng trưởng dư nợ cho vay đối với các DAĐT

Quy mô tuyệt đối của hoạt động cho vay DAĐT của các NHTM thể hiện ở số dư nợ cho vay các DAĐT. Số dư nợ cho vay các DAĐT lớn với tốc độ tăng nhanh cho thấy khả năng mở rộng hoạt động cho vay dự án đầu tư của ngân hàng đang ở trong tình trạng tốt. Nếu một ngân hàng có số dư nợ cho vay đối với các DAĐT tăng thì có thể kết luận kết quả công tác thẩm định tài chính DAĐT của ngân hàng đó có hiệu quả và ngược lại.

c. Tỷ lệ dự án không thu hồi được nợ đúng hạn.

Nợ quá hạn là một trong những chỉ tiêu quan trọng đánh giá chất lượng TD ngân hàng, nó phản ánh những rủi ro mà ngân hàng phải đối mặt. Nếu một ngân hàng có tỷ lệ DA không thu hồi được nợ đúng hạn cao thì điều này chứng tỏ những nội dung tài chính của DA đã được thẩm định là chưa chính xác đặc biệt là nội dung đánh giá về khả năng trả nợ của DA.

d. Tỷ lệ nợ xấu trong cho vay các dự án đầu tư

Nợ xấu là các khoản nợ thuộc các nhóm nợ dưới tiêu chuẩn (nhóm 3), nợ nghi ngờ (nhóm 4) và nợ có khả năng mất vốn (nhóm 5). Bản chất của nợ xấu là một khoản tiền cho vay mà chủ nợ xác định không thể thu hồi lại được và

bị xóa sổ khỏi danh sách các khoản nợ phải thu của chủ nợ. Đối với các ngân hàng, nợ xấu tức là các khoản tiền cho khách hàng vay, thường là các doanh nghiệp, mà không thể thu hồi lại được do doanh nghiệp đó làm ăn thua lỗ hoặc phá sản điều này chứng tỏ công tác TĐ tài chính chưa đánh giá chính xác khả năng tài chính của DN. Ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu cao thì công tác thẩm định tài chính DAĐT không hiệu quả.

1.2.5. Nhân tố ảnh hưởng tới công tác thẩm định dự án đầu tư

a. Nhân tố bên trong

Nhân tố bên trong là những nhân tố nội tại bên trong chi phối, ảnh hưởng tới kết quả TĐ tài chính DA của ngân hàng. Nhân tố bên trong bao gồm: Nhân tố thông tin, nhân tố con người, nhân tố tổ chức, điều hành, nhân tố trang thiết bị, kỹ thuật.

- Nhân tố thông tin

Thông tin là cơ sở cho phân tích đánh giá, là nguyên liệu cho quá trình tác nghiệp của cán bộ thẩm định. Muốn có một kết quả thẩm định chính xác cao độ thì phải có được các thông tin, số liệu đầy đủ, chính xác trên nhiều góc độ khác nhau. □

Đối với nguồn thông tin đến từ phía doanh nghiệp, nguồn thông tin này gây nhiều khó khăn cho ngân hàng trong công tác thẩm định. Doanh nghiệp muốn nhận được khoản vay của ngân hàng, không chỉ đòi hỏi dự án đạt hiệu quả cao, ít rủi ro tiềm ẩn mà doanh nghiệp còn cần phải có tiềm lực tài chính vững mạnh trong quá khứ và hiện tại. Điều đó nhiều khi đã ảnh hưởng đến sự trung thực của các số liệu trong các báo cáo tài chính và các thuyết minh giải trình dự án mà doanh nghiệp và dự án đưa ra. Không những vậy, một thực tế đang tồn tại là các doanh nghiệp thường có nhiều báo cáo tài chính để nộp cho các cơ quan khác nhau như báo cáo nộp cho cơ quan thuế khác với báo cáo nộp cho ngân hàng. Tất cả những vấn đề đó đã ảnh hưởng nghiêm trọng

đến chất lượng thẩm định tài chính của ngân hàng. Còn từ phía ngân hàng trên thực tế mọi nguồn thông tin ngân hàng có được chủ yếu dựa vào các tài liệu mà người vay gửi đến hoặc là nguồn thông tin đại chúng cho nên thường xuyên đem lại kết quả, thông tin không cân xứng phiến diện, không đảm bảo độ tin cậy.

Như vậy, việc thiết lập hệ thống thông tin đầy đủ chính xác luôn luôn được đặt ra như một nhu cầu cấp thiết đối với công tác thẩm định, thiết lập được một hệ thống thông tin như vậy sẽ trợ giúp cho công ty rất nhiều trong việc nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư của công ty. □

- Nhân tố con người

Trong quá trình thẩm định dự án nói chung và thẩm định tài chính dự án nói riêng, CBTĐ luôn đóng vai trò quan trọng. Họ chính là những người trực tiếp tiến hành hoạt động thẩm định tài chính dự án đầu tư. Thẩm định tài chính DADT không phải là nghiệp vụ đơn giản, đòi hỏi CBTĐ không những phải có kiến thức sâu về nghiệp vụ, am hiểu các lĩnh vực cho vay, đầu tư của ngân hàng mà hiểu biết các vấn đề liên quan như thuế, môi trường, thị trường, khoa học công nghệ... Do vậy, phần nào hiệu quả của công tác TD tài chính DADT phụ thuộc vào chất lượng của nhân tố con người. Sự hiểu biết toàn bộ những kiến thức khoa học, kinh tế, xã hội mà người thẩm định có được thông qua đào tạo hay tự bồi dưỡng kiến thức mà có. Kinh nghiệm, kỹ năng là những gì tích luỹ thông qua hoạt động thực tiễn, năng lực là khả năng nắm bắt, xử lý công việc trên cơ sở các tri thức kiến thức đã được tích luỹ. Tính ki luật cao, phẩm chất đạo đức tốt là điều kiện để đảm bảo cho chất lượng thẩm định. Ngược lại, người thẩm định không có kỷ luật, đạo đức không tốt sẽ phá hỏng mọi việc, không đánh giá đúng được tính khả thi của DA. □

- Nhân tố tổ chức, điều hành

Thẩm định tài chính dự án đầu tư bao gồm nhiều hoạt động liên quan chặt chẽ với nhau, kết quả của nó phụ thuộc nhiều vào việc tổ chức, điều hành, sự phối hợp các bộ phận trong quá trình thẩm định. Việc phân công tổ chức một cách hợp lý các bộ phận trong quá trình thẩm định sẽ tránh được sự chồng chéo, phát huy được những mặt mạnh, hạn chế được những mặt yếu của mỗi cá nhân trên cơ sở đó giảm bớt chi phí cũng như thời gian thẩm định. Do vậy, tổ chức, điều hành thẩm định hợp lý, khoa học sẽ khai thác được các nguồn lực cho hoạt động thẩm định tài chính dự án đầu tư, qua đó nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư của ngân hàng. □

Công tác TDTC dự án được tổ chức một cách khoa học chặt chẽ sẽ phát huy được sức mạnh tổng hợp, liên kết được các cá nhân, bộ phận trong toàn ngân hàng, sử dụng hợp lý có hiệu quả trang thiết bị. Việc sắp xếp, phân bổ chức năng, nhiệm vụ cho mỗi cá nhân, loại bỏ được các rủi ro đạo đức và rút ngắn thời gian TĐ. Nhân tố này ảnh hưởng gián tiếp tới chất lượng thẩm định.

Như vậy, tổ chức TĐ dự án khoa học sẽ góp phần khai thác tối đa mọi nguồn lực của ngân hàng, nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án.

- Nhân tố trang thiết bị, kỹ thuật

Hiện nay, khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại đã ứng dụng vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đặc biệt là công nghệ thông tin đã được ứng dụng trong ngành ngân hàng làm tăng khả năng thu nhập, xử lý và lưu trữ thông tin một cách hiệu quả hơn. Trên cơ sở đó cung cấp thông tin cho việc TDTC dự án đầu tư một cách có hiệu quả hơn. Hiện nay có rất nhiều phần mềm chuyên dùng cho công tác thẩm định được thuận tiện hơn. Các cán bộ có thể truy cập và xử lý một lượng thông tin lớn mà vẫn tiết kiệm được thời gian, các chỉ tiêu cần tính toán đã được cài đặt, chỉ cần nạp số liệu và máy sẽ cho các chỉ tiêu như: NPV, IRR, PI....Nhưng nếu máy hoặc các chương trình có sự

cố thì sẽ cho kết quả thẩm định không chính xác, đòi hỏi các cán bộ phải xem xét lại các kết quả thẩm định để cho một kết luận chính xác.

Ngoài các nhân tố trên, một số yếu tố khác của ngân hàng như chiến lược, định hướng hoạt động, cơ chế chính sách, năng lực quản lý của ban lãnh đạo... cũng ảnh hưởng lớn đến chất lượng thẩm định tài chính dự án.

b. Nhân tố bên ngoài

Nhân tố bên ngoài là những nhân tố từ môi trường bên ngoài tác động đến chất lượng công tác TĐTC dự án. Bao gồm: Khách hành, những áp lực về chính trị, cơ chế chính sách, luật pháp của Nhà nước gây khó khăn cho hoạt động xã hội nói chung và hoạt động thẩm định tài chính dự án nói riêng. Ngoài ra, các yếu tố về môi trường kinh tế xã hội, về thị trường luôn biến động phức tạp, khó lường, các rủi ro, thiên tai ảnh hưởng đến quyết định cho vay của ngân hàng.

- Lạm phát của nền kinh tế

Lạm phát làm tăng giá cả theo thời gian do đó nó làm biến đổi dòng tiền kỳ vọng. Các yếu tố đầu vào và kê cả cơ sở tính toán của các chỉ tiêu như NPV, IRR đều chịu tác động của lạm phát. Việc tính đến yếu tố lạm phát làm cho quá trình thực hiện dự án dễ dàng hơn, hiệu quả hơn. Lạm phát làm tăng TMĐT, nếu không được dự kiến trong giai đoạn TĐTC dự án thì DA có thể hụt vốn, chậm tiến độ, kém chất lượng do tài trợ không đầy đủ và kịp thời.

- Sự cạnh tranh giữa các TCTD

Sự cạnh tranh gay gắt giữa các TCTD cũng có tác động đến việc hoàn thiện thẩm định tài chính DADT. TCTD thẩm định chặt chẽ làm giảm bớt rủi ro cho bản thân nhưng lại gây nên sự xa lánh khách hàng nên các TCTD đôi khi cũng phải có một số châm chước với khách hàng dù vẫn biết có thể mang lại rủi ro.

- Đạo đức kinh doanh của khách hàng

Không phải là tất cả, nhưng xã hội ta hiện có quá nhiều doanh nghiệp dù mọi thành phần kinh tế đang kinh doanh theo kiểu phong trào, cảm tính và liều lĩnh. Phần thì muốn thành công nhanh chóng, phần do tình hình tài chính doanh nghiệp khó khăn họ sẵn sàng làm mọi cách để đạt được mục tiêu thu lợi nhuận cao, bất chấp rủi ro. Khi doanh nghiệp đã bấp chấp rủi ro bản thân thì việc ngân hàng bị lừa dối là dễ hiểu. Thời gian qua, có nhiều quá nhiều dự án lập ra với mục đích để giữ đất, chiếm dụng vốn, nuôi các dự án khác...vv. Cùng với việc pháp luật sơ hở, thiếu nghiêm minh nên việc gian dối, móc ngoặc, lừa đảo vẫn xảy ra triền miên.

- Hành lang pháp lý, cơ chế chính sách của Nhà nước.

Nhân tố đóng vai trò giữa điều chỉnh, định hướng hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế, trong đó có các doanh nghiệp, phục vụ mục tiêu chung của xã hội. Những khiếm khuyết trong tính hợp lý, tính đồng bộ hay tính công minh của các chính sách quản lý Nhà nước đều có thể gây khó khăn, tăng rủi ro đối với kết quả hoạt động của DA cũng như công tác TDTC của doanh nghiệp và của DAĐT.

Với các DAĐT liên quan đến nhiều chính sách chưa hoàn thiện hoặc đầy đủ, hoặc thay đổi liên tục dẫn đến những kết quả thẩm định bị lạc hậu rất nhanh trong quá trình thực hiện dự án. Hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện còn làm phát sinh những rủi ro và hạn chế nguy hiểm thông tin chính xác đến doanh nghiệp và TCTD.

Trên đây là những cơ sở lý luận cơ bản làm nền tảng để xem xét và đánh giá thực trạng công tác thẩm định tài chính DAĐT tại ACB Đà Nẵng.

TÓM TẮT CHƯƠNG 1

Nội dung chương 1 của luận văn tác giả đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về DAĐT và giới thiệu một cách tổng quan về công tác thẩm định tài chính DAĐT trong cho vay tại các ngân hàng thương mại bao gồm các nội dung như: Khái niệm, sự cần thiết, mục đích và nội dung công tác thẩm định tài chính DAĐT trong cho vay tại các ngân hàng thương mại. Dựa trên cơ sở lý luận đó tác giả đã đưa ra các chỉ tiêu đánh giá kết quả công tác thẩm định tài chính. Cụ thể như:

- + Tốc độ tăng trưởng số DAĐT được thẩm định và cho vay qua các năm.
- + Tăng trưởng dư nợ cho vay đối với các DAĐT.
- + Tỷ lệ dự án không thu hồi được nợ đúng hạn.
- + Tỷ lệ nợ xấu trong cho vay các dự án đầu tư.

Phần cuối chương 1 phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới công tác thẩm định tài chính DAĐT bao gồm:

- Các nhân tố bên trong như: Nhân tố thông tin, nhân tố con người, nhân tố tổ chức điều hành...
- Các nhân tố bên ngoài như: Lạm phát, bất ổn của nền kinh tế, Đạo đức kinh doanh của khách hàng, Cạnh tranh giữa các TCTD, Hành lang pháp lý, cơ chế chính sách của Nhà nước...

CHƯƠNG 2

TRẠNG CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TU TRONG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.1. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

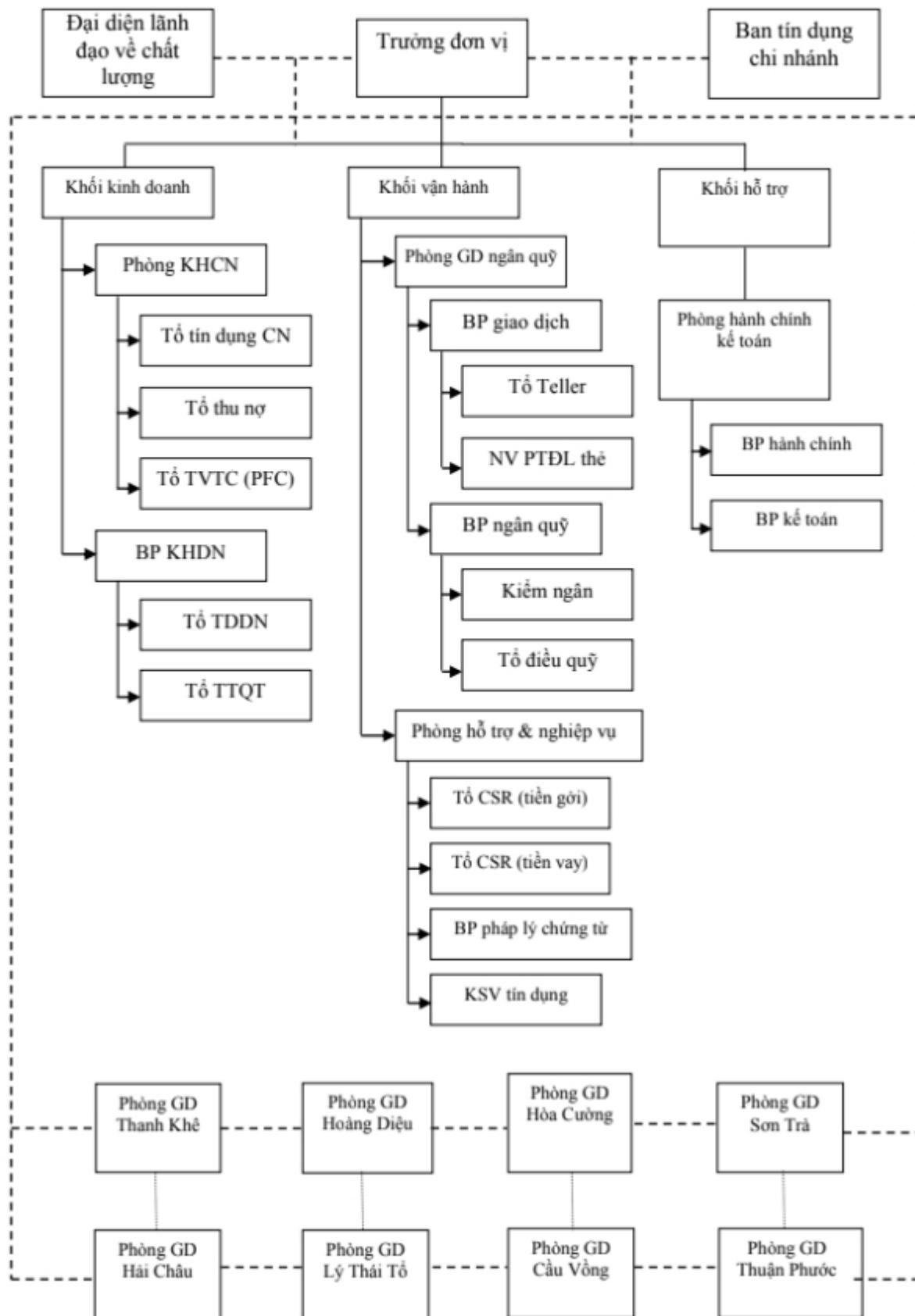
Khu vực miền trung nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng từ lâu đã rất có tiềm năng đầu tư phát triển, ngày càng nhiều các DN, khu công nghiệp được xây dựng, hoạt động... dẫn đến một nhu cầu cấp thiết về vốn.

Trong bối cảnh đó, với mục đích đáp ứng các nhu cầu vốn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thành lập và phát triển cũng như khai thác triệt để các tiềm năng kinh tế tại chỗ, thực hiện chức năng trung gian tín dụng, cung cấp các dịch vụ ngân hàng tiên tiến hiện đại cho các thành phần kinh tế trong xã hội, Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) chi nhánh Đà Nẵng đã được thành lập ngày 13/8/1996 và chính thức hoạt động ngày 8/1/1997. Sau hơn 15 hoạt động, chi nhánh đã phát triển thêm 7 phòng giao dịch tại nhiều khu vực trọng điểm của thành phố Đà Nẵng, phục vụ nhu cầu của khách hàng địa phương cũng như các khu vực lân cận.

Ngày 26/03/2010, Ngân hàng Á Châu khánh thành trụ sở mới tại số 218 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Và hiện nay đã có khoảng 8 phòng giao dịch (PGD) y của Ngân hàng TMCP Á Châu trên địa bàn thành phố.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của ACB - Đà Nẵng



2.1.3 Chức năng nhiệm vụ và thị trường mục tiêu

a. Chức năng nhiệm vụ

Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Đà Nẵng được NHNN cho phép sử dụng các nghiệp vụ ngân hàng sau:

Huy động vốn (nhận tiền gửi của khách hàng) ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ và vàng theo hình thức tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, chứng chỉ tiền gửi.

Cho vay bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ ngắn trung và dài hạn; chiết khấu thương phiếu, công trái, giấy tờ có giá.

Các dịch vụ trung gian (thực hiện thanh toán trong và ngoài nước, thực hiện dịch vụ ngân quỹ, chuyển tiền kiều hối và chuyển tiền nhanh, bảo hiểm nhân thọ qua ngân hàng; thanh toán quốc tế).

Phát hành và thanh toán thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ.

b. Thị trường mục tiêu

- Khách hàng mục tiêu:

+ Cá nhân: Những người đang đi làm có thu nhập tại các khu vực thành thị và vùng kinh tế trọng điểm, những người đã về hưu và hưởng lương hưu.

+ Hộ gia đình: Những gia đình có thu nhập và có ý định gửi tiết kiệm cũng như là muốn tiếp cận nguồn vốn vay tại chi nhánh.

+ Doanh nghiệp: ACB tập trung phát triển khách hàng truyền thống là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp có sản xuất chế biến hàng tiêu dùng, chế biến hàng xuất khẩu thuỷ sản, may mặc, giày dép, đầu tư, xây dựng, các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành hoá chất, nhựa và các sản phẩm từ nhựa và dược phẩm. Đây là nhóm khách hàng có quan hệ tín dụng lâu năm và có uy tín thanh toán nợ vay với ACB. Nhóm khách hàng này có tài sản đảm bảo là nhà ở, nhà máy sản xuất.

- Địa bàn mục tiêu:

Là nơi khách hàng mục tiêu sinh sống và làm việc. Xác định rõ KH và địa bàn mục tiêu góp phần định hướng cho chiến lược mở rộng mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch của ACB trên khắp địa bàn Đà Nẵng, đưa dịch vụ ngân hàng đến gần khách hàng mục tiêu để có thể phục vụ một cách tốt nhất.

2.1.4. Tình hình hoạt động của ngân hàng trong thời gian gần đây

Tình hình hoạt động cho vay, huy động vốn và lợi nhuận của ACB - Đà Nẵng trong thời gian gần đây được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 2.1: Tình hình huy động vốn, cho vay, thu nhập tại ACB – Đà Nẵng
trong 3 năm 2010 – 2012**

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Chênh lệch 11/10		Chênh lệch 12/11	
				Mức tăng	Tốc độ (%)	Mức tăng	Tốc độ (%)
Tổng NV huy động	2.415.509	2.772.976	3.604.868	357.467	14,80	831.892	30
Dư nợ bình quân	512.862	654.686	893.638	141.824	27,6	238.952	36,5
Thu nhập	166.321	202.865	195.372	36.544	21,97	(7.493)	(3,7)

(Nguồn phòng HC – KT tại ACB – Đà Nẵng)

Qua báo cáo số liệu của ACB chi nhánh Đà Nẵng 2010-2012 ta thấy tổng số nguồn vốn huy động được tăng dần qua các năm. Năm 2010 nền kinh tế Việt Nam vẫn còn chịu ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, bên cạnh đó những bất ổn trong lạm phát và tỷ giá cũng tạo khó khăn cho công tác huy động vốn của các ngân hàng. Trong bối cảnh đó thì ACB -

Đà Nẵng đã cố gắng điều chỉnh hoạt động một cách linh hoạt với tổng vốn huy động từ khách hàng tăng 24,35% so với năm trước cụ thể tổng huy động từ dân cư tăng 2,1 ngàn tỷ đồng. Năm 2011 tổng số nguồn vốn huy động được tăng không nhiều so với năm 2010 (282.435 triệu đồng) với tỷ lệ tăng là 14,95%, tỷ lệ này giảm so với những năm trước đây do sự ảnh hưởng chung của bức tranh toàn cảnh kinh tế thế giới là tăng trưởng chậm, không cân bằng và luôn bất ổn. Năm 2012, mặc dù tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, khủng hoảng nợ công tại Châu Âu tiếp tục ảnh hưởng không nhỏ tới nền kinh tế cả nước nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng. Tăng trưởng kinh tế thấp hàng tồn kho tăng cao, lạm phát diễn biến phức tạp và khó lường. Nhưng tổng số vốn huy động được của ACB vẫn tăng cao 2.784.039 triệu đồng tăng 611.933 triệu đồng so với năm 2011 với tỷ lệ tăng là 24,17%.

Qua báo cáo số liệu của ACB chi nhánh Đà Nẵng 2010-2012 về tình hình cho vay, cho thấy doanh số cho vay đều tăng qua các năm. Năm 2010 việc thắt chặt hơn đối với cho vay bất động sản, chứng khoán và tiêu dùng cũng như mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2010 ở mức 25% của ACB đã khiến cho doanh số cho vay trong năm tại ACB Đà Nẵng tăng chậm hơn so với những năm trước đây. Bước sang năm 2011, doanh số cho vay vẫn tiếp tục tăng nhưng với tỷ lệ thấp (26,7%). Nguyên nhân là NHTM phải thực hiện nghiêm ngặt các nghị quyết về giới hạn tăng trưởng tín dụng trong năm 2011 là dưới 20% và bên cạnh đó bối cảnh nền kinh tế suy thoái và những bi quan về sự phục hồi nền kinh tế làm cho nhu cầu vay vốn kinh doanh của các doanh nghiệp cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng cũng như nhu cầu vay tiêu dùng của cá nhân đều sụt giảm. Năm 2012 doanh số cho vay tăng cao hơn năm trước với tỷ lệ tăng trưởng tín dụng là 29,9 % so với năm 2011 nguyên nhân là do lãi suất với các kỳ hạn của ACB có xu hướng giảm dần kể từ đầu năm, đặc biệt là từ tháng 9/2012, lãi suất giảm

mạnh đối với tất cả các kỳ hạn, điều này cho thấy ngân hàng khai thông nguồn vốn cho các đối tượng vay hơn thời kỳ trước đây đặc biệt đối với các khoản vay trung và dài hạn.

Ngân hàng ACB-Đà Nẵng đã có tốc độ tăng trưởng thu nhập thuần mượt trong suốt giai đoạn trước năm 2011. Tuy nhiên bước sang năm 2012, với tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn và do thực hiện nghiêm túc, triệt để chi đạo tất toán trạng thái vàng của NHNN đã khiến hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối của ACB lỗ, kéo theo tổng TN thuần của Ngân hàng sụt giảm 3,7% so với năm 2011, nhưng so với thu nhập thuần năm 2010 vẫn cao hơn.

2.2. THỰC TRẠNG THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.2.1 Căn cứ thẩm định dự án đầu tư tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng

Khi tiến hành bắt cứ một hoạt động nào thì điều quan trọng là phải xác định được cơ sở để tiến hành hoạt động đó là gì? Đối với hoạt động thẩm định của ngân hàng cũng vậy, khi thẩm định cán bộ thẩm định thường phân tích dựa trên những căn cứ hnhất định, đó là:

- Căn cứ vào các quy định của Ngân hàng Á Châu và của chi nhánh: Cán bộ thẩm định tại Ngân hàng TMCP Á Châu thực hiện thẩm định dự án dựa vào quy trình tác nghiệp thẩm định dự án đầu tư. Đây là văn bản quy định và hướng dẫn các tác nghiệp thẩm định một dự án đầu tư của cán bộ thẩm định và các phòng nghiệp vụ trong toàn hệ thống tại Ngân hàng Á Châu, được vận dụng trong các tác nghiệp tín dụng trung và dài hạn cho vay theo dự án đầu tư, đồng thời tài trợ trung và dài hạn, ủy thác đầu tư dự án hoặc thẩm định các dự án đầu tư trực tiếp của ngân hàng. Cụ thể là căn cứ vào quy trình nghiệp vụ tín dụng và phụ lục hướng dẫn thẩm định dự án đầu tư " kèm theo.

- Các văn bản pháp lý do Nhà nước ban hành: Đó là các văn bản liên quan đến hoạt động của các TCTD, luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam, luật đầu tư, luật doanh nghiệp, các định mức kinh tế, kỹ thuật của các Bộ, Ban, Ngành liên quan các lĩnh vực đầu tư dự án, quy hoạch phát triển ngành nghề, định hướng của chính phủ đối với lĩnh vực kinh doanh của dự án...

2.2.2 Tổ chức thẩm định dự án đầu tư tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng

Dự án được chủ đầu tư gửi đến Ngân hàng thông qua phòng Tín dụng doanh nghiệp. Theo văn bản hướng dẫn của Ngân Hàng TMCP Á Châu (ACB) chi nhánh Đà Nẵng về quy chế cho vay đối với khách hàng, việc tiếp nhận hồ sơ xin vay, quyết định cho vay, và thanh lý hợp đồng tín dụng được chia làm hai khâu: Kiểm tra, thẩm định, theo dõi và thu hồi vốn; Xét duyệt và ra quyết định cho vay.

Ngân Hàng TMCP Á Châu (ACB) chi nhánh Đà Nẵng quy định quy trình xét duyệt cho vay theo nguyên tắc bảo đảm tính độc lập và phân định rõ ràng trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm các bên liên đới giữa khâu thẩm định và khâu quyết định cho vay. Cụ thể, bộ phận trực tiếp cho vay sẽ kiểm tra toàn bộ những tài liệu mà khách hàng gửi đến, thẩm định tính khả thi, hiệu quả của dự án (chủ yếu về hiệu quả kinh tế), khả năng trả nợ của khách hàng, mức độ đảm bảo tiền vay và các yếu tố khác có liên quan. Từ đó đề xuất ý kiến của mình về quyết định tài trợ, sau khi được phê duyệt, ra quyết định bởi cấp có thẩm quyền, nếu đủ điều kiện tài trợ thì tiến hành giải ngân, theo dõi quá trình hoạt động của khách hàng và công việc cuối cùng là thu nợ.

Chức năng ra quyết định tài trợ được tách riêng ra khỏi bộ phận thẩm định, việc thông qua quyết định đó thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc ra quyết định tài trợ - cấp quyết định tài trợ. Trong các trường hợp cần thiết hoặc pháp luật có quyết định, cấp quyết định có thể thuê cơ

quan tư vấn liên quan hoặc có thể chỉ định một hoặc một số cán bộ có kinh nghiệm (được gọi là bộ phận tái thẩm định) để tiến hành thẩm định lại dự án, hoặc thông qua Hội đồng tín dụng trước khi quyết định cho vay. Các khâu kiểm tra, thẩm định, theo dõi và thu hồi nợ, khâu thẩm định là quan trọng nhất có tính quyết định tới chất lượng của khoản cho vay của ngân hàng. Và kết quả của thẩm định phải độc lập với tất cả những ý muốn chủ quan cho dù đến từ bất kỳ phía nào.

Khi có một dự án bất kỳ có thể gửi đến chi nhánh hoặc gửi trực tiếp lên nghiệp tín dụng doanh nghiệp để thẩm định, sau khi nhận được dự án, cán bộ thẩm định tiến hành các công việc:

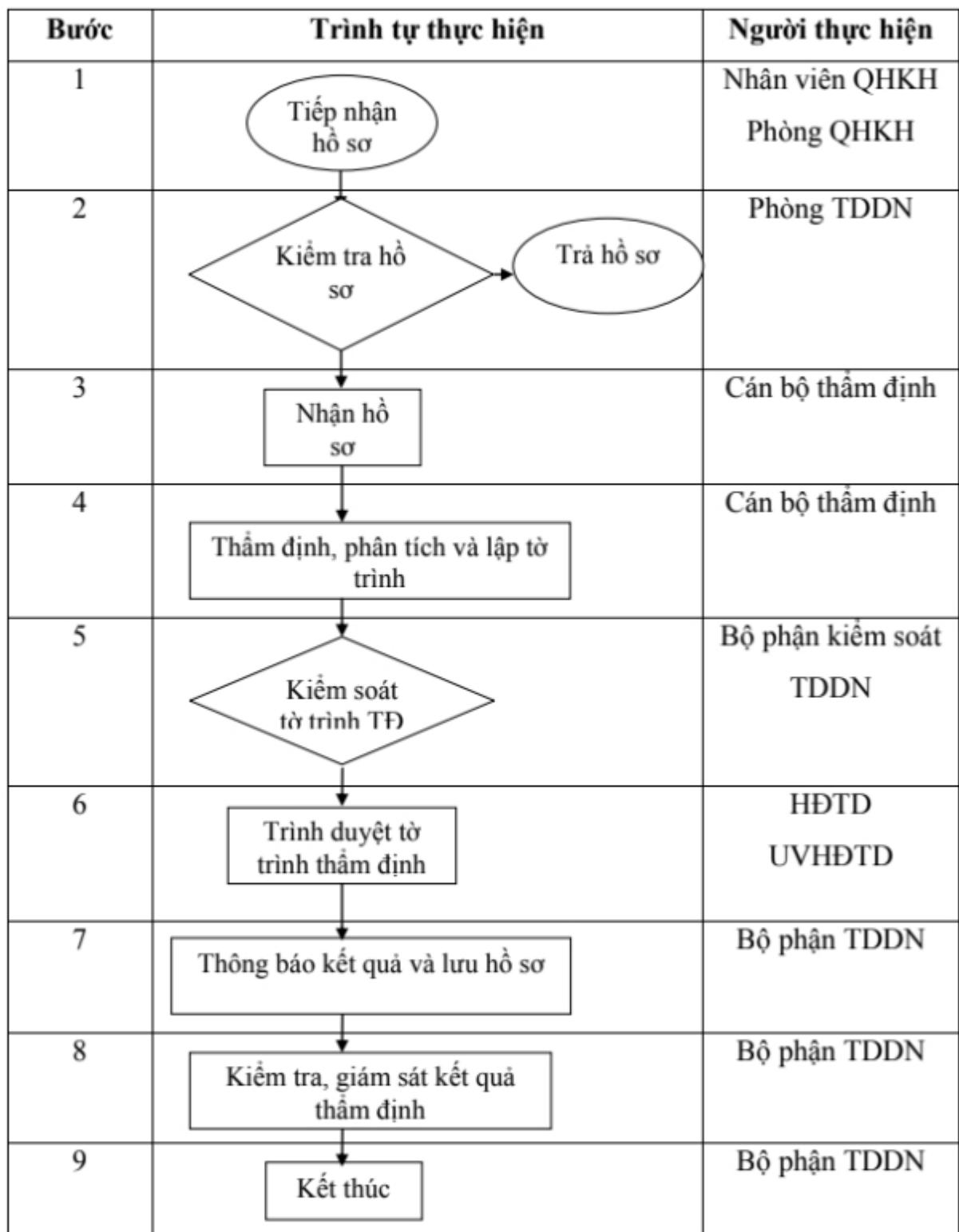
- Điều tra thực tế: CB tiếp xúc trực tiếp với KH xin vay để yêu cầu thêm thông tin cần thiết chưa được trình bày một cách đầy đủ trong hồ sơ xin vay.
- Kiểm tra tính hợp lệ của các hồ sơ về khách hàng, dự án vay vốn và các biện pháp đảm bảo tiền vay.

Trên cơ sở những thông tin thu thập được, CBTĐ tiến hành phân tích, tổng hợp và đưa ra kết luận của mình về dự án thông qua Báo cáo thẩm định. Trong bản Báo cáo thẩm định đó cán bộ thẩm định dự án ghi rõ kết luận kiến nghị có tài trợ hay không, tiếp theo Báo cáo thẩm định được trưởng hay phó phòng Đầu tư dự án thông qua, nếu dự án được chấp nhận tài trợ thì nó sẽ được trình lên Giám đốc chi nhánh hay Tổng giám đốc phê duyệt.

Qua đó ta thấy công tác TĐTC tại chi nhánh được tổ chức thực hiện một cách rõ ràng, khép kín. Cách thức phân công giai đoạn TĐ khoa học và logic.

2.2.3 Quy trình thẩm định dự án đầu tư

Sơ đồ 2.2: Quy trình thẩm định dự án vay vốn tại ACB Đà Nẵng



Điễn giải quy trình

DAĐT được gửi tới ngân hàng sẽ được phân loại thẩm quyền thẩm định theo quy định. Có những dự án do chi nhánh tự thẩm định, có những dự án phải phối hợp với hội sở để thẩm định, có những dự án sau khi chi nhánh thẩm định xong phải được tái thẩm định bởi hội sở. Mỗi trường hợp trên đều được ACB quy định rõ ràng từng bước thực hiện. Tuy nhiên nhìn chung quy trình thẩm định tại ACB - Đà Nẵng được thực hiện qua các bước như sau:

Bước 1: Khi khách hàng đến ngân hàng, bộ phận quan hệ khách hàng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ khách hàng, trao đổi, thu thập mọi thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến khách hàng, đến dự án và hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ vay vốn tại ngân hàng. Sau đó nhân viên quan hệ khách hàng lập báo cáo gửi qua bộ phận tín dụng doanh nghiệp, báo cáo ghi các thông tin liệt kê theo yêu cầu và gửi kèm các hồ sơ, tài liệu như đã quy định.

Bước 2: Sau khi nhận được báo cáo từ bộ phận quan hệ khách hàng, trưởng bộ phận tín dụng doanh nghiệp kiểm tra báo cáo và hồ sơ nếu thấy đầy đủ đạt tiêu chuẩn thì phân công cán bộ thẩm định xử lý. Nếu báo cáo không đạt yêu cầu, bộ phận tín dụng doanh nghiệp trả lại hồ sơ cho bộ phận quan hệ khách hàng kèm theo những yêu cầu về hồ sơ cần được hoàn thiện.

Bước 3: Cán bộ thẩm định tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, nếu dữ liệu không đầy đủ thì yêu cầu bộ phận quan hệ khách hàng cung cấp thêm. Khi nhận được yêu cầu bộ phận khách hàng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của cán bộ tín dụng. Nếu có những thông tin chưa được cập nhật, yêu cầu khảo sát thực tế thì bộ phận quan hệ khách hàng phải phối hợp với cán bộ thẩm định để làm rõ các vấn đề trên.

Bước 4: Khi đã thu thập đủ các thông tin cần thiết và đầy đủ theo yêu cầu, cán bộ thẩm định sẽ tiến hành thẩm định với các nội dung theo quy định. Sau khi thẩm định xong, cán bộ thẩm định lập tờ trình thẩm định theo mẫu

kèm theo ý kiến của cán bộ thẩm định về khoản vay (đồng ý hay không đồng ý cho vay, nếu đồng ý thì cho vay với mức bao nhiêu, phương thức trả vốn gốc, lãi kèm theo các điều kiện về tài sản đảm bảo).

Bước 5: Cán bộ thẩm định gửi tờ trình đến bộ phận kiểm soát tín dụng. Bộ phận kiểm soát sẽ rà soát nội dung thẩm định và thực hiện kí kiểm soát.

Bước 6: Các loại tờ trình đã kí kiểm soát sẽ được gửi tới bộ phận thư ký của hội đồng tín dụng và đăng ký trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tại phiên họp hội đồng tín dụng, cán bộ thẩm định có nhiệm vụ phân tích và thuyết trình về hồ sơ mà mình đã thẩm định cho cấp có thẩm quyền. Hội đồng tín dụng sẽ quyết định phê duyệt hay không phê duyệt kết quả thẩm định.

Bước 7: Sau khi có kết quả phê duyệt tín dụng, thư ký hội đồng tín dụng sẽ báo kết quả đến các bộ phận liên quan như bộ phận quan hệ khách hàng và bộ phận tín dụng. Bộ phận quan hệ khách hàng báo lại kết quả trên cho khách hàng. Thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành của ACB.

Bước 8: Phòng quan hệ khách hàng chịu trách nhiệm soạn thảo hợp đồng và chuyển qua phòng tín dụng doanh nghiệp rà soát lại. Phòng tín dụng doanh nghiệp tiến hành kiểm tra, giám sát kết quả thẩm định, bao gồm:

- + Giám sát quá trình rút vốn vay từ khách hàng: Kiểm tra thủ tục và tiến độ rút vốn vay của khách hàng

- + Giám sát quá trình sử dụng vốn vay: Phòng tín dụng doanh nghiệp có trách nhiệm nắm các thông tin liên quan đến khách hàng và dự án sau khi giải ngân vốn bao gồm kiểm tra mục đích, tiến độ và hiệu quả sử dụng vốn của khách hàng.

- + Giám sát quá trình trả vốn và lãi cho ngân hàng: Căn cứ lịch trả nợ đến hạn, phòng tín dụng có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc tiến trình trả nợ và vốn vay. Kịp thời phát hiện và báo cáo kịp thời cho đơn vị có thẩm quyền khi phát hiện dự án có rủi ro.

Bước 9: Kết thúc dự án

Qua sơ đồ trên có thể thấy quy trình TĐTC các DAĐT tại chi nhánh được tổ chức khá chặt chẽ từ khâu tiếp nhận hồ sơ đến khâu giám sát kết quả thẩm định, phân công nhiệm vụ rõ ràng đối với từng bộ phận và cá nhân. Quy định chặt chẽ cách thức thẩm định đối với từng loại DAĐT, những dự án đơn giản do nhân viên quan hệ khách hàng của chi nhánh tự thẩm định, những dự án phức tạp hơn thì nhân viên quan hệ khách hàng phải phối hợp nhân viên phân tích tín dụng để cùng thẩm định nhằm đảm bảo tính chính xác, những dự án có quy mô thì cần phải phối hợp tái thẩm định. Nội dung các bước trong quy trình hướng dẫn một cách cụ thể cách thức thực hiện thẩm định khi có một DAĐT được gửi tới. Đặc biệt có sự phối hợp thẩm định giữa nhân viên quan hệ khách hàng và cán bộ tín dụng điều này càng làm tăng tính hiệu quả của công tác thẩm định tài chính DA. Tuy nhiên quy trình này vẫn tồn tại một số hạn chế như nhân viên quan hệ khách hàng là người gặp gỡ, nhận hồ sơ và tiếp xúc với khách hàng, còn việc thực hiện công tác thẩm định là do cán bộ thẩm định đảm nhiệm, điều này có ưu điểm là tránh sự thông đồng do sự quen biết giữa khách hàng và người thẩm định. Tuy nhiên lại làm cho cán bộ tín dụng không thể trực tiếp gặp gỡ và phỏng vấn khách hàng để có cái nhìn thực tế hơn vì khi trực tiếp tiếp xúc với khách hàng người thẩm định có thể có những cái nhìn khác hơn về dự án. Một nhược điểm khác là do mang tính chuyên môn hóa cao trong công việc nên công tác thẩm định còn rườm ra làm kéo dài thời gian trong việc cấp tín dụng.

2.2.4. Nội dung công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại ACB-Đà Nẵng

a. Nội dung thẩm định tài chính dự án đầu tư tại ACB-Đà Nẵng

Trong quá trình thẩm định DAĐT, thẩm định về khía cạnh tài chính được xem là nội dung trọng tâm và quan trọng nhất. Kết quả thẩm định tài

chính là cơ sở chủ yếu nhất để ngân hàng quyết định đồng ý hoặc từ chối cho vay. Chính vì vậy nội dung thẩm định tài chính DAĐT tại ACB rất được chú trọng. Trên cơ sở hướng dẫn thẩm định của ACB và thông lệ, các nội dung thẩm định tài chính DAĐT tại ACB Đà Nẵng về cơ bản vẫn là các nội dung đã được đề cập ở chương 1, bao gồm:

- Thẩm định tổng vốn đầu tư và nguồn tài trợ của dự án

Trong quá trình thực hiện tất cả dự án tại ngân hàng TMCP Á Châu, tình trạng tổng vốn đầu tư sau khi thẩm định thay đổi tăng hoặc giảm so với hồ sơ dự án là điều thường xuyên xảy ra và không thể tránh khỏi. Lượng tăng hay giảm quá lớn sẽ ảnh hưởng đến tính khả thi của dự án. Do vậy việc thẩm định tổng vốn đầu tư là điều tất yếu tại Chi nhánh. Khi thẩm định tổng mức vốn đầu tư CBTĐ dựa trên hồ sơ dự án, hồ sơ thiết kế cơ sở, bản thiết kế kỹ thuật của dự án và các tài liệu khác của chủ đầu tư đồng thời căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật của các cơ quan chuyên ngành để tham khảo. CBTĐ sử dụng các phương pháp phân tích, đối chiếu, so sánh để tính toán lại tổng nhu cầu vốn đầu tư cho DA. Tuy nhiên để việc thẩm định tổng vốn đầu tư có tính chính xác cao ngân hàng cần tham khảo ý kiến của các chuyên viên kỹ thuật chuyên môn thuộc các đơn vị khác, và các công trình tương tự hoặc thuê những người có chuyên môn xem xét lại bản thiết kế kỹ thuật đối với những dự án phức tạp vượt quá khả năng của ngân hàng để đưa ra kết luận chính xác và phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của công trình. Tại Ngân hàng Á Châu ĐN, xác định tổng mức đầu tư theo phương pháp cộng chi phí. Tức là, căn cứ vào các khoản chi phí tính theo từng bộ phận cấu thành rồi tổng hợp thành tổng mức vốn đầu tư. Trong phần này chi nhánh cũng cần lưu ý bổ sung những khoản chi phí phát sinh thêm sau khi dự án được tiến hành. Sau khi tính toán tổng mức vốn một điều không kém phần quan trọng đó là xác định cơ cấu vốn đầu tư và lượng vốn vay tại ngân hàng. Thành phần vốn mà ngân hàng quan

tâm và thẩm định kĩ chính là vốn tự có và vốn vay của dự án.

Nguồn vốn tự có là nguồn vốn mà các chủ đầu tư thường có xu hướng khuếch trương lên, chính vì vậy để đảm bảo tính chính xác và khách quan CBTĐ căn cứ vào báo cáo tài chính của doanh nghiệp, giấy đăng ký kinh doanh của chủ đầu tư, của các cổ đông, các cam kết góp vốn, báo cáo về tình hình góp vốn của các cổ đông đến thời điểm thẩm định... Sau đó nhân viên thẩm định xem xét năng lực tài chính của chủ đầu tư để khẳng định khả năng góp vốn đối ứng của chủ đầu tư cho dự án. Trên thực tế các dự án vay vốn tại chi nhánh hiếm thấy có DAĐT nào mà chủ đầu tư có sẵn vốn đối ứng tham gia dự án theo quy định (thường là 30%). Như vậy CBTĐ phải thực hiện một loạt các công việc phức tạp là TD lại khả năng tạo nguồn vốn ĐT dài hạn của chủ đầu tư trong tương lai bằng những hồ sơ, tài liệu hiện tại. Phải đánh giá từ hồ sơ chính, hồ sơ pháp lý đến thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của chủ đầu tư. Việc phần lớn các chủ đầu tư không đáp ứng được phần vốn tự có đã làm cho hầu hết các dự án thiếu vốn thi công dẫn đến bị đình trệ, chậm đưa vào khai thác, chất lượng công trình xuống cấp và dự án kém hiệu quả.

Khi thẩm định nguồn vốn vay CBTĐ căn cứ vào cam kết của các TCTĐ, nhân viên TD đánh giá tính khả thi của nguồn vốn, khả năng tiếp cận nguồn vốn vay của chủ đầu tư, chi phí và các điều kiện vay đi kèm đối với các khoản vay, phân kỳ đầu tư các nguồn vốn lại một cách hợp lý hơn. Trên cơ sở đó tính toán chi phí đầu tư ban đầu, chi phí vốn, nhân viên TD cân đối lại giữa nhu cầu vốn và khả năng tham gia tài trợ của các nguồn vốn dự kiến để đánh giá tính khả thi của nguồn vốn thực hiện DA.

Như vậy việc thẩm định tổng mức vốn đầu tư và nguồn tài trợ DA là nội dung được chi nhánh thẩm định kĩ càng và thận trọng. Tuy nhiên nguồn dữ liệu để ngân hàng dùng làm cơ sở thẩm định chủ yếu là từ hồ sơ của chủ đầu tư gửi đến và nguồn dữ liệu này chưa thực sự chính xác. Nguyên nhân là

do các chủ đầu tư thường không có bộ phận chuyên trách lập DAĐT nên khi tự lập dễ dẫn đến sai sót một nguyên nhân nữa là do ý muốn chủ quan của chủ đầu tư mong muốn DA được phê duyệt cho vay nên đã có những tính toán không phù hợp. Chính vì vậy để kết quả thẩm định chính xác hơn ngân hàng cần phải có những nguồn dữ liệu và cách xử lý dữ liệu chính xác hơn.

- Thẩm định doanh thu, chi phí của DAĐT

Doanh thu và chi phí cũng là những nội dung thẩm định quan trọng vì nó liên quan trực tiếp tới dòng tiền dự án. Qua thực tế các dự án tại chi nhánh cho thấy hầu hết các chủ đầu tư đều có xu hướng tăng doanh thu và giảm chi phí nhằm làm tăng lợi nhuận DA. Để thẩm định tốt nội dung này đòi hỏi CBTĐ phải có kinh nghiệm và sự nhiệt tình cao trong công việc. Tại ACB-Đà Nẵng nội dung này được thẩm định khá an toàn.

Trong quá trình TD doanh thu, để tránh rủi ro trước khi lập bảng tính doanh thu của DA thì CBTĐ tiến hành TD các nội dung liên quan trực tiếp tới doanh thu như: Công suất dự kiến của dự án, giá bán bình quân của sản phẩm, sản lượng tiêu thụ sản phẩm trong kỳ, doanh thu từ dự án. CBTĐ kiểm tra xem việc tính toán doanh thu có đúng với công suất thực tế dự tính hay không và công suất dự tính đã hợp lý hay chưa. Doanh thu được xác định trên cơ sở sản lượng tiêu thụ hàng năm, giá bán của sản phẩm, dịch vụ của DA.

Công suất thực tế của dự án qua các năm thường khác nhau và trong hầu hết các dự án gửi tới ACB Đà Nẵng công suất của những năm đầu thường được chủ đầu tư tính toán cao hơn so với thực tế đạt được. Chính vì vậy chi nhánh quy định năm đầu công suất thực tế của dự án thường được tính bằng 50% công suất thiết kế. Trong những năm tiếp theo, khi sản xuất ổn định thì công suất thực tế thường được tính là 90% công suất thiết kế. Tuy nhiên cũng tùy thuộc vào đặc điểm và tính chất của từng ngành để xác định công suất thực tế của dự án.

Giá bán bình quân của sản phẩm được CBTĐ tính toán lại dựa vào mặt hàng dự án dự kiến sản xuất, tình hình tiêu thụ của các mặt hàng cùng chủng loại trên thị trường, phương thức tiêu thụ... Do vậy, khi thẩm định giá bình quân của sản phẩm, để đảm bảo tính chính xác, CBTĐ nên tiến hành nghiên cứu giá cả của sản phẩm những năm trước đó, tìm hiểu cung cầu sản phẩm trong tương lai và xu hướng biến động của giá cả theo quy luật. CBTĐ cũng có thể so sánh giá thành này với các loại sản phẩm tương tự trên thị trường.

Đối với việc xác định sản lượng tiêu thụ trong kỳ đây là công việc khá khó khăn vì chủ yếu dựa trên sự dự đoán chủ quan của CBTĐ. Và để hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro CBTĐ sẽ đưa ra tất cả các trường hợp có thể xảy ra trong việc tiêu thụ sản phẩm để phân tích và tính toán.

Chi phí của dự án được cán bộ xem xét kỹ tính chính xác của từng khoản mục, đánh giá xem chi phí có hợp lý không. CBTĐ có thể so sánh các thông số của dự án với các định mức hoặc với các dự án tương tự. Ngoài ra cán bộ thẩm định các chi phí khác như nhân công, phương pháp xác định khấu hao, cách xác định chi phí sử dụng vốn của chủ đầu tư. Cán bộ tính toán lại toàn bộ chi phí của dự án trong đó có các loại chi phí mà CBTĐ quan tâm như chi phí vận hành, bảo dưỡng, chi phí khấu hao...

Sau khi tính toán lại doanh thu và chi phí CBTĐ sẽ tiến hành lập bảng tính doanh thu, chi phí theo mẫu kèm theo ở phụ lục 2.1, 2.2 và 2.3

Qua đó ta thấy cách thức thẩm định doanh thu và chi phí tại chi nhánh khá an toàn và được sử dụng phổ biến tại các NHTM hiện nay. Tuy nhiên để lập được bản dự trù về công suất, giá bán và sản lượng tiêu thụ một cách chính xác đòi hỏi ngân hàng phải đầu tư hơn nữa về khâu khảo sát thực tế và điều này tương đối khó khăn đối với những dự án ở xa và đặc biệt là khi thị trường có sự biến động mạnh. Đồng thời trong phần thẩm định về chi phí

CBTĐ đã bỏ qua hoặc không chú trọng đến chi phí dự phòng và các chi phí mới có thể phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

- **Thẩm định tỷ suất chiết khấu**

Một yếu tố khác có ảnh hưởng tới dòng tiền dự án là tỷ suất chiết khấu. Tại ACB - Đà Nẵng, tỷ suất chiết khấu chính là chi phí sử dụng vốn bình quân WACC. Sau khi thu thập được dữ liệu về các nguồn vốn tham gia và tỷ trọng của chúng, CBTĐ sẽ tiến hành tính chi phí sử dụng vốn bình quân. Việc xác định tỷ suất chiết khấu dựa vào chi phí sử dụng vốn trung bình là hợp lý và dễ dàng tính toán vì trong một DAĐT ngoài nguồn vốn vay ra còn có nguồn vốn tự có và tỷ trọng các loại vốn này trong tổng NV thường là khác nhau.

- **Thẩm định dòng tiền của dự án**

Ngoài việc TD các bộ phận cấu thành nên dòng tiền, các cán bộ tại ACB-Dà Nẵng vẫn TD thêm một số chi phí ảnh hưởng đến DA nhưng nó không trực tiếp được nhắc đến trong phần TD chi phí dự án: chi phí cơ hội (khoản thu nhập bị mất đi do sử dụng nguồn lực vào dự án), chi phí chìm (chi phí xuất hiện từ trước mà dù dự án có thực hiện hay không, nó không ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của DA)... Khi TD xong các yếu tố trên, CBTĐ xác định lại dòng tiền của DA dựa trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo bảng mẫu ở phụ lục 2.4.

Việc thẩm định dòng tiền tại chi nhánh được tiến hành dựa trên các nội dung đã được thẩm định về doanh thu, chi phí và tỷ suất chiết khấu. Phương pháp xác định dòng tiền của chi nhánh là phương pháp thông dụng hiện nay. Tuy nhiên đối với phương pháp này chi nhánh cần chú trọng đến tình hình khấu hao của DN vì nó có ảnh hưởng trực tiếp đến dòng tiền.

- **Thẩm định các chỉ tiêu hiệu quả tài chính**

Đây là nội dung quan trọng tuy nhiên tại ACB - Đà Nẵng việc xác định các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính dự án được thực hiện một cách máy

móc, qua loa và phân tích sơ sài mang tính hình thức. Hiện nay việc xác định các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính DA được thực hiện trên các bảng tính toán đã được lập sẵn trên phần mềm Excell. Kỹ thuật tính toán đơn giản nên được CBTD thực hiện thuận tiện. Tuy nhiên để phân tích và đưa ra kết luận về hiệu quả DA thì còn lúng túng nhất là với các DA mà chỉ tiêu hiệu quả ở nhóm trung bình.

- Phân tích và đánh giá rủi ro dự án

Dựa vào kết quả phân tích và số liệu tính toán hiệu quả tài chính DA, CBTD tiến hành phân tích rủi ro dự án. Phương pháp phân tích rủi ro tại ACB-Đà Nẵng hiện nay chỉ phân tích sử dụng phương pháp phân tích độ nhạy, chưa sử dụng các phương pháp tiên tiến khác. Có 2 phương pháp phân tích độ nhạy được sử dụng:

Phương pháp phân tích độ nhạy một chiều

Từ các thông số và kết quả tính toán, lựa chọn một nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất tới hiệu quả tài chính và khả năng trả nợ của dự án. Sau đó lập bảng tính sự biến đổi về giá trị tuyệt đối và giá trị tương đối của các chỉ tiêu hiệu quả. Sử dụng phần mềm Excel để tính các giá trị tương ứng các trường hợp thay đổi đề cập đến. Bảng minh họa độ nhạy khi một biến thay đổi thể hiện ở phụ lục 2.6.

Phương pháp phân tích độ nhạy hai chiều

Từ Phụ lục 2.7 minh họa độ nhạy khi hai biến thay đổi (giả định là sản lượng và đơn giá) ta có thể thấy ngay ảnh hưởng của cả hai yếu tố đến chỉ tiêu hiệu quả TC. Cách đánh giá này chính xác hơn nhiều so với đánh giá một chỉ tiêu thay đổi do tác động của nó mạnh mẽ hơn và thông thường thì trong các DA thực tế bao giờ các yếu tố cũng ảnh hưởng đồng thời chứ không riêng rẽ.

Như vậy việc phân tích độ nhạy DA chỉ dừng ở việc phân tích sự ảnh hưởng của sự biến động của một số chỉ tiêu như: Giá bán, sản lượng, công

suất...nên việc phân tích chưa đạt chiều sâu. Việc lựa chọn các yếu tố này còn mang tính thủ tục, hời hợt dẫn đến các kết luận của báo cáo TD còn chung chung chưa phân tích được các yếu tố nhạy cảm tác động đến dự án để có thể đề xuất được các giải pháp khuếch đại hiệu quả hoặc hạn chế rủi ro cho DA.

- Thẩm định phương án trả vốn vay

Phương án trả vốn vay của hầu hết các DAĐT tại ACB - Đà Nẵng chủ yếu là dựa trên các nguồn như lợi nhuận của dự án, khấu hao, lợi nhuận của các hoạt động kinh doanh khác của chủ đầu tư... Chính vì vậy CBTĐ sẽ thẩm định lại phương pháp, thời gian tính khấu hao của dự án (hiện nay hầu hết các dự án đều sử dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng). Đối với nguồn lợi nhuận từ dự án, thông thường trong những năm đầu lợi nhuận của dự án chưa đủ để trả nợ nên khách hàng thường đưa các nguồn khác vào để trả nợ cho ngân hàng. Tại ACB-Đà Nẵng đây là phương án có thể chấp nhận được nếu việc thẩm định các nguồn này là khả thi.

b. Công tác TĐTC dự án đầu tư tại ngân hàng ACB-Đà Nẵng

Công tác TĐTC DADT tại ACB - Đà Nẵng được CBTĐ thực hiện theo quy trình của ngân hàng hướng dẫn và cơ bản tuân theo các bước ở chương 1.

Thu thập dữ liệu

Đây là bước đầu tiên cũng như bước nền tảng tạo cơ sở cho việc thẩm định DAĐT. Dữ liệu chính xác, trung thực, đầy đủ, đa dạng có tác động tích cực tới kết quả thẩm định dự án. Tại ACB - Đà Nẵng dữ liệu được cán bộ thẩm định thu thập không chỉ vào lúc kiểm tra hồ sơ, hoàn thiện số liệu mà công việc này được tiến hành song song với quá trình thẩm định nếu trong quá trình này cần thêm tài liệu bổ sung. Đầu tiên cán bộ thẩm định sẽ được tiếp xúc với những dữ liệu căn bản nhất đó là dữ liệu từ hồ sơ do khách hàng cung cấp. Dữ liệu này do nhân viên quan hệ khách hàng thu thập trong quá trình tiếp xúc, gặp gỡ khách hàng khi họ đến ngân hàng xin vay vốn. Sau đó

nhân viên quan hệ khách hàng sẽ chuyển toàn bộ tài liệu trên đến cán bộ thẩm định được phân công đảm nhận dự án. Đây là nguồn dữ liệu quan trọng và chủ yếu nhất tuy nhiên cần phải kiểm chứng lại độ chính xác và trung thực của nó. Các dữ liệu này do chủ đầu tư tự lập ra còn mặc phải nhiều khuyết điểm như trình độ lập báo cáo tại các doanh nghiệp chưa cao do chưa có bộ phận chuyên về thẩm định dự án và các số liệu được mô tả, tính toán ở đây phần lớn mang tính chủ quan của khách hàng nhằm nâng cao tính hấp dẫn của dự án. Loại dữ liệu tiếp theo là loại dữ liệu nguồn trong chính chi nhánh do chi nhánh tự thu thập được hoặc lưu trữ lại trong quá trình quan hệ với khách hàng. Tuy nhiên tại ACB - Đà Nẵng loại dữ liệu này chưa được chú trọng đầu tư đúng mức nên số liệu chưa nhiều và phần lớn số liệu đã cũ, đã lỗi thời không giúp ích được nhiều cho cán bộ thẩm định trong quá trình thẩm định. Loại cơ sở dữ liệu thứ ba là dữ liệu do cán bộ thẩm định tự khảo sát, điều tra thu thập được. Cán bộ thẩm định tại ACB - Đà Nẵng khi được phân công đảm nhận dự án, họ sẽ tự tìm hiểu thực tế về dự án để có cái nhìn thiết thực hơn. Việc khảo sát thực tế này được cán bộ thẩm định thực hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau. Họ đến trực tiếp nơi dự án sẽ được triển khai và cơ sở kinh doanh của chủ đầu tư để tìm hiểu tình hình hoạt động kinh doanh của khách hàng. Bên cạnh đó họ có thể tham khảo, khảo sát thị trường nơi sản phẩm của dự án sẽ được phân phối để tìm hiểu về nhu cầu sản phẩm và xu hướng giá cả trên thị trường. Một khía cạnh nữa mà cán bộ thẩm định muốn tìm hiểu đó chính là sự sẵn sàng và thái độ của nhà cung cấp nguyên vật liệu cho dự án, đánh giá xem nguồn nguyên vật liệu đầu vào của dự án có sẵn sàng không và những khó khăn, vướng mắc sẽ mắc trong khâu đầu vào của dự án. Và cuối cùng cán bộ thẩm định sẽ tham khảo ý kiến của các chuyên gia, các cơ quan liên quan để nắm vững các quy định và xu hướng phát triển mà có thể ảnh hưởng lớn tới tính khả thi của dự án trong tương lai.

Tại ACB - Đà Nẵng công việc thu thập dữ liệu đầu vào và đầu ra của dự án còn tùy theo đặc điểm, loại hình và quy mô của DA qua đó CBTĐ có cách xác định phù hợp. Đối với DA xây dựng mới độc lập, các yếu tố đầu vào, đầu ra của DA được tách biệt rõ ràng, không liên quan đến các dự án khác thì việc xác định đầu vào và đầu ra tương đối dễ dàng . Tuy nhiên điều khó khăn là các dự án này lại hoàn toàn mới đặc biệt là đối với các lĩnh vực mới đòi hỏi cán bộ thẩm định phải thận trọng trong việc đánh giá tính khả thi của dự án. Chính vì vậy tại chi nhánh những DADT trong các lĩnh vực hoàn toàn mới này thường được giao cho các cán bộ thẩm định có kinh nghiệm lâu năm thực hiện. Đối với các dự án đầu tư chiều sâu, mở rộng công suất, hoàn thiện quy trình sản xuất thì việc xác định mô hình đầu vào, đầu ra phù hợp là tương đối khó khăn vì giai đoạn này của dự án thường nối tiếp các giai đoạn trước, có những dữ liệu được tách bạch ra từng giai đoạn nhưng cũng có những dữ liệu liên quan chặt chẽ giữa các giai đoạn trước với nhau gây khó khăn cho cán bộ thẩm định trong việc xác định chính xác các dữ liệu cho dự án mà minh đàm nhận. Chính vì vậy CBTĐ phải khảo sát thực tế và tham khảo ý kiến của chuyên gia để tính toán hợp lý hơn.

Như vậy quá trình thu thập dữ liệu tại ACB - Đà Nẵng được thực hiện một cách cẩn thận, chi tiết về cách thực hiện, đầy đủ, đa dạng về nội dung và hợp lý trong phân công nhiệm vụ. Tuy nhiên trên thực tế có những dự án ở xa gây khó khăn cho việc khảo sát và tiếp cận dự án nên cán bộ thẩm định chủ yếu dựa trên hồ sơ do khách hàng cung cấp để thẩm định hoặc chủ đầu tư cung cấp dữ liệu không chính xác, cố tình che dấu những điểm không tốt khi cán bộ thẩm định khảo sát thực tế điều này ảnh hưởng không tốt tới độ chính xác, khách quan trong kết quả thẩm định của chi nhánh. Bên cạnh đó cũng có những nhân viên ngại khó nên không thu thập đủ các dữ liệu theo các kênh trên điều này cũng làm ảnh hưởng tới kết quả thẩm định.

Phân tích dữ liệu và tiến hành thẩm định

Sau khi thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết, CBTĐ tại chi nhánh sẽ phân tích dữ liệu và tiến hành thẩm định các nội dung tài chính của DAĐT. Kết quả thẩm định sẽ được cán bộ thẩm định đưa ra khi kết thúc bước này.

Tại chi nhánh để công tác thẩm định đạt hiệu quả, trước hết CBTĐ phải đọc kỹ báo cáo nghiên cứu khả thi, phân tích trên các phương diện khác nhau của DA để tìm ra các dữ liệu có ích, phục vụ cho công tác tính toán hiệu quả DA. Thông thường việc phân tích phương diện tài chính được thực hiện sau khi các phương diện khác như phương diện thị trường, kỹ thuật, tổ chức, quản lý... Chính vì vậy CBTĐ có thể tham khảo kết quả từ các phương diện trên bởi các phương diện này có liên quan chặt chẽ với nhau. Ví dụ phương diện kỹ thuật của dự án có ảnh hưởng trực tiếp tới việc tính toán, hiệu quả tài chính của dự án. Dựa trên phương diện kỹ thuật CBTĐ có thể xác định tổng mức vốn đầu tư của dự án một cách chính xác hơn. Sau khi tham khảo các thông tin trên CBTĐ sẽ tiến hành như sau:

CBTĐ xác định các giả định để tính toán cho phương án cơ sở, tính toán hiệu quả tài chính và khả năng trả nợ của dự án với các giả định dự kiến ở mức sát với thực tế dự báo sẽ xảy ra nhất. Đó là các giả định về dòng tiền dự án bao gồm doanh thu và CP của DA. Ngoài phương án cơ sở CBTĐ còn xác định các tình huống ngoài trường hợp cơ sở bằng cách đánh giá độ tin cậy của các dữ liệu trong trường hợp cơ sở, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả DA, từ đó thiết kế các tình huống khác có thể xảy ra. Có thể có nhiều phương án khác có thể xảy ra vì vậy CBTĐ sẽ đánh giá các khả năng có thể xảy ra của các phương án đó. Đối với các dữ liệu cơ sở có độ tin cậy chưa cao và nhạy cảm đối với hiệu quả DA tại chi nhánh chủ yếu tập trung vào các yếu tố như sự biến động giá cả trên thị trường, biến động chi phí, công suất khai thác...

Khi đã xác định được phương án cơ sở CBTĐ sẽ lập bảng thông số cho

trường hợp cơ sở. Tại ACB - Đà Nẵng các bảng tính được tính toán thông qua liên kết công thức với bảng thông số. Điều này tạo sự thuận lợi, tránh nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tính toán các bảng tính liên quan. Khi chuyển hướng phân tích hay thay đổi các giả định có thể thay đổi ngay trên bảng thông số và các bảng tính liên quan sẽ tự động cập nhật mà không bị sai sót.

Để giúp cho việc lập các bảng tính hiệu quả DA đạt hiệu quả cao thì trước khi lập các bảng này cần phải lập các bảng tính trung gian. Tùy thuộc mức độ phức tạp, đặc điểm của từng DA mà có số lượng các bảng tính trung gian khác nhau. Tại ACB-Đà Nẵng, chặng hạn đối với các DA sản xuất thì số lượng các bảng tính trung gian cần phải lập bao gồm bảng tính khấu hao, lãi vay, chi phí hoạt động, sản lượng và doanh thu...CBTD tại chi nhánh rất coi trọng việc tính toán các bảng tính trung gian này và hầu hết các bảng tính trung gian được tính ra đều có sự sai khác với hồ sơ do chủ dự án cung cấp. CBTĐ tính toán điều chỉnh các dữ liệu theo hướng an toàn nhất cho dự án. Ví dụ trong bảng tính doanh thu từ sản phẩm dự án, chủ đầu tư có xu hướng đưa ra giá bán dự kiến cao nhằm tăng doanh thu chính vì vậy khi thẩm định đến nội dung này CBTĐ sẽ khảo sát lại giá bán sản phẩm tương tự trên cùng khu vực để đưa ra sự điều chỉnh giảm giá bán từ đó đưa ra bảng tính về doanh thu chính xác hơn.

Dựa trên các bảng tính trung gian đã lập ở trên, CBTĐ tiến hành phân tích hiệu quả dự án. Các nội dung thẩm định như đã nêu ở trên bao gồm: Thẩm định tổng mức vốn đầu tư và nguồn tài trợ dự án, thẩm định doanh thu và chi phí, thẩm định tỷ suất chiết khấu, thẩm định dòng tiền, thẩm định hiệu quả dự án và phân tích rủi ro dự án. Từ các nội dung thẩm định trên CBTĐ lập bảng tính dòng tiền, bảng tính hiệu quả kinh doanh, bảng phân tích độ nhạy và bảng khả năng trả nợ.

Sử dụng kết quả thẩm định

Sau khi đã hoàn thành các nội dung TD trên, CBTĐ tiến hành lập tờ trình thẩm định theo mẫu của chi nhánh và gửi trưởng bộ phận KHDN. Tờ trình thẩm định này bao gồm tất cả kết quả thẩm định mà CBTĐ đã tiến hành kèm theo đánh giá và kết luận của CBTĐ về hiệu quả của dự án. Tiêu chuẩn để lựa chọn dự án chủ yếu dựa vào các chỉ tiêu tài chính đã thẩm định. Đối với chỉ tiêu NPV, đứng trên quan điểm của CBTĐ trong ngân hàng thì dự án có $NPV \geq 0$ sẽ được lựa chọn nếu như chủ đầu tư vẫn thực hiện đúng kế hoạch trả nợ và dự án có $NPV < 0$ sẽ bị loại bỏ. Đối với chỉ tiêu IRR, CBTĐ sẽ lựa chọn dự án có IRR lớn hơn lãi suất chiết khấu. Đối với chỉ tiêu PI, CBTĐ sẽ lựa chọn dự án có $PI \geq 1$, bác bỏ dự án có $PI < 1$, PI càng cao thì càng dễ chấp nhận nhưng tối thiểu phải bằng lãi suất chiết khấu. Kết luận và ý kiến của CBTĐ bao gồm đánh giá dự án có hiệu quả hay không, đề nghị cho vay hay không cho vay, cho vay kèm theo số tiền cho vay và phương thức trả nợ, lãi và điều kiện về tài sản đảm bảo.

Hồ sơ trình lãnh đạo bao gồm tờ trình thẩm định của đơn vị thẩm định, tờ trình tín dụng và thuyết minh tờ trình tín dụng hoặc tờ trình đầu tư, các hồ sơ, tài liệu của các đơn vị.

Trên cơ sở hồ sơ thẩm định, tại phiên họp hội đồng tín dụng nhân viên phân tích sẽ trình hồ sơ cho cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với những dự án dưới 5 tỷ đồng thì phòng TDDN sẽ tiếp nhận và trưởng/phó phòng sẽ phê duyệt ra quyết định cấp tín dụng còn đối với những dự án trên 5 tỷ đồng thì sẽ được thông qua và đánh giá sơ bộ tại phòng quan hệ khách hàng sau đó được chuyển xuống phòng TDDN xem xét và việc phê duyệt cấp tín dụng. Đối với tất cả các dự án có tổng các khoản đề xuất tín dụng có giá trị vượt quá 10% vốn tự có của ACB đều phải được hội đồng quản trị xem xét phê duyệt. Tuy nhiên tùy thẩm quyền phê duyệt sẽ theo sự phân cấp của giám đốc trong từng

thời kỳ. Một dự án được coi là được phê duyệt cấp tín dụng khi thoả mãn một trong 3 trường hợp sau đây:

- Thứ nhất, có đủ chữ ký của người có thẩm quyền phụ trách khách hàng và người phụ trách rủi ro trên báo cáo thẩm định.
- Thứ hai, Trường hợp một trong hai người có thẩm quyền đi vắng thì người có mặt được ký duyệt với điều kiện khoản tín dụng đã có ý kiến chấp thuận đồng thời của trưởng/phó phòng quan hệ khách hàng và trưởng/phó phòng đầu tư dự án.
- Thứ ba, có phê duyệt của hội đồng tín dụng.

Kiểm soát, đánh giá kết quả thẩm định.

Sau khi CBTĐ hoàn thành xong công tác thẩm định DAĐT, CBTĐ lập và trình phê duyệt tờ trình thẩm định, kết quả thẩm định sẽ được kiểm soát và đánh giá. Tuy nhiên công tác này chưa được chi nhánh thực sự coi trọng đặc biệt là đối với những dự án có quy mô nhỏ. Đây là một phần của công tác kiểm soát nội bộ và theo quy định CBTĐ phải được theo dõi, kiểm soát trong toàn bộ quá trình thẩm định DAĐT. Ngân hàng ACB chi nhánh Đà Nẵng có quy trình thẩm định hướng dẫn cụ thể các bước thực hiện và trách nhiệm cũng như quyền lợi của từng bộ phận và cá nhân chính vì vậy để đảm bảo quy trình này được tuân thủ nghiêm túc và đạt hiệu quả cao chi nhánh sẽ kiểm soát từng bước thực hiện dựa vào các quy định trong quy trình. Tại ACB - Đà Nẵng có những trường hợp CBTĐ không tuân thủ nghiêm túc về mặt thời gian cũng như thực hiện qua loa các quy định này dẫn đến kết quả thẩm định chưa cao.

Đánh giá kết quả thẩm định nhằm kiểm tra lại tính chính xác của từng nội dung mà CBTĐ đã thẩm định. Tại ACB - Đà Nẵng công việc này do ban kiểm soát thực hiện trước lúc ký kiểm soát. Tuy nhiên công việc này chưa thực sự hiệu quả vì ban kiểm soát chỉ có thể kiểm tra về phương pháp thẩm định và sự đầy đủ về nội dung thẩm định, khó có thể kiểm tra được tính chính

xác một cách toàn diện vì không nắm rõ được tình hình dự án.

2.2.5 Đánh giá kết quả công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng

Dựa trên các tiêu chí đã được xây dựng ở chương 1, kết quả công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng trong thời gian gần đây được đánh giá như sau:

a. Đánh giá tốc độ tăng trưởng số DADT được TD và cho vay qua các năm

Trong những năm gần đây số lượng hồ sơ xin vay vốn dự án tại chi nhánh tăng dần và tổng số dự án được cho vay vốn cũng tăng dần. Việc số lượng dự án đầu tư được ngân hàng cho vay ngày càng tăng chứng tỏ công tác tín dụng của chi nhánh có hiệu quả, nâng cao được quy mô tín dụng. Việc tính toán cho kết quả như trên được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.2. Số lượng và quy mô dự án được thẩm định và cho vay qua 3 năm 2010-2012

Chi tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Số dự án được thẩm định			
Tổng số dự án	50	59	66
Tổng số tiền (tỷ đồng)	2.137	2.155	2.168
Số dự án được cho vay vốn			
Tổng số dự án	35	42	51
Tổng số tiền (tỷ đồng)	1.089	1.195	1.862
Tỉ lệ dự án được cho vay (%)	70	71,2	77,3

(Nguồn báo cáo thẩm định tại ACB – Đà Nẵng)

b. Đánh giá về tăng trưởng dư nợ cho vay đối với các DADT

Tăng trưởng dư nợ các DADT tăng dần qua các năm đặc biệt tăng mạnh trong năm 2012. Tuy nhiên việc tăng trưởng này chủ yếu là do chi

nhánh tăng đầu tư vào các DA có quy mô trung bình và nhỏ. Các DA có quy mô lớn thì chưa nhiều.

**Bảng 2.3: Tình hình cho vay các DAĐT của chi nhánh qua 3 năm
2010 – 2012**

Năm	2010		2011		2012		
Chi tiêu	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	
Doanh số cho vay	3.298.281	100	4.180.118	100	5.428.971	100	
Theo thời gian	<i>Ngắn hạn</i>	2.208.854	66,96	2.984.604	71,4	3.566.834	69,7
	<i>Trung và DH</i>	1.089.427	33,04	1.195.514	28,6	1.862.137	34,3
Theo loại tiền	<i>Dư nợ VND</i>	2.493.500	75,6	2.942.803	70,4	3.800.280	70
	<i>Ngoại tệ</i>	804.781	25,4	1.237.315	29,6	1.628.691	30
Theo TP kinh tế	<i>DNNN</i>	1.566.683	47,5	1.797.451	43	1.976.145	36,4
	<i>DN ngoài QD</i>	1.731.598	52,5	2.382.667	57	3.452.826	63,6
<i>Tốc độ tăng liên hoàn</i>			881.837	26,7	1.248.853	29,9	
Dư nợ bình quân	712.862	100	954.686	100	1.233.638	100	

(Nguồn báo cáo thẩm định tại ACB – Đà Nẵng)

c. Đánh giá về tỷ lệ dự án không thu hồi được nợ đúng hạn.

Qua thống kê tại bảng dưới đây ta thấy tỷ lệ DA không thu hồi được nợ đúng hạn không giảm qua các năm điều này chứng tỏ mức độ hoàn thiện thẩm định tài chính chưa tốt nếu xét theo chỉ tiêu này.

Bảng 2.4: Tình hình tỷ lệ dự án không thu hồi được nợ đúng hạn qua 3 năm 2010 – 2012

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Số dự án được cho vay vốn			
Tổng số dự án	35	42	51
Tổng số tiền (tỷ đồng)	1.089	1.195	1.862
Tỷ lệ dự án được cho vay (%)	70	71,2	77,3
Số dự án không thu hồi được nợ đúng hạn			
Tổng số dự án	8	11	14
Tổng số tiền (tỷ đồng)	249	313	511
Tỷ trọng (%)	22	26	27

(Nguồn báo cáo thẩm định tại ACB – Đà Nẵng)

d. Đánh giá về tỷ lệ nợ xấu

Tình hình nợ xấu của chi nhánh cũng đã tăng qua các năm và cơ cấu nợ xấu được thể hiện ở bảng dưới đây. Nợ nhóm 2-5 vẫn chưa giảm tuy nhiên với tình hình kinh tế khó khăn như giai đoạn này đạt được kết quả như trên là một điều tích cực. Chứng tỏ công tác TĐTC đang được hoàn thiện dần.

**Bảng 2.5. Cơ cấu nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu
chi nhánh Đà Nẵng**

Năm	2010	2011	2012
Nợ dù tiêu chuẩn	99.42%	98.80%	92,35%
Nợ cần chú ý(nhóm 2)	0.24%	0.31%	5,19%
Nợ xấu (nhóm 3+5)	0.34%	0.88%	2.46%

(Nguồn phòng HC – KT tại ACB – Đà Nẵng)

2.3 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.3.1 Kết quả đạt được

Công tác TĐTC đã được cải thiện và đem lại kết quả khả quan

Công tác TĐTC đã được thực hiện một cách nghiêm túc và đem lại kết quả khả quan, dựa vào kết quả TD tài chính này đã giúp cho chi nhánh có cơ sở tương đối vững chắc để loại bỏ được những dự án xấu để từ chối cho vay và lựa chọn những dự án tốt để quyết định tài trợ. Các nội dung TD tài chính dự án khá đầy đủ và khoa học, phản ánh đúng thực trạng tài chính DAĐT.

Phần lớn các DAĐT sau khi TD được chấp nhận tài trợ, sau quá trình xây dựng vận hành và tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phát huy được hiệu quả và trả được nợ đúng hạn và đem lại lợi ích không nhỏ cho chi nhánh, đóng góp vào sự phát triển chung của toàn hệ thống ngân hàng ACB trên cả nước.

Đã áp dụng quy trình thẩm định được hối sở ban hành thống nhất chung cho toàn hệ thống

Tổng giám đốc ACB Việt Nam đã ra quyết định quy định về “Quy trình thẩm định dự án đầu tư” và được áp dụng trong toàn bộ hệ thống ACB Việt Nam trong đó có chi nhánh ACB tại Đà Nẵng. Sau đó sự ra đời của các tài liệu hướng dẫn quy trình thẩm định tài chính dự án đã phần nào hướng dẫn cán bộ thẩm định cách thức, trình tự cụ thể. Quy trình thẩm định này được tiến hành theo một trình tự logic, đã đề cập được đầy đủ các nội dung của công tác thẩm định dự án, đặc biệt là trong thẩm định tài chính dự án các chỉ tiêu được đưa ra để thẩm định khá đầy đủ và chi tiết, đảm bảo cho việc thẩm định được chính xác nhất là việc đánh giá khả năng hoàn vốn và thời gian trả nợ của khách hàng vay vốn. Quy định phối hợp giữa phòng tín dụng, phòng

nguồn vốn và phòng thâm định đã giúp Ngân hàng phát hiện được những sai sót khách quan một cách dễ dàng hơn, đồng thời giúp Ngân hàng có thể đưa ra kết quả đánh giá chính xác hơn về dự án, có được sự thống nhất trước khi lập tờ trình Ban lãnh đạo Ngân hàng. Cách làm việc tập thể này cũng giúp Ngân hàng giảm thiểu được rủi ro đạo đức nghề nghiệp, nâng cao trách nhiệm của mỗi cán bộ, góp phần vào việc hoàn thiện công tác thẩm định dự án.

Các yêu cầu về hồ sơ dự án rõ ràng, giúp khách hàng thuận lợi trong quá trình cung cấp hồ sơ phục vụ thẩm định. Thời gian TD được đảm bảo theo quy định, không kéo dài gây phiền hà cho khách hàng, làm ảnh hưởng đến cơ hội đầu tư và tiến độ thực hiện dự án.

Nội dung và phương pháp thẩm định đã được chú trọng đúng mức

Các nội dung thẩm định tài chính dự án khá đầy đủ và khoa học, phản ánh đúng thực trạng tài chính dự án đầu tư giúp Ngân hàng có cơ sở để quyết định tài trợ hay không dự án mà chủ đầu tư xin vay. Dựa trên thực tế, kết hợp các thông tin thị trường, các thông tin thu thập được do đó kết quả thẩm định tài chính là những con số khá chính xác, phản ánh đúng khả năng sinh lời, khả năng trả nợ của dự án, của chủ đầu tư. Các nội dung phân tích dựa trên quy trình biểu mẫu chung nhưng đồng thời áp dụng vào các dự án khác nhau thì cách phân tích khác nhau do đó nâng cao được tính chủ động của CBTĐ.

Chi nhánh sử dụng các phương pháp chung về thẩm định tài chính dự án đầu tư, tuy nhiên dựa trên điều kiện cụ thể sử dụng linh hoạt các phương pháp đưa ra. Trong hầu hết các dự án, phân tích độ nhạy luôn được chú trọng giúp cho việc hạn chế các rủi ro có thể xảy ra, đây là một ưu điểm mà không phải Ngân hàng nào cũng làm được.

Chất lượng các báo cáo thẩm định đã được nâng cao

Sau khi phân tích thẩm định dự án, cán bộ thẩm định đưa ra một báo cáo thẩm định, trong đó có kết luận, nhận xét về dự án của cán bộ. Đây là bản báo

cáo mang tính chủ quan của cán bộ thẩm định, tuy nhiên chất lượng các báo cáo này ngày càng được nâng cao, khả năng phân tích, các kết quả đạt được trong báo cáo ngày càng đáng tin cậy.

Phần lớn báo cáo thẩm định tổng hợp đã đưa ra nhận xét đầy đủ các nội dung thẩm định theo quy định về thẩm định tài chính dự án, có kết luận và đưa ra quan điểm rõ ràng về tài trợ dự án. Phần lớn các kết luận kiến nghị và đề xuất đưa ra trong báo cáo thẩm định đã có những căn cứ khách quan. Việc phân tích đánh giá các nội dung dự án xác định, các nhận xét đánh giá về nội dung thẩm định ngày càng có chiều sâu.

Thẩm định tài chính dự án có nhiều tiến bộ, các chỉ tiêu tài chính đã được tính toán, phân tích lý lưỡng, các kết luận thẩm định đi vào bản chất của các chỉ tiêu tài chính, dần khắc phục được tình trạng đưa ra nhận xét và kết luận thiếu căn cứ và chung chung.

2.3.2 Hạn chế và nguyên nhân

a. Hạn chế

- Nội dung phân tích chỉ mang tính liệt kê, mô tả sự biến động nhiều hơn là đánh giá sự biến động.

Khi phân tích dòng tiền, CBTĐ tiến hành rà soát, tính toán lại các yếu tố tạo nên dòng tiền tuy nhiên việc này chỉ dừng lại ở sự liệt kê các yếu tố này sau đó xác định lại dòng tiền. CBTĐ chưa đi sâu vào dự đoán, đưa ra các giả thiết và phân tích dòng tiền sẽ thay đổi như thế nào khi các yếu tố này tăng hoặc giảm bất thường hoặc có các yếu tố mới xuất hiện. Hiện nay hầu hết khi phân tích dòng tiền tại chi nhánh, CBTĐ dựa trên dòng tiền của chủ đầu tư gửi tới và thẩm định các yếu tố mà chủ đầu tư nêu ra. Nhưng khi thực tế tiến hành dự án đã phát sinh những yếu tố khác làm ảnh hưởng không nhỏ tới dòng tiền. Sự phát sinh này tùy theo diễn biến của các giai đoạn dự án, dưới

tác động của các yếu tố môi trường bên ngoài như giá cả, môi trường kinh doanh, sự phát sinh ngoài dự tính của lạm phát, phá giá tiền tệ,...

Trong thẩm định tài chính dự án, một số chỉ tiêu như NPV, IRR, PBP... được dùng để đánh giá, xếp hạng dự án, tuy nhiên tại chi nhánh thì cũng chỉ dừng lại ở giai đoạn tính toán mà chưa đi sâu vào phân tích mối quan hệ giữa chúng, chưa so sánh với các chỉ tiêu khác.

Khi phân tích rủi ro của DA, chủ yếu là liệt kê và tính toán sự ảnh hưởng của các yếu tố biến động đến hiệu quả DA, chưa đi sâu vào phân tích và đánh giá mức độ sự ảnh hưởng của các yếu tố đó đến hiệu quả dự án cũng như là rút ra biện pháp khắc phục.

- Mức độ chính xác, toàn diện trong báo cáo thẩm định tài chính của một số dự án còn thấp.

Số liệu tính toán của nhiều DAĐT còn thiếu và chưa chính xác: Việc xác định tổng chi phí và nhiều khoản mục chi phí đôi khi chỉ dựa vào các loại chi phí và định mức của chi phí do Doanh nghiệp đưa ra, không tính đầy đủ các loại chi phí đầu tư (chi phí dự phòng, chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng, chi phí thiết kế...). Khi xem xét chi phí giá thành không tính lãi vay vốn lưu động và tác động của thuế GTGT đến dòng tiền dẫn đến kết quả thẩm định không thực sự phản ánh chính xác hiệu quả tài chính của dự án.

Những căn cứ để tính toán doanh thu và chi phí dự án còn thiếu hoặc chưa đủ tin cậy. Việc thẩm định doanh thu của dự án, thông thường cán bộ thẩm định chỉ phân tích sản phẩm có được chấp nhận trên thị trường hay không, và cho công suất tăng dần theo cảm tính hoặc thụ động theo kế hoạch của doanh nghiệp. CBTD đơn thuần chỉ đặt giả thiết về giá bán sản phẩm theo mức giá hiện tại, chưa thực sự tiến hành phân tích dựa vào các yếu tố cung cầu trên thị trường.

Khi tính toán các chỉ tiêu hiệu quả, một số chỉ tiêu như NPV, IRR,... được dùng để đánh giá, xếp hạng dự án, nhưng chỉ dừng lại ở giai đoạn tính toán mà chưa đi sâu vào phân tích mối quan hệ giữa chúng, chưa so sánh với các chỉ tiêu khác. Việc đưa ra nhận xét đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả tài chính ở không ít báo cáo còn rất chung chung, các kết luận đưa ra không ăn khớp và thiếu logic. Không ít kết luận còn mang tính nóng vội, chủ quan.

- Các phương pháp thẩm định còn chưa đa dạng

Phân tích rủi ro chỉ dựa vào phân tích độ nhạy và khi phân tích độ nhạy chưa chú trọng vào việc tìm hiểu các chỉ tiêu biến động để tìm ra yếu tố ảnh hưởng lớn nhất tới hiệu quả dự án. Việc lựa chọn các yếu tố ảnh hưởng hiện tại còn mang tính máy móc, rập khuôn dẫn đến kết luận đánh giá thường dựa trên sự phân tích hời hợt thiếu chính xác.

Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả TC chưa đầy đủ. Phân tích hiệu quả tài chính tại chi nhánh chủ yếu tập trung vào các chỉ tiêu NPV, IRR, BPB chưa áp dụng thêm các chỉ tiêu khác.

- Chưa đảm bảo tính khách quan, logic trong thẩm định

Thông tin thẩm định chủ yếu dựa vào hồ sơ khách hàng cung cấp, chưa tích cực khảo sát thực tế. Nguồn thông tin mà cán bộ thẩm định sử dụng để thẩm định dự án và thẩm định tài chính dự án còn nhiều hạn chế, độ tin cậy chưa cao. Nguồn dùng trong thẩm định vẫn chủ yếu là do doanh nghiệp cung cấp cho ngân hàng, chính bản thân cán bộ thẩm định cũng gặp nhiều khó khăn trong việc xác định lại độ chính xác và cập nhật của các thông tin này. Các thông tin về doanh nghiệp có thể do các cơ quan độc lập chứng nhận tuy nhiên các thông tin về dự án thì rất khó để các cơ quan này đưa ra thông tin chính xác cụ thể, do đó dễ gây ra tình trạng gian lận từ phía khách hàng để việc vay vốn của mình được thuận lợi hơn, dễ gây ra sai lệch trong quá trình

đánh giá hiệu quả tài chính của sự án và dẫn đến sự nhầm lẫn trong quyết định cho vay của ngân hàng.

Phân tích các chỉ tiêu hiệu quả tài chính còn rời rạc chưa có tính liên kết. Kết luận thẩm định về tài chính dự án thường không có sự kết hợp giữa các chỉ tiêu tài chính để phân tích, nhiều nhận xét đánh giá còn mang tính rời rạc và không logic giữa các chỉ tiêu. Rất ít các kết luận chỉ ra những hạn chế hoặc dự báo rủi ro dự án.

- Chưa có sự phân biệt rõ ràng trong quy trình, nội dung, phương pháp phân tích hiệu quả tài chính dự án đối với các dự án thuộc các ngành, các lĩnh vực khác nhau. Điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của công tác thẩm định dự án nói chung và công tác thẩm định tài chính dự án nói riêng.

- Chưa theo dõi, tổ chức rút kinh nghiệm thẩm định: Công tác tái thẩm định dự án sau khi ngân hàng tiến hành giải ngân vốn vay cho doanh nghiệp vay vốn còn chưa được quan tâm đúng mức. Một số dự án không phát huy được hiệu quả theo kỳ vọng nhưng chưa được ngân hàng đánh giá và nhìn nhận một cách khách quan, độc lập, do vậy chưa đánh giá đúng mức hiệu quả của vốn đầu tư. Việc đầu tư có hiệu quả hay không sẽ quyết định đến khả năng hoàn trả vốn vay của doanh nghiệp đối với ngân hàng, Chi nhánh cần xem xét về vấn đề này để có thể rút ra được những kinh nghiệm trong công tác cho vay vốn để đầu tư.

- Chưa cải tiến phương pháp TD: Mỗi phương pháp TD có ưu và nhược điểm riêng nếu người TD biết kết hợp các phương pháp khác nhau sẽ giúp cho nội dung TD được đầy đủ và chính xác hơn. Hiện nay chi nhánh sử dụng phương pháp TD tuần tự và phương pháp so sánh các chỉ tiêu. Việc sử dụng hai phương pháp trên là cần thiết tuy nhiên chưa đủ vì ngoài việc so sánh, đánh giá việc đúng hay không đúng, tốt hay không tốt là chưa đủ mà cần phải đánh giá tác động của các phương án và xu hướng trong tương lai của dự án

chính vì vậy đòi hỏi chi nhánh phải sử dụng thêm phương pháp phân tích tình huống và dự báo để kết luận thẩm định đầy đủ và đáng tin cậy hơn.

Kết luận TD hiệu quả tài chính còn nhiều điểm chưa đáng tin cậy: Điều này thể hiện ở tỷ lệ nợ xấu của chi nhánh ngày càng tăng. Một số dự án được TD và kết luận có hiệu quả nhưng thực tế triển khai lại bộc lộ nhiều khó khăn và hoạt động kém hiệu quả ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của DA.

- Tiến độ TD chưa thật sự nhanh chóng và sự kết hợp giữa các phòng tín dụng, phòng nguồn vốn và phòng thẩm định trong quá trình thẩm định còn chưa chặt chẽ, chưa phát huy được hiệu quả của mình. Một số dự án còn gặp phải tình trạng thời gian thẩm định kéo dài do các phòng tiến hành thẩm định và phân tích, lập tờ trình lên Ban lãnh đạo, hoặc do việc bổ sung thông tin được đề nghị nhưng không có sự phản hồi nhanh chóng từ phía doanh nghiệp,... Điều này gây ảnh hưởng không chỉ đến cơ hội đầu tư của khách hàng mà còn tác động đến nguồn vốn của chi nhánh trong công tác cho vay.

b. Nguyên nhân

- Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức về tầm quan trọng của công tác TDTC chưa cao. Nhiều nhân viên chỉ coi công tác này mang tính hình thức chưa thực sự chú trọng và đầu tư khi thực hiện công tác này. Mặt khác một số nhân viên còn ngại tiếp xúc nhiều với chủ dự án, chưa tích cực trong việc điều tra, tìm hiểu thông tin xung quanh dự án. TDTC là một khâu quan trọng và có ảnh hưởng rất lớn tới quyết định đầu tư hay từ chối đầu tư của ngân hàng. Chính vì vậy để hạn chế một cách tối đa rủi ro trong cho vay DA thì trước tiên bản thân các CBTĐ phải rất coi trọng công tác này và thực hiện công việc một cách nhiệt tình, nghiêm túc và chịu trách nhiệm trước kết quả thẩm định.

Công tác tổ chức, điều hành công tác thẩm định DAĐT tại chi nhánh còn nhiều điểm hạn chế. Việc phân công cán bộ thẩm định chưa hợp lý dẫn

đến kết luận thẩm định còn nhiều điểm chưa đáng tin cậy. Chi nhánh chưa quy định chi tiết, rõ ràng trách nhiệm của CBTĐ đối với kết quả thẩm định dẫn đến có sự dùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau đặc biệt chưa có quy định cụ thể về thời gian thẩm định dẫn tới có những khâu việc thực hiện còn trì trệ ảnh hưởng tới tiến trình chung.

Thông tin do chủ đầu tư cung cấp chưa phản ánh trung thực về dự án. Với ý muốn nhận được sự chấp nhận cho vay từ phía chi nhánh, các doanh nghiệp đã phần nào khuếch trương hiệu quả dự án, nâng cao mức hấp dẫn của dự án so với thực tế điều này ảnh hưởng không nhỏ tới tính chính xác trong kết luận của cán bộ thẩm định. Bên cạnh đó việc thu thập thông tin ngoài hồ sơ dự án chưa được chú trọng đúng mức. Để kết quả thẩm định chính xác thì yêu cầu về mặt thông tin dự án phải chính xác và đáng tin cậy. Tuy nhiên thông tin sử dụng làm căn cứ tính toán tại chi nhánh chủ yếu dựa vào hồ sơ do khách hàng cung cấp có độ chính xác và tin cậy thấp đòi hỏi CBTĐ phải tự thu thập thông tin ngoài hồ sơ dự án. Tuy nhiên công tác này tại chi nhánh chưa được coi trọng vì CBTĐ chưa nhận được sự hỗ trợ đáng kể nào từ hệ thống thông tin của chi nhánh cũng như là sự hỗ trợ kinh phí thu thập thông tin bên ngoài.

Đội ngũ cán bộ làm công tác thẩm định còn hạn chế về số lượng và kinh nghiệm. Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của đội ngũ CBTĐ chưa cao, chưa xây dựng được nhóm CBTĐ phụ trách thẩm định những dự án trong những ngành nghề, lĩnh vực nhất định. Đội ngũ nhân viên còn chưa nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của công tác thẩm định tài chính, họ ngại tìm tòi, học hỏi những kiến thức và phương pháp tiên tiến hơn. Công việc thẩm định mà các CBTĐ thực hiện hiện nay còn mang tính máy móc, rập khuôn thiếu sáng tạo dẫn đến hiệu quả công tác chưa cao. Số lượng cán bộ được đào tạo

bài bản còn ít chủ yếu học hỏi từ việc truyền nghề của thế hệ trước, hiểu biết tài chính về các ngành khác còn hạn chế.

Chưa trang bị đầy đủ trang thiết bị, kỹ thuật phục vụ thẩm định. Hiện nay tại các phòng ban của chi nhánh đã được trang bị đầy đủ máy tính, máy in, máy fax và hệ thống internet để CBTĐ có thể tìm hiểu thêm thông tin phục vụ công tác thẩm định. Tuy nhiên, chi nhánh cần đầu tư thêm các phần mềm trợ giúp cho việc tính toán các chỉ tiêu tài chính phức tạp mà các phần mềm tông thường không đáp ứng được, giúp CBTĐ tiết kiệm thời gian và công sức hơn.

- Nguyên nhân khách quan

Thông tin do chủ ĐT cung cấp không chính xác, trung thực. Để đạt được mục đích nhận được sự đồng ý tài trợ từ phía NH, các chủ ĐT thường gửi hồ sơ với những số liệu có lợi cho dự án và che dấu những điểm không tốt chẳng hạn như báo cáo tăng về doanh thu và lợi nhuận, không thống kê và tính toán đầy đủ các loại chi phí để đưa vào dòng tiền, báo cáo tăng về tỷ trọng tham gia của vốn tự có trong tổng nguồn vốn, tăng cường báo cáo về những thuận lợi để nâng sự hấp dẫn của dự án đầu tư trong khi đó lại ít hoặc che dấu những khó khăn khi DAĐT được đưa vào sử dụng...

Nền kinh tế tài chính bắt ôn khó lường: Đây là xu hướng chung của nền kinh tế tài chính thế giới trong những năm gần đây và tình hình này ảnh hưởng không nhỏ tới nền kinh tế Việt Nam. Hàng hóa ế ẩm, doanh nghiệp làm ăn không có lãi, thất nghiệp tăng, lãi suất ngân hàng và tỷ giá hối đoái có những biến động khó lường, bất động sản đóng băng...tất cả những vấn đề trên càng làm cho nền kinh tế tài chính trong nước trở nên ảm đạm và ảnh hưởng tiêu cực tới doanh nghiệp và DAĐT.

Hệ thống văn bản pháp lý Nhà nước còn yếu kém: Khi tiến hành thẩm định dự án đầu tư phải căn cứ vào chính sách, chế độ của Nhà Nước thông

qua các văn bản. Những sai sót hay thay đổi trong cơ chế, chính sách của Nhà nước đều có ảnh hưởng không nhỏ tới công tác thẩm định dự án. Trong khi đó các văn bản pháp lý của Nhà nước về đầu tư, xây dựng, tài chính,...còn thiếu, còn bất cập, chưa đồng bộ và thường xuyên thay đổi. Nhiều văn bản có nội dung chồng chéo hoặc không thống nhất giữa các cấp, các ngành tạo ra khó khăn trong việc lập và thẩm định tài chính. Bên cạnh đó Nhà nước chưa có quy định cụ thể về việc báo cáo tình hình hoạt động hàng năm của các doanh nghiệp, cũng như là chế tài xử lý các doanh nghiệp cung cấp thông tin không chính xác cho các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Cạnh tranh giữa các NHTM ngày càng quyết liệt: Hiện nay số lượng NHTM và các tổ chức tín dụng trong cả nước nói chung và tại khu vực miền Trung nói riêng ngày càng nhiều. Điều này dẫn tới khách hàng có nhiều sự lựa chọn và sự cạnh tranh giữa các ngân hàng ngày càng khốc liệt hơn. Các ngân hàng cạnh tranh nhau để thu hút khách hàng. Vì vậy khách hàng được quyền lựa chọn ngân hàng giao dịch. Một doanh nghiệp được mở tài khoản giao dịch tiền gửi và tiền vay ở nhiều ngân hàng thương mại khác nhau. Lợi dụng điều này, không ít doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi tiền vay tại nhiều ngân hàng hoặc vay ngân hàng này không được thi vay ngân hàng khác dẫn đến ngân hàng khó kiểm soát được dư nợ của khách hàng. Đây cũng là một trong những vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng thẩm định dự án tại ngân hàng.

TÓM TẮT CHƯƠNG 2

Nội dung của chương 2 tác giả đã giới thiệu một cách khái quát về ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng. Tiếp theo tác giả sẽ trình bày về thực trạng công tác thẩm định tài chính tại chi nhánh. Mục này trình bày các nội dung liên quan đến công tác thẩm định tại chi nhánh như: Tổ chức, quy trình, nội dung công tác thẩm định dự án đầu tư tại chi nhánh, đánh giá kết quả công tác thẩm định tài chính DAĐT tại chi nhánh trong thời gian qua. Đối với nội dung đánh giá kết quả này sử dụng các tiêu chí đánh giá đã xây dựng ở chương 1 và đưa ra kết quả như sau:

- Tốc độ tăng trưởng số DAĐT được TD và cho vay tăng qua các năm.
- Tăng trưởng dư nợ cho vay đối với các DAĐT tăng qua các năm.
- Tỷ lệ DA không thu hồi được nợ đúng hạn không giảm qua các năm.
- Tình hình nợ xấu của chi nhánh cũng đã tăng qua các năm

Và dựa trên thực trạng đó tác giả đã đưa ra đánh giá chung về công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong cho vay tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng trong thời gian qua. Trong nội dung này sẽ trình bày những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU - ĐÀ NẴNG

3.1 CĂN CỨ ĐƯA RA GIẢI PHÁP

3.1.1 Định hướng hoạt động cho vay tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng trong thời gian tới.

Đối với các ngân hàng Việt Nam hiện nay, loại hình nghiệp vụ đem lại nguồn thu nhập cao nhất cho ngân hàng vẫn là tín dụng. Mà hoạt động của Ngân Hàng Á Châu - Đà Nẵng phải luôn đảm bảo tính an toàn và hiệu quả. Vì vậy mục tiêu của chiến lược sử dụng vốn của Ngân Hàng Ngoại Thương trong những năm tới là "tăng trưởng - an toàn - hiệu quả".

Để tiếp tục phát huy được những thành quả đã đạt được và thực hiện thành công mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, trong thời gian tới hoạt động cho vay tại Ngân Hàng Ngoại Thương được định hướng như sau:

Ngân hàng tận dụng mọi thời cơ để mở rộng tín dụng, đặc biệt nâng cao tỷ trọng tín dụng đầu tư trung và dài hạn từ 30 - 40% tổng dư nợ, trong đó ngân hàng rất chú trọng tới hoạt động cho vay theo dự án.

Ngân hàng phấn đấu mức tăng trưởng dư nợ tín dụng chung đến 31/12/2013 tăng 27,1% so với cùng kỳ năm 2012 và tỷ lệ nợ quá hạn/ tổng dư nợ luôn thấp hơn 3,5%.

Bám sát định hướng của Nhà nước về chiến lược phát triển kinh tế, sớm tiếp cận với các dự án, các chương trình kinh tế trọng điểm để chủ động bố trí vốn, trực tiếp tham gia hoặc tham gia theo phần, đồng tài trợ với các ngân hàng thương mại khác để phát huy sức mạnh về vốn, kinh nghiệm cũng như hạn chế rủi ro. Tiếp tục mở rộng các đối tượng cho vay nhằm khai thác mọi tiềm năng trong nền kinh tế, có cơ chế thoả đáng trong chính sách tín dụng

cho mục tiêu xã hội. Tuy nhiên, ngân hàng sẽ tập trung một tỷ trọng vốn thích đáng đầu tư vào các dự án lớn thuộc các doanh nghiệp có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Còn đối với các đối tượng khách hàng khác ngân hàng cũng nên thực hiện các chính sách mềm dẻo để thu hút những khách hàng tiềm năng như các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp thuộc loại vừa và nhỏ bên cạnh việc cung cấp cho khách hàng truyền thống.

Ngoài ra, Ngân Hàng Á Châu - Đà Nẵng cũng phải cạnh tranh mạnh mẽ với các ngân hàng khác. Vì vậy ngân hàng cần nâng cao khả năng cạnh tranh bằng những ưu thế và sự khác biệt như cạnh tranh bằng công cụ lãi suất, phí giao dịch hấp dẫn, phong cách phục vụ, công tác marketing...đặc biệt đối với các khoản vay lớn, các dự án có tính khả thi và độ an toàn cao.

Tuy nhiên, mở rộng tín dụng không thể bỏ qua việc nâng cao chất lượng tín dụng, đảm bảo vốn được đầu tư vào các dự án có hiệu quả không chỉ hiệu quả về mặt kinh tế mà cũng cần đến hiệu quả về mặt xã hội của dự án, đảm bảo khả năng thu hồi vốn.

Vậy thực chất của việc mở rộng tín dụng chính là lấp đầy những khoảng trống mà do sự hạn chế trong việc cho vay nên Ngân hàng đã bỏ sót những khách hàng, những dự án tốt. Do đó, Ngân hàng cần phải thẩm định tốt để hoạt động tín dụng không những được mở rộng mà còn được nâng cao chất lượng. Đặc biệt là phải nâng cao chất lượng thẩm định tài chính trong hoạt động cho vay của Ngân hàng.

3.1.2 Định hướng cho công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong cho vay trong thời gian tới.

Công tác TĐTC dự án tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng hoạt động dựa trên những định hướng sau:

Công tác TĐTC dự án đầu tư của Ngân hàng phải đứng trên góc độ của người cho vay của Ngân hàng trong từng giai đoạn.

Công tác TĐ dự án phải xuất phát từ tình hình thực tiễn trong hoạt ngành và nhằm phục vụ hoạt động cho vay của chi nhánh trong từng giai đoạn.

Công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư phải được phổ cập hóa trong toàn hệ thống với tất cả các cán bộ làm nhiệm vụ ở các bộ phận khác nhau, với những yêu cầu đòi hỏi khác nhau.

Công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, toàn diện đối với tất cả các dự án xin vay trong quá trình cho vay từ xem xét dự án cho đến giai ngân, thu nợ, thu lãi.

Công tác thẩm định tài chính DAĐT tại chi nhánh phải được tiến hành theo một quy trình khoa học, hiện đại sát với tình hình thực tế và phù hợp với nghiệp vụ ngân hàng.

Công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư phải được xây dựng theo hướng đặc thù cho hoạt động cho vay của ngân hàng, duy trì phát triển thành một thế mạnh trong kinh doanh thương trường.

Công tác thẩm định phải phát huy vai trò tham mưu cho lãnh đạo để có những biện pháp tổ chức, chỉ đạo điều hành cụ thể trong việc quyết định các khoản vay.

Công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư đòi hỏi tính chủ động, năng lực sáng tạo, khả năng phân tích, tổng hợp và phải thường xuyên được tổng kết, rút ra kinh nghiệm, bài học để hoàn thiện và phát triển.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

3.2.1. Cải tiến công tác tổ chức điều hành công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư tại chi nhánh.

- Phân công dự án cần phải căn cứ vào năng lực, sở trường của các mỗi người để phát huy thế mạnh của cán bộ thẩm định.

Có một đội ngũ cán bộ giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ thô thi chưa đủ vì nếu họ không được bố trí một cách hợp lý thì cũng coi như bỏ phí tài năng của mình. Vì vậy, việc phân công, bố trí hợp lý, có khoa học trong quá trình thẩm định tài chính dự án sẽ tránh được sự chồng chéo không cần thiết, giảm được những hạn chế và phát huy mặt tích cực của cán bộ thẩm định cũng như của cả tập thể, giảm chi phí hoạt động cũng như rút ngắn thời gian thẩm định.

Để có được sự tổ chức, sắp xếp một cách hợp lý và khoa học thì phòng tín dụng doanh nghiệp cần phải phân công dự án dựa trên năng lực sở trường của mỗi cán bộ nhằm phát huy được thế mạnh của họ. Không nên phân cán bộ thẩm định phụ trách khỏi doanh nghiệp trong và ngoài quốc doanh như hiện nay mà nên phân theo ngành nghề, mỗi bộ phận cán bộ thẩm định phụ trách những ngành nghề khác nhau và cho cán bộ đi tìm hiểu chuyên sâu hơn về loại ngành nghề đó.

- Đầu mạnh công tác chuyên môn hóa trong công việc và quy định chi tiết hơn về trách nhiệm, quyền lợi của CBTĐ đối với kết quả TD.

Một giải pháp cũng rất quan trọng của phòng đầu tư dự án, đó là đầu mạnh tính chuyên môn hóa trong công tác tổ chức. Ngân Hàng Á Châu nói chung và phòng đầu tư dự án nói riêng cần phải đầu mạnh tính chuyên môn hóa trong hoạt động của mình. Đối với phòng đầu tư dự án, việc tách các công việc: Tìm kiếm khách hàng, thu thập thông tin, thẩm định, cho vay, theo dõi

khoản vay, giải ngân và thu nợ thành các bộ phận riêng biệt là rất cần thiết. Hiện nay, cán bộ thẩm định phải làm tất cả các công việc trên. Điều đó dẫn đến công việc không mang tính tập trung, ví dụ như nhiều khi cán bộ thẩm định đang thu thập thông tin cho một dự án mới thì lại phải giải ngân một dự án khác,... hay nói cách khác là họ đồng thời phải giải quyết nhiều công việc cùng một lúc thì sẽ khó tránh khỏi chất lượng công việc không cao. Vì vậy, chuyên môn hoá các công việc trên sẽ giúp cho cán bộ thẩm định làm việc tập trung hơn, năng suất lao động cao hơn, chất lượng của từng công việc trên sẽ được nâng cao hơn, và cũng tức là chất lượng công tác thẩm định sẽ tốt hơn.

Cùng với việc phân công nhiệm vụ thẩm định cho các phòng cần bổ sung các quy định trách nhiệm về kết quả thẩm định đối với từng phòng và từng nhân viên thẩm định, gắn kết quả với trách nhiệm thẩm định, tăng cường trách nhiệm của các phòng và từng cán bộ trong thực hiện thẩm định tài chính. Từ đó kích thích nhân viên thẩm định tự hoàn thiện năng lực chuyên môn để đáp ứng công việc thẩm định đồng thời hạn chế tiêu cực và bảo đảm tính khách quan trong thẩm định.

- *Thành lập một tổ tư vấn kỹ thuật tại chỗ.* Tổ tư vấn này có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về mặt kỹ thuật xây dựng dự án đầu tư. Thông qua tổ tư vấn này CBTĐ có thể xác định một cách chính xác hơn các nội dung thẩm định mà CBTĐ không có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực đó từ đó đưa ra kết luận thẩm định đúng đắn hơn.

- *Tiến hành hoạt động kiểm tra, kiểm soát để đảm bảo công tác TD.*

Chi nhánh cần tiến hành một cách nghiêm túc hoạt động kiểm tra, kiểm soát để đảm bảo công tác thẩm định tài chính dự án được thực hiện đúng quy trình, các chuẩn mực đã đề ra. Công việc này cần được tiến hành bởi ban kiểm soát của chi nhánh và được thực hiện ngay từ những dự án nhỏ bởi sự chủ quan, tiến hành qua quýt đối với những dự án nhỏ này nhiều khi lại dẫn đến không đảm bảo chất lượng trong quá trình thẩm định gây ra hậu quả đáng tiếc.

Công việc kiểm tra, giám sát phải được thực hiện trên mọi mặt từ việc tuân thủ các quy định chung tới năng lực chuyên môn và đạo đức của cán bộ thẩm định.

Kiểm tra, kiểm soát là việc làm hết sức cần thiết và quan trọng, để phòng, ngăn ngừa và xử lý kịp thời, chính xác những hiện tượng có thể dẫn đến rủi ro trong hoạt động của ngân hàng. Do đó:

- + Cán bộ tín dụng phải phát huy tối đa tính khách quan, nhìn nhận vấn đề theo tình hình thực tế, theo số liệu cụ thể của công tác kiểm tra.

- + Kiểm tra, kiểm soát phải đảm kịp thời, thường xuyên, đánh giá sự việc một cách mau lẹ và đưa ra kết luận chính xác.

- Quy định cụ thể thời gian thẩm định

Quy định cụ thể thời gian thẩm định đối với các phòng chủ trì và phòng phối hợp. Việc phân công phải hợp lý trên nguyên tắc khôi lượng công việc thẩm định của các phòng để tăng cường hiệu quả làm việc của các phòng và nhân viên thẩm định đồng thời vừa đáp ứng tiến độ thẩm định mà vẫn đảm bảo hiệu quả. Tránh tình trạng như hiện nay, thời gian tiếp nhận kiểm tra hồ sơ ban đầu chậm, chiếm nhiều thời gian và gây sức ép về thời gian cho các khâu thẩm định sau ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả thẩm định.

- Tiến hành rút kinh nghiệm thông qua sự hậu kiểm. Một thực trạng hiện nay tại chi nhánh là công tác kiểm tra tiến độ và tình hình sử dụng VDT của dự án sau khi giải ngân chưa được thực hiện một cách nghiêm túc. Công tác hậu kiểm rất quan trọng giúp cho ngân hàng kiểm soát được dòng vốn của mình và hạn chế khả năng không thu hồi được nợ đúng hạn. Thông qua công tác hậu kiểm ngân hàng có thể đưa ra nhận xét đánh giá về DA, những vấn đề bất thường xảy ra và từ đó rút kinh nghiệm khi cho vay những DA tiếp theo. Chính vì vậy khi mỗi dự án kết thúc phòng TDDN nên thực hiện nghiêm túc và thường xuyên công tác này để kết quả thẩm định được tốt hơn.

3.2.2. Hoàn thiện phương pháp phân tích

Mỗi dự án có một đặc trưng nhất định, không phải bất cứ dự án nào cũng cần phải áp dụng và tính toán tất cả các chỉ tiêu trong hệ thống thẩm định. Việc sử dụng phương pháp nào, chỉ tiêu nào để thẩm định phụ thuộc vào quyết định của mỗi ngân hàng. Với mỗi dự án, phương pháp tốt nhất là phương pháp phù hợp nhất nhưng chưa chắc chắn rằng phương pháp đấy là hiện đại nhất. Nhưng trong giai đoạn hiện nay, những phương pháp thẩm định tài chính dự án hiện đại đã giúp cho việc phân tích, đánh giá dự án được toàn diện, chính xác và hiệu quả hơn. Song điều quan trọng là ngân hàng phải biết áp dụng đồng bộ các chỉ tiêu đảm bảo tính toàn diện và cũng phải lựa chọn những chỉ tiêu quan trọng nhất phù hợp với tình hình thực tế của ngành, dự án cũng như khả năng điều kiện cụ thể của ngân hàng.

Khi dùng một phương pháp, một chỉ tiêu để thẩm định CBTĐ phải hiểu rõ phương pháp ấy có những ưu nhược điểm gì, có phù hợp để thẩm định dự án không? Ví dụ như dùng chỉ tiêu thời gian hoàn vốn để thẩm định tài chính dự án đầu tư, phương pháp này không quan tâm đến dòng tiền sau năm thu hồi vốn, do đó không lường trước được những rủi ro trong tương lai ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của dự án như thế nào? Do vậy nó thích hợp cho những dự án nhỏ, hao mòn nhanh, phải thu hồi vốn nhanh. Cán bộ thẩm định phải nắm chắc những nhược điểm ấy của chỉ tiêu để thẩm định những dự án phù hợp với nó. Rõ ràng ở đây nếu ngân hàng chỉ áp dụng chỉ tiêu thời gian hoàn vốn cho các dự án có thời gian dài, quy mô lớn thì không hiệu quả.

Cần có sự vận dụng triệt để hơn nữa phương pháp thẩm định dựa vào số liệu thống kê và kết quả dự báo. Phương pháp dự báo trong thẩm định khía cạnh thị trường sản phẩm của dự án có vai trò quan trọng; vì trên cơ sở các số liệu dự báo, CBTĐ đánh giá cung cầu thị trường sản phẩm của dự án, giá cả, công nghệ, thiết bị ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và tính khả thi của dự án.

Khi vận dụng phương pháp so sánh, đối chiếu để thẩm định dự án, cán bộ thẩm định cần kiểm chứng mức độ chính xác và tin cậy của các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật do Nhà nước ban hành và các thông tin được lấy làm cơ sở để so sánh với các chỉ tiêu trong dự án. Việc phân tích so sánh có thể tiến hành một cách trực tiếp hoặc thông qua tính toán lại các chỉ tiêu và thông số kinh tế kỹ thuật trong dự án.

Khi áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy cần lựa chọn những thông số chủ yếu có ảnh hưởng lớn đến dự án để phân tích. Cần có sự quan tâm xem xét thỏa đáng đến tỷ suất chiết khấu chuẩn làm cơ sở tính toán chính xác các chỉ tiêu và hiệu quả tài chính của dự án. Đây là cơ sở và căn cứ cho việc huy động nguồn tài trợ cho dự án.

Rủi ro là một nội dung gắn liền với mỗi dự án nên cán bộ thẩm định không thể coi nhẹ việc phân tích rủi ro. Các phương pháp có thể áp dụng để phân tích rủi ro về tài chính dự án là: phân tích độ nhạy, phân tích theo kịch bản và phân tích mô phỏng. Công tác thẩm định muốn được tiến hành thuận lợi, nhanh chóng và chính xác, cán bộ thẩm định cần được trang bị những công cụ cần thiết như máy tính bò túi, máy vi tính, các phần mềm ứng dụng chuyên biệt...được sử dụng khá rộng rãi để tính toán và phân tích các chỉ tiêu hiệu quả tài chính và phân tích rủi ro dự án.

Ngoài ra, cần tăng cường phương pháp tham khảo ý kiến chuyên gia hoặc cơ quan tư vấn. Với những dự án đầu tư lớn, công nghệ kỹ thuật phức tạp trong lĩnh vực chuyên môn mà cán bộ tín dụng không thể phân tích hết được các thông số trong hồ sơ do không được đào tạo chuyên sâu; khi đó việc cần tham mưu ý kiến chuyên gia là hết sức cần thiết. Các chuyên gia có thể tham gia suốt quá trình thẩm định như một thành viên của hội đồng thẩm định hoặc chỉ tham gia khi CBTĐ yêu cầu cho ý kiến về một nội dung nào đó.

Đối với mỗi phương pháp, cần chi tiết hóa các bước đồng thời nắm vững ưu nhược điểm của từng phương pháp để tìm cách khắc phục.

3.2.3. Nâng cao tính chính xác trong các nội dung thẩm định tài chính

- Hoàn thiện thẩm định tổng mức vốn đầu tư và nguồn tài trợ dự án.

Cần TĐ kĩ tính chính xác của chi phí đầu tư ngay cả khi DA được phê duyệt tổng mức vốn đầu tư của cấp có thẩm quyền. Xác định mức dự phòng hợp lý dựa trên cơ sở phân tích các yếu tố liên quan: tỷ giá, lạm phát, lãi suất...

Khi thẩm định nguồn tài trợ của dự án chi nhánh cần đánh giá kĩ tính khả thi của từng nguồn tài trợ đặc biệt là nguồn vốn tự có của chủ đầu tư.

- Thẩm định doanh thu, chi phí chính xác và khách quan

Nâng cao chất lượng nghiên cứu thị trường đặc biệt chú ý tới sản phẩm cùng loại, khả năng cạnh tranh sản phẩm trên thị trường cũng như là nhu cầu, thị hiếu của sản phẩm trên thị trường và khả năng phát triển thị trường trong tương lai.

Phân tích biến động của các yếu tố: lạm phát, tỷ giá tối chi phí của DA. Khi tính dòng tiền ra của dự án CBTĐ thường bỏ qua sự ảnh hưởng của các yếu tố trên tới sự biến động của dòng tiền ra. Lạm phát và tỷ giá tăng cao ảnh hưởng không nhỏ tới chi phí dự án gây ảnh hưởng tới tổng vốn đầu tư dự án. Chính vì vậy khi tính toán đòi hỏi CBTĐ phải dự đoán một cách tương đối về diễn biến lạm phát và tỷ giá từ đó có sự điều chỉnh chi phí dự án cho hợp lý.

- Thẩm định dòng tiền và lãi suất chiết khấu: Đưa đầy đủ chi phí cơ hội, giá trị thu hồi từ TSCĐ, VLĐ ròng vào tính toán dòng tiền.

- Nâng cao tính chính xác của việc tính toán các chỉ tiêu hiệu quả TC.

Ngân hàng cần nghiên cứu và đưa ra các tiêu chuẩn cho phép đối với từng nghành nghề. Từ đó, Ngân hàng có thể so sánh với các chỉ tiêu hiệu quả

và an toàn tài chính của dự án, dù có thể không tuyệt đối chính xác nhưng nó cũng góp phần vào việc đi đến kết luận tài trợ hay không.

Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính dự án là nội dung rất quan trọng trong quá trình thẩm định tài chính dự án. Vì vậy, các chỉ tiêu này cần được tính toán một cách cẩn thận, chính xác, tính đúng giá trị. Trong đó, cán bộ thẩm định đặc biệt quan tâm đến giá trị thời gian của tiền thì mới so sánh được giá trị tại các thời điểm khác nhau một cách chính xác được. Điều đó cũng có nghĩa là cán bộ thẩm định phải xác định chính xác khoản thu hồi ở thời điểm cuối dự án và tỷ lệ chiết khấu.

- Phân tích rủi ro của dự án qua phân tích tình huống, phân tích độ nhạy và phân tích mô phỏng. Thông qua kết quả phân tích độ nhạy, CBTĐ cần chú ý và đưa ra các biện pháp có thể phòng tránh rủi ro do các yếu tố đó gây ra.

3.2.4 Tăng cường công tác thu thập xử lý thông tin

- Đối với nguồn thông tin nội bộ

Để đảm bảo xây dựng được hệ thống tin hoạt động có hiệu quả Ngân hàng cần phải hoàn thiện hệ thống cung cấp thông tin, báo cáo nội bộ, có sự trao đổi thường xuyên giữa các chi nhánh trong nội bộ ngân hàng. Mạng lưới thông tin phải kết hợp chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Tất cả những thông tin về tín dụng cần phải được tập trung về một mối là phòng thông tin tín dụng tại trung ương. Điều này nhằm đảm bảo thông tin liên quan đến dự án và thẩm định dự án sẽ được cung cấp nhanh chóng kịp thời, đầy đủ, chính xác khi cần thiết. Tại phòng thông tin tín dụng trung ương các thông tin cũng nên được phân nhóm theo từng ngành nghề, lĩnh vực, khu vực khác nhau.

Ngoài ra, Ngân Hàng Á Châu - Đà Nẵng được trang bị hệ thống máy tính hiện đại, đây chính là điểm lợi thế của chi nhánh. Vì vậy, chi nhánh cần biết khai thác tối đa lợi thế của mình, cần xây dựng mạng lưới hệ thống máy tính nội bộ để trao đổi thông tin giữa các phòng và chi nhánh được tiến hành

nhanh chóng. Nếu biết khai thác có hiệu quả mạng máy tính thì đây sẽ là chìa khoá giải quyết vấn đề thông tin một cách kịp thời và chính xác nhất.

- Đối với nguồn thông tin bên ngoài

Nguồn thông tin bên ngoài là nguồn được thu thập từ Phòng thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước, của các Ngân hàng thương mại khác, rồi từ phía bạn hàng, từ các cơ quan quản lý khác nhau như các Bộ Thương mại, Bộ Đầu tư, từ sách báo, tạp chí,... Nguồn thông tin này cũng quan trọng không kém nguồn thông tin nội bộ. Tuy nhiên, nguồn thông tin bên ngoài thường đa dạng hơn nguồn thông tin nội bộ và có độ tin cậy kém hơn. Vì vậy, chi nhánh cần có kế hoạch thu thập thông tin từ bên ngoài một cách hợp lý.

Ngân hàng cần có bộ phận chuyên thu thập thông tin, cần có sự giúp đỡ của các công ty kiểm toán để kiểm tra tính chính xác và trung thực của các báo cáo tài chính mà doanh nghiệp xin vay vốn trình lên.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia tư vấn kỹ thuật để trợ giúp trong việc thẩm định khía cạnh kỹ thuật công nghệ của dự án, từ đó xác định chính xác tổng nhu cầu vốn đầu tư.

3.2.5 Các biện pháp hỗ trợ

a. Bồi dưỡng, nâng cao trình độ kiến thức của đội ngũ cán bộ thẩm định

Trong quá trình thẩm định dự án nói chung và thẩm định tài chính dự án nói riêng cán bộ thẩm định luôn đóng vai trò vô cùng quan trọng. Bởi lẽ họ chính là những người trực tiếp tiến hành hoạt động thẩm định tài chính dự án đầu tư, và thẩm định tài chính dự án đầu tư không phải là nghiệp vụ đơn giản, nó đòi hỏi cán bộ thẩm định không những phải có kiến thức sâu về nghiệp vụ, phải am hiểu các lĩnh vực cho vay, đầu tư của ngân hàng mà còn phải có những hiểu biết về các vấn đề liên quan như: Thuế, môi trường, thị trường, khoa học công nghệ... Do vậy phần nào hiệu quả của công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư sẽ phụ thuộc vào chất lượng nhân tố con người. Sự hiểu

biết và toàn bộ những kiến thức về khoa học, kinh tế, xã hội mà người thẩm định có được đều phải thông qua đào tạo hay sự bồi dưỡng kiến thức mà có; kinh nghiệm, kỹ năng là những gì tích luỹ được thông qua hoạt động thực tiễn; năng lực là khả năng nắm bắt, xử lý công việc trên cơ sở các tri thức, kiến thức đã được tích luỹ. Tính kỷ luật cao, phẩm chất đạo đức tốt của cán bộ thẩm định là điều kiện để đảm bảo cho chất lượng thẩm định và ngược lại, người thẩm định không có kỷ luật, đạo đức không tốt sẽ phá hỏng mọi việc, không đánh giá đúng được tính khả thi của dự án.

Chính vì tầm quan trọng trên Chi nhánh phải thực hiện tuyển dụng, chọn những cán bộ có đủ tiêu chuẩn, đạo đức, sức khỏe, nhiệt tình với công việc, có ý thức và khả năng tiếp thu tốt những kiến thức nghiệp vụ chuyên môn ngày càng cao, Công việc của cán bộ thẩm định có ảnh hưởng rất lớn đến việc ra quyết định đầu tư, nếu một quyết định sai lầm là do sai sót của cán bộ thẩm định, cũng với sự thiếu đi sâu, đi sát của cán bộ lãnh đạo đều có thể gây hậu quả đáng tiếc. Vì vậy, việc tiến hành tiêu chuẩn hóa cán bộ tín dụng nói chung và cán bộ thẩm định nói riêng ở chi nhánh là việc rất quan trọng và cần phải được tiến hành khẩn trương.

Trên cơ sở tiêu chuẩn hóa cán bộ, ngân hàng nên có hướng đào tạo, đào tạo lại, tuyển chọn và sử dụng phù hợp với những yêu cầu cơ bản sau:

- Có năng lực, trình độ chuyên môn để phân tích, tổng hợp các vấn đề được nêu trong hồ sơ dự án, nhận thức rõ ảnh hưởng của các yếu tố bên trong và bên ngoài tới việc thực hiện dự án đầu tư theo kế hoạch đã được xác định để xác định mức độ khả thi của dự án.

- Biết thu thập, xử lý các thông tin cần thiết phục vụ cho công tác đánh giá, thẩm định.

Năm vững chủ trương, chính sách phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, ngành, địa phương có liên quan đến dự án.

- Có bản lĩnh và tinh thần trách nhiệm trong việc thẩm định dự án, phong cách làm việc khẩn trương, khoa học. Có tinh thần học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ nhất là nghiệp vụ thẩm định, trình độ ngoại ngữ, tin học.

- Bố trí đủ cán bộ tín dụng theo yêu cầu, nhiệm vụ công tác thẩm định được giao.

Ngân hàng nên tổ chức cho cán bộ thẩm định tham gia các khóa tập huấn, đào tạo để hoàn thiện hơn nữa trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ thẩm định có trình độ cao, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Ngoài việc cho cán bộ thẩm định tham gia các lớp tập huấn do trung ương tổ chức, chi nhánh có thể tự tổ chức các lớp nâng cao nghiệp vụ thẩm định, mời các chuyên gia, các giáo sư của các trường đại học về tham gia giảng bài, trao đổi để gắn hơn nữa lý thuyết với thực tế.

Ngoài ra ngân hàng cần có chính sách ưu tiên, ưu đãi, khen thưởng thỏa đáng với các cán bộ tín dụng giỏi, làm việc có hiệu quả về mặt vật chất và tinh thần, đồng thời kỷ luật nghiêm minh các CB có những hành vi tiêu cực.

Nhưng để đem lại hiệu quả cao cho công tác thẩm định thì ngoài việc củng cố nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thẩm định thì chi nhánh còn phải tăng cường kiểm tra, kiểm soát nội bộ hơn nữa nhằm ngừa những sai sót trong việc tính toán hiệu quả dự án, việc tuân thủ các quy chế, thủ tục trong quá trình thẩm định cũng như ngăn chặn những hành vi sai lệch về đạo đức. Tuy nhiên công tác tổ chức điều hành thẩm định phải được tiến hành sao cho các dự án được thẩm định ngày càng nhanh nhưng vẫn đảm bảo chất lượng.

Ngoài ra, chi nhánh cần chú trọng xác lập mối quan hệ về thẩm định với các NHTM khác để có thể trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau.

Hàng quý tổ thẩm định dự án nên có các báo cáo tổng hợp tình hình thẩm định các dự án được thực hiện trong kỳ, tổ chức đánh giá, rút ra kinh

nghiệm cho từng cán bộ thẩm định để chất lượng của hoạt động thẩm định cũng như thẩm định tài chính dự án ngày càng được nâng cao.

b. Tăng cường mối quan hệ với khách hàng và cơ quan chức năng

Cần tăng cường mối quan hệ với khách hàng, tích cực tạo dựng uy tín của chi nhánh trên thị trường. Chi nhánh cần nắm rõ tình hình tài chính, tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp để có những thông tin quan trọng, chính xác nhằm tăng cường hiệu quả cho vay. Cần phải phối hợp với khách hàng để giải quyết những khó khăn phát sinh nhằm duy trì tốt nhất mối quan hệ lâu dài giữa khách hàng và chi nhánh.

Mặt khác chi nhánh cần mở rộng quan hệ với các cơ quan tư vấn thẩm định, cơ quan nghiên cứu kỹ thuật, chính quyền địa phương...việc này tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao hiệu quả công tác thẩm định của chi nhánh.

c. Đầu tư trang thiết bị phục vụ thẩm định

Trang thiết bị công nghệ là yếu tố góp phần không nhỏ vào việc hoàn thành tốt một quá trình thẩm định tài chính dự án. Chính vì thế cần phải đầu tư thích đáng cho yếu tố công nghệ và thiết bị phục vụ công tác thẩm định. Đối với ngân hàng, việc thường xuyên nâng cấp thiết bị, tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động thẩm định,cụ thể:

- Nâng cấp phần cứng, đồng thời cập nhật những phần mềm mới nhất phục vụ tính toán và phân tích các chỉ tiêu tài chính. Chi nhánh cũng cần tiếp tục bổ sung về thiết bị công nghệ cho cả chi nhánh và bộ phận TĐ nói riêng.

- Xây dựng mạng thông tin nội bộ với cơ sở dữ liệu phong phú, quản lý khoa học để thực hiện tốt việc phối hợp, hỗ trợ giữa các phòng ban với phòng thẩm định lấy thông tin về khách hàng thông qua quan hệ tài chính của khách hàng với các bộ phận khác như phòng kế toán,phòng thanh toán quốc tế.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu lưu trữ thông tin về khách hàng, khách hàng tiềm năng của Ngân hàng, tìm kiếm và bổ sung thường xuyên cho kho dữ liệu

này để khi cần cho công tác thẩm định hoặc tái thẩm định là có thể sử dụng được ngay.

- Xây dựng và hoàn thiện một quy trình thẩm định riêng của chi nhánh một cách chặt chẽ và hợp lý hơn.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị với ACB

Ngân hàng nên thường xuyên điều các đoàn kiểm tra giám sát hỗ trợ hoạt động TD tại ngân hàng, cử các cán bộ thẩm định có kinh nghiệm và lâu năm, các chuyên gia thuộc trung tâm đào tạo của ACB đến tham vấn và đóng góp xây dựng ý kiến cho công tác thẩm định tại ngân hàng. Mặt khác ngân hàng cũng cần có chính sách khen thưởng đối ngẫu xứng đáng với các CBTĐ.

Nhanh chóng hoàn thiện hệ thống thông tin nội bộ phục vụ công tác thẩm định. Hệ thống thông tin này bao gồm các thông tin liên quan đến các cơ quan, đơn vị, TCTD và các doanh nghiệp đã từng có quan hệ với ngân hàng. Điều này giúp cho CBTĐ có cơ sở hơn để tham khảo và đưa ra quyết định đúng đắn, hạn chế rủi ro.

Bên cạnh đó ngân hàng cần tích cực tổ chức các hội nghị tổng kết kinh nghiệm TD, các hội thi CBTĐ giỏi nghiệp vụ toàn ngân hàng nhằm tăng cường sự hiểu biết và phối hợp giữa các chi nhánh và các đơn vị trực thuộc.

Ngân hàng nên chủ động tìm kiếm các dự án đầu tư có hiệu quả để cho vay, chủ động tiếp cận tìm hiểu nhu cầu đầu tư của doanh nghiệp, từ đó tư vấn cho doanh nghiệp có phương hướng đầu tư có hiệu quả.

3.3.2. VỚI NHÀ NƯỚC VÀ CÁC BỘ, NGÀNH CÓ LIÊN QUAN

Thứ nhất, Nhà nước cần có quy định buộc các doanh nghiệp phải thực hiện nghiêm túc chế độ hạch toán kế toán, tạo điều kiện cho các ngân hàng trong việc kiểm tra, giám sát tình hình của doanh nghiệp, qua đó có thể phòng ngừa rủi ro. Quy định việc kiểm toán hàng năm và công bố kết quả rộng rãi

trên các phương tiện truyền thông. Phát hiện kịp thời những doanh nghiệp có kết quả kinh doanh không tốt và tìm cách hỗ trợ, tránh tình trạng doanh nghiệp khai khống về lợi nhuận để vay vốn ngân hàng.

Thứ hai, Nhà nước cần tạo lập môi trường pháp lý ổn định trong lâu dài. Đặc biệt là các qui chế luật pháp liên quan đến đầu tư, sản xuất kinh doanh, tài chính kế toán, xử lý tranh chấp... Các qui chế này cần được hoàn thiện nhanh và hợp lý nhất, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của nền kinh tế được diễn ra trong an toàn và lành mạnh. Việc này tạo điều kiện cho doanh nghiệp yên tâm đầu tư kinh doanh, kích thích doanh nghiệp vào quá trình thúc đẩy phát triển kinh tế nước nhà. Đồng thời việc tạo lập cơ sở kinh tế ổn định, pháp luật chi tiết cũng giúp cho ngân hàng có cơ sở pháp lý vững chắc xử lý những vấn đề liên quan tới thẩm định dự án cho vay vốn.

Thứ ba, Nhà nước có những biện pháp xử phạt các tổ chức kinh doanh cố ý khai không đúng sự thật về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh nâng trách nhiệm của người đi vay trong việc cung cấp hồ sơ, tài liệu. Cần có biện pháp nghiêm đối với sai phạm của các công ty kiểm soát thông tin của các doanh nghiệp khác như tư vấn, kiểm toán để bắt buộc việc kiểm toán, thẩm tra có ý nghĩa cao đối với sự lành mạnh thông tin dự án, doanh nghiệp.

Thứ tư, hoàn thiện các tiêu chuẩn, định mức kinh tế, kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực đầu tư. Các Bộ, Ngành cần nhanh chóng xây dựng bổ sung hoặc hoàn thiện sớm các bộ tiêu chuẩn, định mức kinh tế, kỹ thuật mới, định mức sản xuất sản phẩm, tiêu chuẩn về môi trường sát với tiêu chuẩn quốc tế.

Thứ năm, các Bộ chủ quản như Bộ công nghiệp, nông nghiệp, tài chính, tổng cục thống kê... cần phối hợp trong việc thẩm định và phê duyệt các dự án. Bên cạnh đó, các Bộ cần hệ thống hoá thông tin liên quan đến lĩnh vực mà mình quản lý, đồng thời hàng năm công bố công khai các thông tin này để các ngân hàng thương mại cũng như chủ đầu tư dễ dàng thu thập thông tin

TÓM TẮT CHƯƠNG 3

Chương này tác giả đã nêu lên các căn cứ đưa ra giải pháp. Và dựa trên thực trạng thẩm định tại chi nhánh tác giả đã đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác thẩm định tài chính dự án đầu tư trong cho vay tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng. Đây là nội dung chính của chương này nội dung trọng tâm là các giải pháp được đưa ra bao gồm:

- Cải tiến công tác tổ chức điều hành công tác thẩm định tài chính DAĐT tại chi nhánh.
- Hoàn thiện phương pháp phân tích.
- Nâng cao tính chính xác trong các nội dung thẩm định tài chính.
- Tăng cường công tác thu thập xử lý thông tin.
- Các biện pháp hỗ trợ.

Ngoài ra tác giả còn nêu lên các kiến nghị vào phần cuối của chương này bao gồm kiến nghị với ngân hàng Á Châu và kiến nghị với Nhà nước, các cơ quan, các Bộ, Ngành liên quan.

KẾT LUẬN

Nền kinh tế Việt Nam đang phát triển rất mạnh mẽ cả về chiều sâu và cả chiều rộng. Sự sôi động đó thể hiện rất rõ nét ở hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức trong nền kinh tế. Ngân hàng Á Châu - Đà Nẵng ra đời và hoạt động trong thời gian tương đối dài từ năm 1997 đến nay và đã có những đóng góp lớn lao vào thành công chung của toàn hệ thống ngân hàng Á Châu trên cả nước. Chi nhánh đang ngày càng khẳng định vị thế của mình với việc đã thẩm định và cho vay nhiều DAĐT hiệu quả ở khu vực Miền trung nói chung và đặc biệt là tại thành phố Đà Nẵng với tổng số vốn đầu tư hàng nghìn tỷ. Hầu hết các dự án này đều hoạt động có hiệu quả góp phần vào việc phát triển nền kinh tế của đất nước và quan trọng nhất là đã trả được vốn gốc và lãi cho Chi nhánh. Tuy nhiên, đối với ngân hàng Á Châu Việt Nam và ngân hàng Á Châu - Đà Nẵng nói riêng, công tác thẩm định tài chính dự án dù đã đạt được những kết quả đáng khích lệ nhưng vẫn tồn tại những hạn chế cũng như cần tìm ra những giải pháp hợp lý để khắc phục tình trạng đó.

Đề tài nghiên cứu: “**Hoàn thiện công tác thẩm định dự án đầu tư trong cho vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Đà Nẵng**” là rất cần thiết và đã có những đóng góp chủ yếu sau:

- Tác giả đã hệ thống hóa về mặt lý luận về dự án đầu tư và những nội dung liên quan đến thẩm định tài chính dự án đầu tư trong hoạt động cho vay của NHTM.

- Trong luận văn này tác giả đã trình bày cụ thể về nội dung công tác thẩm định tài chính DAĐT trong cho vay tại các ngân hàng thương mại và xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả thẩm định tài chính DAĐT. Từ đó xác định các nhân tố ảnh hưởng tới kết quả của công tác này.

- Dựa trên việc tiếp cận và tìm hiểu thực trạng công tác thẩm định tài chính DAĐT trong hoạt động cho vay của ngân hàng ACB-Đà Nẵng và bằng những số liệu cụ thể tại Chi nhánh trong 3 năm gần đây (2010 - 20120), đồng thời sử dụng bộ chỉ tiêu đã xây dựng ở chương 1 để tiến hành đánh giá kết quả công tác thẩm định tài chính DAĐT tại chi nhánh. Từ đó nêu lên những mặt đạt được, hạn chế trong công tác thẩm định tài chính trong quá trình cho vay và nguyên nhân của những hạn chế đó.

- Trên cơ sở về thực trạng và những đánh giá đó cũng như là phương hướng hoạt động cho vay DAĐT trong thời gian tới của chi nhánh, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thẩm định tài chính DAĐT, góp phần nâng cao hiệu quả cho vay và giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động của chi nhánh.

- Bên cạnh những giải pháp đã nêu ở trên, tác giả còn đưa ra các kiến nghị đối với ngân hàng Á Châu Việt Nam, cơ quan Nhà nước và các Bộ, Ngành có liên quan nhằm giúp cho công tác thẩm định tài chính DAĐT tại chi nhánh được thực hiện thuận lợi và hiệu quả hơn.

Thẩm định tài chính DAĐT là một nội dung quan trọng và có ảnh hưởng lớn tới kết quả cho vay của Chi nhánh. Dựa trên kết quả thẩm định này mà chi nhánh đưa ra kết luận đồng ý hay từ chối tài trợ vào DAĐT của khách hàng chính vì vậy công tác này ngày càng được chú trọng hoàn thiện giúp cho chi nhánh có những khoản đầu tư hiệu quả hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] TS Hồ Diệu, *Tín dụng ngân hàng*, NXB TP Hồ Chí Minh.
- [2] TS. Phan Thị Thu Hà - TS. Nguyễn Thị Thu Thảo (chủ biên), 2002, *Giáo trình Ngân Hàng Thương Mại Quản trị và Nghiệp vụ*, NXB Thông kê Hà Nội.
- [3] Ths Đinh Thế Hiển (2006), *Lập - Thẩm định hiệu quả tài chính dự án cho vay*, NXB Thông kê, Tp Hồ Chí Minh.
- [4] PGS.TS Lưu Thị Hương (2004), *Thẩm định tài chính dự án* - NXB Thông kê, Hà Nội.
- [5] TS Nguyễn Minh Kiều (2007), *Tín dụng và thẩm định tín dụng*, NXB Tài chính, TP Hồ Chí Minh.
- [6] TS Nguyễn Minh Kiều (2008), *Tài chính doanh nghiệp*, NXB Thông kê, Tp Hồ Chí Minh.
- [7] PGS.TS. Lưu Thị Hương (chủ biên), 2002, *Giáo trình Tài chính Doanh nghiệp*, NXB Giáo dục.
- [8] TS. Nguyễn Hòa Nhân (chủ biên), 2013, *Giáo trình Tài chính Doanh nghiệp*, NXB Tài chính.
- [9] TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (chủ biên), 2000, *Giáo trình Lập và quản lý Dự án đầu tư*, NXB Thông kê.
- [10] PGS.TS. Võ Thanh Thu, 1993, *Quản trị dự án đầu tư trong nước và quốc tế*, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- [12] Phòng Tín dụng cá nhân – ACB.ĐN (2010-2010), *Báo cáo kinh doanh về tín dụng tiêu dùng của Chi nhánh*.
- [13] Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng (2010-2012), *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh*.

Phụ lục 2.1: Bảng tính doanh thu của dự án

Chỉ tiêu	Năm 1	Năm 2	...	Năm n
Sản phẩm 1: -Công suất hoạt động -Sản lượng -Giá bán -Doanh thu -Thuế VAT đầu vào				
Sản phẩm 2: -Công suất hoạt động -Sản lượng -Giá bán -Doanh thu -Thuế VAT đầu vào				
...				
Tổng doanh thu				
Thuế VAT đầu ra				
Tổng doanh thu không có thuế				

(Nguồn: Mẫu báo cáo thẩm định ACB-Đà Nẵng)

Bảng 2.2: Bảng tính khấu hao

Chi tiêu	Năm 1	Năm 2	...	Năm n
Nhà xưởng -Nguyên giá -Đầu tư thêm trong kỳ -Khấu hao trong kỳ -Khấu hao lũy kế -Giá trị còn lại cuối kỳ				
Thiết bị -Nguyên giá -Đầu tư thêm trong kỳ -Khấu hao trong kỳ -Khấu hao lũy kế -Giá trị còn lại cuối kỳ				
Chi phí đầu tư khác -Nguyên giá -Đầu tư thêm trong kỳ -Khấu hao trong kỳ -Khấu hao lũy kế -Giá trị còn lại cuối kỳ				
Tổng cộng				

(Nguồn: Mẫu báo cáo thẩm định ACB-Đà Nẵng)

Bảng 2.3: Bảng tính chi phí hoạt động

Chi tiêu	Năm 1	Năm 2	...	Năm n
Nguyên vật liệu chính				
Nguyên vật liệu phụ				
Điện				
Nước				
Lương + BHYT + BHXH				
CP thuê đất				
CP quản lý phân xưởng				
CP quản lý doanh nghiệp				
CP bán hàng				
Tổng cộng chi phí hoạt động				
Thuế VAT được khấu trừ				
CP hoạt động đã khấu trừ thuế VAT				

(Nguồn: Mẫu báo cáo thẩm định ACB-Đà Nẵng)

Bảng 2.5: Bảng dòng tiền của dự án

STT	Chỉ tiêu	Năm 1	Năm 2	...	Năm n
1	Doanh thu sau thuế				
2	Chi phí hoạt động sau thuế				
3	Khấu hao				
4	Thuế VAT phải nộp				
5	Lợi nhuận trước thuế (1-2-3-4)				
6	Lãi vay				
7	Lợi nhuận trước thuế (5-6)				
8	Lợi nhuận chịu thuế				
9	Thuế thu nhập doanh nghiệp				
10	Lợi nhuận ròng (8-9)				
11	Chia cổ tức, chi quỹ khen thưởng, phúc lợi				
12	Lợi nhuận tích lũy				
13	Dòng tiền hàng năm từ dự án -Lũy kế dòng tiền -Hiện giá dòng tiền -Lũy kế hiện giá dòng tiền				

(Nguồn: Mẫu báo cáo thẩm định ACB-Đà Nẵng)

**Phụ lục 2.6: Bảng minh họa độ nhạy khi một biến thay đổi
(giá định đơn giá NVL thay đổi)**

Khi đơn giá NVL chưa thay đổi	Đơn giá NVL thay đổi			
	Mức thay đổi 1	Mức thay đổi 2	Mức thay đổi 3	Mức thay đổi 4
NPV				
IRR				
T				

(Nguồn: Mẫu báo cáo thẩm định ACB Đà Nẵng)

**Phụ lục 2.7: Bảng minh họa độ nhạy khi hai biến thay đổi
(giá định là sản lượng và đơn giá sản phẩm)**

Khảo sát NPV	Sản lượng thay đổi			
	Kết quả NPV	Mức thay đổi 1	Mức thay đổi 2	Mức thay đổi 3
Đơn giá thay đổi	Mức thay đổi 1			
	Mức thay đổi 2			
	Mức thay đổi 3			

(Nguồn: Mẫu báo cáo thẩm định ACB Đà Nẵng)

